



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên
NLĐ	:	Người lao động
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	:	Hội đồng Quản trị
HĐTV	:	Hội đồng Thành viên
BKS	:	Ban Kiểm soát
BTGD	:	Ban Tổng Giám đốc
BMP	:	Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
MTV	:	Một thành viên
NBM	:	Công ty TNHH MTV Nhựa Bình Minh Miền Bắc
BMLA	:	Bình Minh Long An
DPC	:	Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng
SCIC	:	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước
TP. HCM	:	Thành phố Hồ Chí Minh
TNDN	:	Thu nhập doanh nghiệp
ERP	:	Chương trình hoạch định tổng thể nguồn lực doanh nghiệp
ĐKDN	:	Đăng ký doanh nghiệp
QTRR	:	Quản trị rủi ro
PCCC	:	Phòng cháy chữa cháy
KSNB	:	Kiểm soát nội bộ



Các chỉ tiêu tài chính nổi bật	04
Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi	06
Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	08

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ NHỰA BÌNH MINH	10
Thông tin khái quát	12
Quá trình hình thành và phát triển	14
Ngành nghề kinh doanh và địa bàn hoạt động	16
Danh mục sản phẩm tiêu biểu	20
Các sự kiện nổi bật trong năm 2016	22
Danh hiệu và giải thưởng đạt được năm 2016	24
Thông tin về mô hình quản trị và bộ máy quản lý	26
- Mô hình quản trị và các công ty con, công ty liên kết	26
- Cơ cấu bộ máy quản lý	30
Giới thiệu Hội đồng Quản trị	32
Giới thiệu Ban Kiểm soát	38
Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc	40
Định hướng phát triển	44
Phân tích SWOT	48

NỘI DUNG

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	50
Thông tin thị trường sản xuất, kinh doanh ngành nhựa năm 2016	52
Tổ chức và nhân sự	54
Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án	58
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	60
Báo cáo và đánh giá của BTGD	62
Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Công ty	74
Báo cáo của Ban Kiểm soát	78

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP	82
Hội đồng Quản trị	84
Ban Kiểm soát	88
Lương thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BTGD và BKS	90
Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan	92
Quản trị rủi ro	94

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	98
Thông điệp Báo cáo phát triển bền vững	100
Tổng quan về Báo cáo phát triển bền vững	102
Sơ đồ tổ chức hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008	104
Sơ đồ tổ chức hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2004	106
Mối quan hệ bền vững giữa các bên liên quan	108
Cơ chế tiếp nhận ý kiến của các bên liên quan	110
Đánh giá các vấn đề trọng yếu	112
Văn hóa Nhựa Bình Minh	114
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức nhân sự, chính sách, quản lý	116
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội	122
Trách nhiệm đối với sản phẩm	132
Hoạt động cộng đồng - xã hội	136
Bảng tham chiếu theo tiêu chuẩn GRI4	142

BÁO CÁO TÀI CHÍNH	148
Báo cáo tài chính hợp nhất	150
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016	



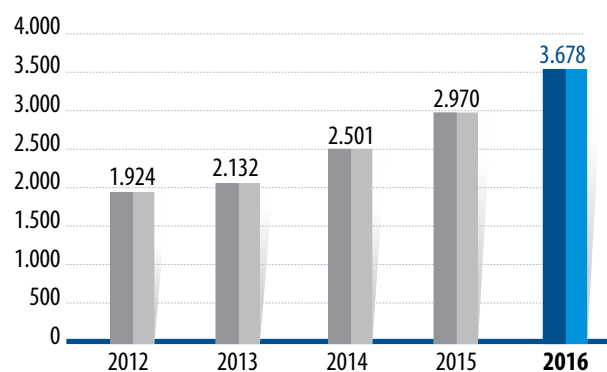
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH NỔI BẬT

CHỈ TIÊU	ĐVT	2012	2013	2014	2015	2016
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Doanh thu	Tỷ đồng	1.924	2.132	2.501	2.970	3.678
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.891	2.088	2.416	2.792	3.309
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	589	622	669	890	1.061
Chi phí hoạt động	Tỷ đồng	124	136	197	222	282
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	465	486	472	668	779
Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính	Tỷ đồng	7,9	13,0	6,8	(1,2)	7,5
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	Tỷ đồng	2,0	0,6	1,3	(2,0)	(2,3)
Lợi nhuận được chia từ Công ty liên kết	Tỷ đồng	-	(0,5)	0,8	0,5	0,5
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	Tỷ đồng	479	499	481	665	784
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	361	371	377	519	627
Bảng cân đối kế toán						
Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.423	1.681	1.929	2.438	2.891
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	350	455	455	455	455
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	1.274	1.489	1.718	2.015	2.297
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu						
Thu nhập trên tổng tài sản (ROA)	%	27,8%	23,9%	20,9%	23,8%	23,5%
Thu nhập trên vốn cổ phần (ROE)	%	31,0%	26,8%	23,5%	27,8%	29,1%
Chỉ tiêu cho một đơn vị cổ phiếu						
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành cuối kỳ	Cổ phiếu	34.983.552	45.478.480	45.478.480	45.478.480	45.478.480
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VNĐ	7.927	8.134	8.285	10.317	13.796
Giá trị sổ sách 1 cổ phiếu	VNĐ	35.567	32.103	37.159	43.699	44.965
Cổ tức	VNĐ	4.000	3.000	3.500	6.000	2.000 ^(*)
Giá thị trường thời điểm cuối năm	VNĐ	44.500	70.000	73.000	131.000	191.000

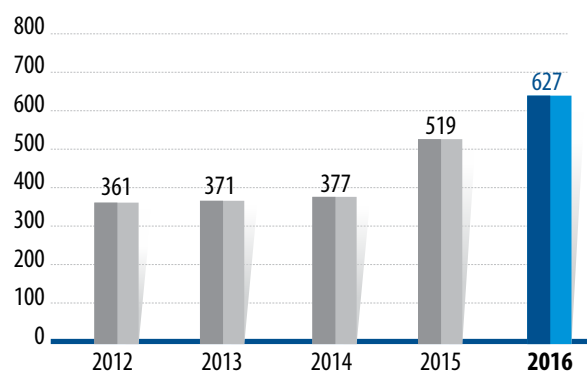
Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán BMP 2012 - 2016

(*) Cổ tức tạm tính theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2016

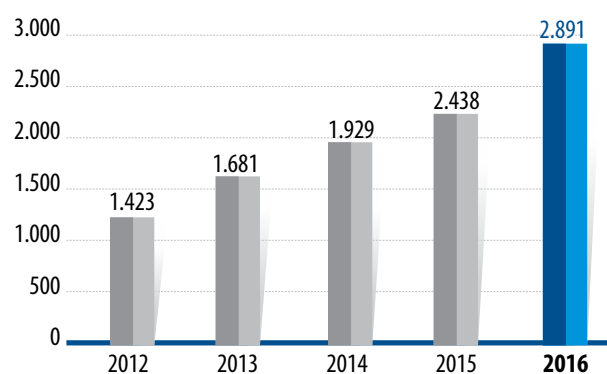
DOANH THU (TỶ ĐỒNG)



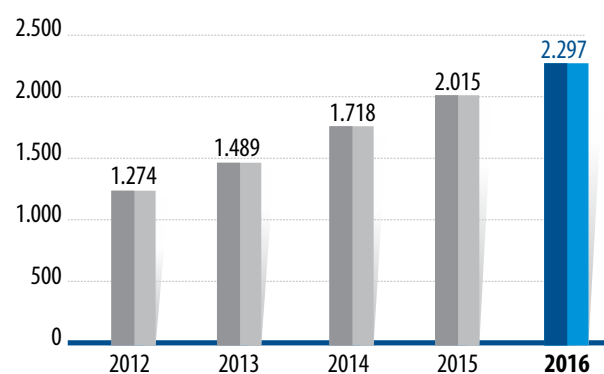
LỢI NHUẬN SAU THUẾ (TỶ ĐỒNG)



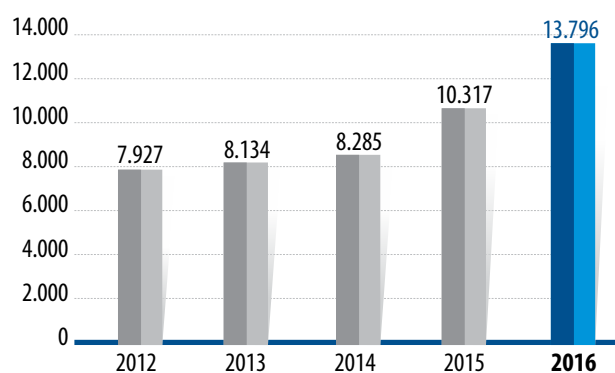
TỔNG TÀI SẢN (TỶ ĐỒNG)



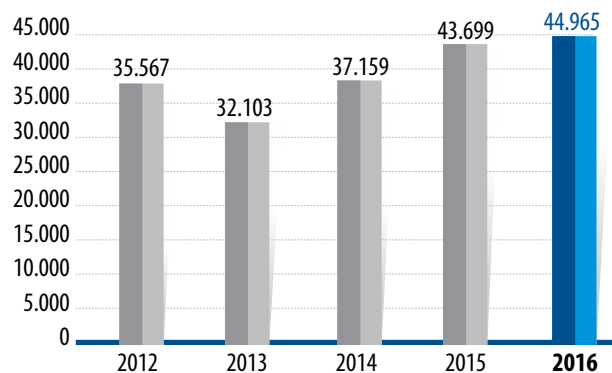
VỐN CHỦ SỞ HỮU (TỶ ĐỒNG)



LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (VNĐ)



GIÁ TRỊ SỔ SÁCH 1 CỔ PHIẾU (VNĐ)





TẦM NHÌN

Duy trì vị thế doanh nghiệp hàng đầu của ngành nhựa vật liệu xây dựng Việt Nam. Chủ động hoàn thiện năng lực, sẵn sàng cạnh tranh trong khu vực và quốc tế.





SỨ MỆNH

Cung ứng sản phẩm, dịch vụ đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường. Bảo đảm hài hòa các lợi ích của khách hàng, người lao động, cổ đông và xã hội.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- **ĐỒNG THUẬN CAO**
- **TÔN TRỌNG QUÁ KHỨ**
- **VỮNG VÀNG HIỆN TẠI**
- **TỰ TIN HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI**





THÔNG DIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Năm 2016 cũng là năm Nhựa Bình Minh liên tục đạt được các danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao lần thứ 20; Thương hiệu Quốc gia lần thứ 5 và là một trong 50 Doanh nghiệp Niềm yết hiệu quả nhất Việt Nam.



Kính gửi Quý Cổ đông, Khách hàng, Nhà đầu tư và toàn thể nhân viên!

Với các chính sách nhất quán, phù hợp của Hội đồng Quản trị, sự điều hành linh hoạt, quyết liệt của Ban Tổng Giám đốc, cùng sự đồng thuận, cố gắng của CBCNV, năm 2016 khép lại với những thành tựu nổi bật nhất trong lịch sử phát triển của Nhựa Bình Minh:

- Tổng doanh thu đạt 3.678 tỷ đồng, tăng 23,8% so với năm 2015.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 784 tỷ đồng, tăng 17,9% so với năm 2015.

Năm 2016 cũng là năm Nhựa Bình Minh liên tục đạt được các danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao lần thứ 20; Thương hiệu Quốc gia lần thứ 5 và là một trong 50 Doanh nghiệp Niềm yết hiệu quả nhất Việt Nam.

Trong thời gian qua, Nhựa Bình Minh đã có sự chuyển mình mạnh mẽ với nhiều thành quả đạt được mang tính bước ngoặt để thúc

3.678

TỶ ĐỒNG
TỔNG DOANH THU

đẩy cho sự phát triển của một chặng đường mới. Đến hôm nay, Nhựa Bình Minh tự hào nhìn lại những thành tựu của chặng đường đã qua và tự tin hướng tới tương lai với ý thức sâu sắc về những thách thức, sự cạnh tranh gay gắt, quyết liệt trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng với nền kinh tế toàn cầu. Không bao giờ chủ quan, thỏa mãn hay bằng lòng với những kết quả đạt được, Nhựa Bình Minh đã sớm có các kế hoạch dài hạn hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, tiếp tục đầu tư công nghệ, đẩy mạnh công tác nghiên cứu và phát triển nhằm đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh doanh và tích cực tham gia vào các hoạt động an sinh xã hội, bảo vệ môi trường,... Đó chính là những giá trị bền vững giúp Nhựa Bình Minh ngày càng tỏa sáng trong niềm tin của hàng triệu khách hàng.

Bước vào năm 2017 với nhiều cơ hội mới, triển vọng mới, Nhựa Bình Minh tiếp tục đẩy nhanh quá trình đầu tư nhà xưởng, thiết bị, hoàn thiện các thể chế nội bộ, đặc biệt quan tâm hơn nữa đến môi trường và điều kiện làm việc của CBCNV, quyết tâm bứt phá để thực hiện thành công các chỉ tiêu kinh tế kế hoạch của năm. Đồng thời nỗ lực đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường, gia tăng niềm tin bền vững của khách hàng, hướng tới bồi đắp và nâng thương hiệu Nhựa Bình Minh lên một tầm cao mới, nhằm ghi dấu ấn cho chặng đường 40 năm hình thành và phát triển của một Thương hiệu Quốc gia (16/11/1977 - 16/11/2017).

Thay mặt toàn thể Công ty, tôi xin chân thành cảm ơn sự tin tưởng và ủng hộ nhiệt tình của Quý cổ đông, khách hàng, đối tác, các cơ quan quản lý hữu quan cùng sự nỗ

lực hết mình của toàn thể CBCNV trong suốt thời gian qua. Chúng tôi cam kết phấn đấu vì một Nhựa Bình Minh phát triển bền vững, vì sự thịnh vượng chung của cổ đông, người lao động, khách hàng và xã hội. Kính chúc Quý vị luôn mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



LÊ QUANG DOANH

CAO HƠN

Nhựa Bình Minh luôn tiên phong trong việc áp dụng công nghệ sản xuất mới nhất, tiên tiến nhất trên thế giới hiện nay. Tất cả những cố gắng của Công ty đều hướng tới mục đích mang đến cho người tiêu dùng những sản phẩm chất lượng vượt trội theo tiêu chuẩn Quốc tế.

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ NHỰA BÌNH MINH

• Thông tin khái quát • Quá trình hình thành và phát triển • Ngành nghề kinh doanh và địa bàn hoạt động • Danh mục sản phẩm tiêu biểu • Các sự kiện nổi bật trong năm 2016 • Danh hiệu và giải thưởng đạt được năm 2016 • Thông tin về mô hình quản trị và bộ máy quản lý • Mô hình quản trị và các công ty con, công ty liên kết • Cơ cấu bộ máy quản lý - Sơ đồ tổ chức • Giới thiệu Hội đồng Quản trị • Giới thiệu Ban Kiểm soát • Giới thiệu Ban Tổng Giám đốc • Định hướng phát triển • Phân tích SWOT





THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH**

Tên tiếng Anh: BINH MINH PLASTICS JOINT - STOCK COMPANY

Tên viết tắt: BMPLASCO

Giấy chứng nhận ĐKDN
và mã số thuế: 0301464823

Vốn điều lệ: 454.784.800.000 đồng

Địa chỉ trụ sở: 240 Hậu Giang, phường 9, quận 6, TP. HCM

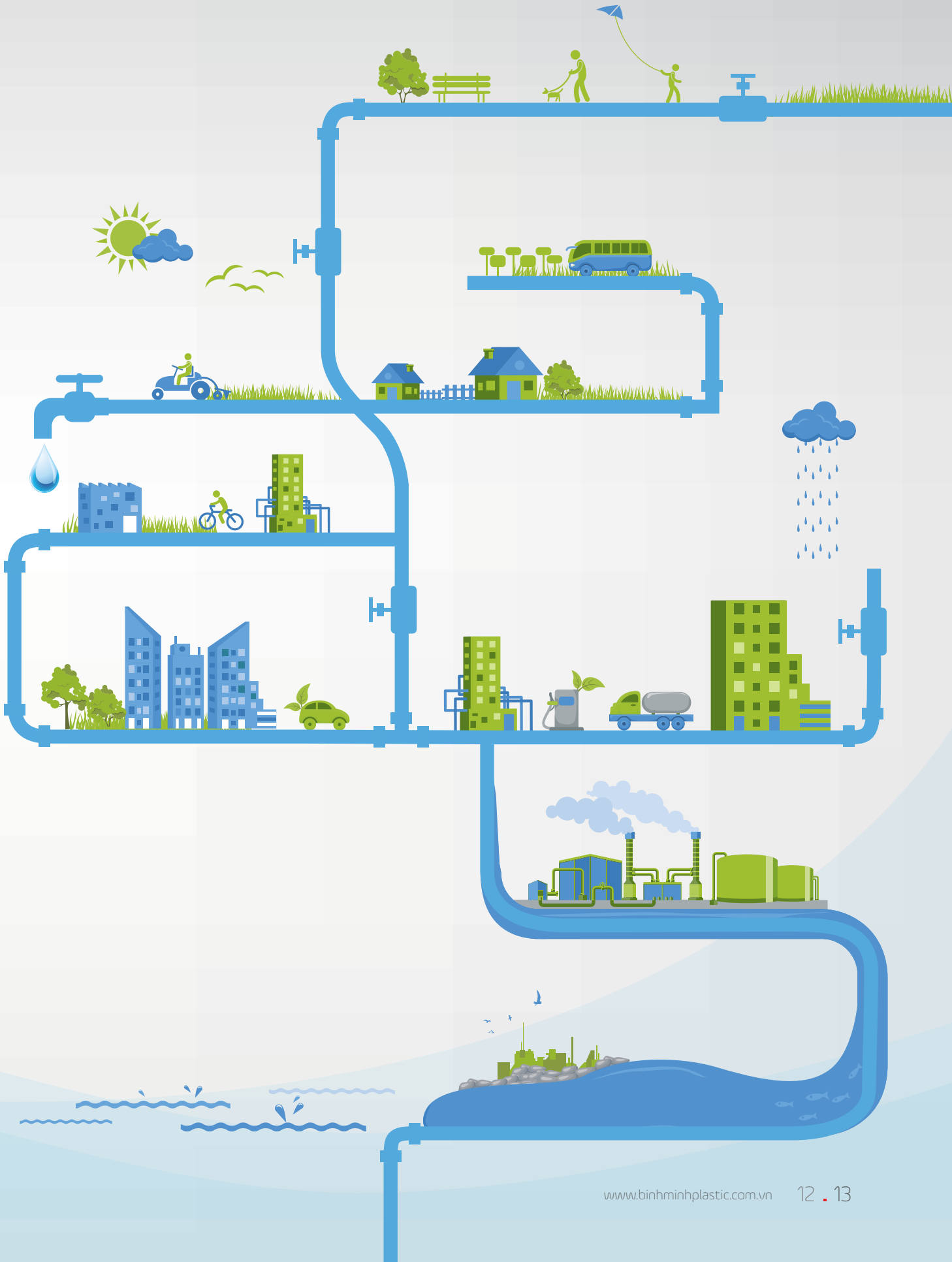
Điện thoại: (84-28) 39 690 973

Fax: (84-28) 39 606 814

Website: **www.binhminhplastic.com.vn**

Mã cổ phiếu: **BMP**







40 NĂM HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1977 - 1986

1987 - 1996

1977 - 1986: ỔN ĐỊNH SẢN XUẤT

Đầu thập niên 80, trong bối cảnh kinh tế đất nước bị cấm vận, Nhà máy sản xuất cấm chùng từ nguồn nguyên liệu tồn kho từ trước ngày giải phóng, Ban Lãnh đạo đã xác định tập trung sản xuất sản phẩm nhựa kỹ thuật đáp ứng cho nhu cầu thiết yếu của xã hội với chi phí nguyên liệu thấp nhất. Các sản phẩm như dây truyền dịch, bộ điều chỉnh Karman cho y tế, phụ tùng nhựa cho ngành dệt, bình xịt phục vụ nông nghiệp, nón bảo hộ lao động cho công nhân hầm mỏ đã ra đời trong giai đoạn này. Đây cũng được xem là giai đoạn quan trọng để Công ty trở thành nhà cung cấp ống nhựa uPVC có đường kính đến 220 mm đầu tiên ở Việt Nam, phục vụ các ngành: Cấp nước, thoát nước, điện lực, viễn thông...

- Ngày 16/11/1977, Nhà máy Công tư Hợp doanh Nhựa Bình Minh trực thuộc Tổng công ty Công nghệ phẩm - Bộ Công nghiệp nhẹ được thành lập từ việc hợp nhất giữa Công ty Ống nhựa hóa học Việt Nam (Kepivi) và Công ty Kỹ nghệ Kiểu Tinh, chuyên sản xuất các loại sản phẩm nhựa dân dụng, một số sản phẩm ống và phụ kiện ống nhựa.
- Đây là năm đánh dấu bước chuyển mình lịch sử của Nhựa Bình Minh khi được UNICEF lựa chọn làm nhà cung cấp đầu tiên và chủ yếu ống nhựa uPVC cho dự án "Chương trình nước sạch nông thôn", đánh dấu sự chuyển đổi hoàn toàn cơ cấu sản phẩm của Nhựa Bình Minh sang sản xuất các sản phẩm nhựa công nghiệp và kỹ thuật, tạo tiền đề cho ngành ống nhựa Việt Nam phát triển.

1987 - 1996: ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ - ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Trong giai đoạn này, Nhựa Bình Minh đã chuyển đổi hoàn toàn từ một nhà máy chuyên sản xuất hàng gia dụng sang sản xuất nhựa công nghiệp, chủ yếu là ống nhựa theo tiêu chuẩn quốc tế.

- Đổi tên thành Xí nghiệp Khoa học Sản xuất Nhựa Bình Minh, là đơn vị Nhà nước trực thuộc Bộ Công nghiệp nhẹ.
- Chính thức đăng ký bảo hộ độc quyền nhãn hiệu hàng hóa, thương hiệu và logo Nhựa Bình Minh tại Việt Nam, khởi đầu cho việc xây dựng và phát triển thương hiệu.
- Hệ thống phân phối sản phẩm của Nhựa Bình Minh bắt đầu được hình thành.
- Đổi tên thành Công ty Nhựa Bình Minh, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Công nghiệp nhẹ.
- Doanh nghiệp đầu tiên ứng dụng công nghệ tiên tiến Dry-Blend để sản xuất ống nhựa uPVC đường kính lớn nhất Việt Nam 400 mm trực tiếp từ nguyên liệu compound.

1977 1986

1990 1994



NHỰA BÌNH MINH® BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016

**2007
đến nay**

1997 - 2006

1997 - 2006: ĐỔI MỚI ĐỂ PHÁT TRIỂN

Với chủ trương “Đổi mới và phát triển”, Công ty liên tục đầu tư máy móc, thiết bị hiện đại bằng nguồn vốn tự có để nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm. Điển hình là việc đầu tư mở rộng mặt bằng nhà máy tại TP. HCM, đầu tư xây dựng mới Nhà máy 2 với tổng diện tích 20.000 m² tại Khu Công nghiệp Sóng Thần 1, tỉnh Bình Dương, trang bị hoàn toàn máy móc hiện đại của các nước châu Âu. Cũng trong thời gian này, Công ty đã thực hiện cổ phần hóa và niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

- Khánh thành Nhà máy 2 - diện tích 20.000 m² tại Bình Dương với trang thiết bị hiện đại của các nước châu Âu - đánh dấu một bước phát triển về quy mô và năng lực sản xuất của Công ty.
- Được cấp chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001.
- Lần đầu tiên đưa ra thị trường sản phẩm ống HDPE trơn và ống PE gân thành đôi.
- Hoàn tất đầu tư kho bãi mở rộng diện tích Nhà máy 2 lên 30.000 m².
- Ngày 02/01/2004, sau cổ phần hóa, Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh chính thức hoạt động với tên giao dịch là Bình Minh Plastics Joint-Stock Company, viết tắt là BMPLASCO.
- Công ty đầu tư thiết bị và mở rộng diện tích Nhà máy 2 lên 50.000 m².
- Ngày 11/7/2006, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam với mã chứng khoán BMP.

2007 ĐẾN NAY: PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Với định hướng chiến lược phát triển bền vững, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Công ty với cổ đông, khách hàng, người lao động và cộng đồng, ở giai đoạn này, các giải pháp tự động hóa, nâng cao năng suất lao động, phát triển nguồn nhân lực, tiết kiệm nguyên vật liệu, nhiên liệu, bảo vệ môi trường được Công ty chú trọng hàng đầu. Đây cũng là giai đoạn mang tính bước ngoặt của Công ty với sự ra đời của các sản phẩm ống chất lượng quốc tế có đường kính lớn nhất Việt Nam như ống uPVC 630 mm, ống HDPE 1.200 mm bên cạnh ống gân PE thành đôi, ống PP-R, mang đến cho khách hàng thêm nhiều lựa chọn, góp phần phát triển kinh tế nước nhà.

- Ngày 21/12, Công ty TNHH MTV Nhựa Bình Minh miền Bắc tại Hưng Yên được khánh thành, chính thức đưa thương hiệu Nhựa Bình Minh tham gia chinh phục thị trường phía Bắc.
- Công ty mua và nắm giữ 29% cổ phần của Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng với mục đích phát triển thương hiệu Nhựa Bình Minh tại miền Trung và Cao Nguyên.
- Sản phẩm ống PP-R chịu nhiệt được chính thức đưa ra thị trường.
- Sản xuất ống uPVC đường kính đến 630 mm.
- Là Công ty đầu tiên sản xuất thành công ống HDPE có đường kính 1.200 mm lớn nhất Việt Nam.
- Ký hợp đồng thuê hơn 155.000 m² đất tại Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc 2, Bến Lức, Long An cho dự án xây dựng Nhà máy Bình Minh Long An.
- Tham gia góp 26% vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh Bất động sản Bình Minh Việt nhằm chuyển đổi công năng khu đất tại trụ sở chính Công ty khi có chủ trương di dời của Nhà nước.
- Áp dụng Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001.
- Triển khai dự án công nghệ thông tin “Hoạch định tổng thể nguồn lực doanh nghiệp (ERP) - Oracle E-Business Suite”.
- Chứng nhận hợp quy cho các sản phẩm theo quy chuẩn của Bộ Xây dựng.
- Tăng vốn điều lệ lên 454.784.800.000 đồng.
- Ngày 18/11/2015, khánh thành Nhà máy Bình Minh Long An.
- Triển khai thành công 05 phân hệ ERP tại Công ty, các chi nhánh và công ty con.
- Khởi công xây dựng giai đoạn II Nhà máy Bình Minh Long An.
- Đầu tư tăng 50% công suất sản xuất phụ tùng ống.
- Đạt Thương hiệu Quốc gia lần thứ 5 liên tiếp từ 2008 đến 2016.
- Đạt Thương hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao lần thứ 20 liên tiếp từ 1997 đến 2016.

1999 2000 2002 2004 2006

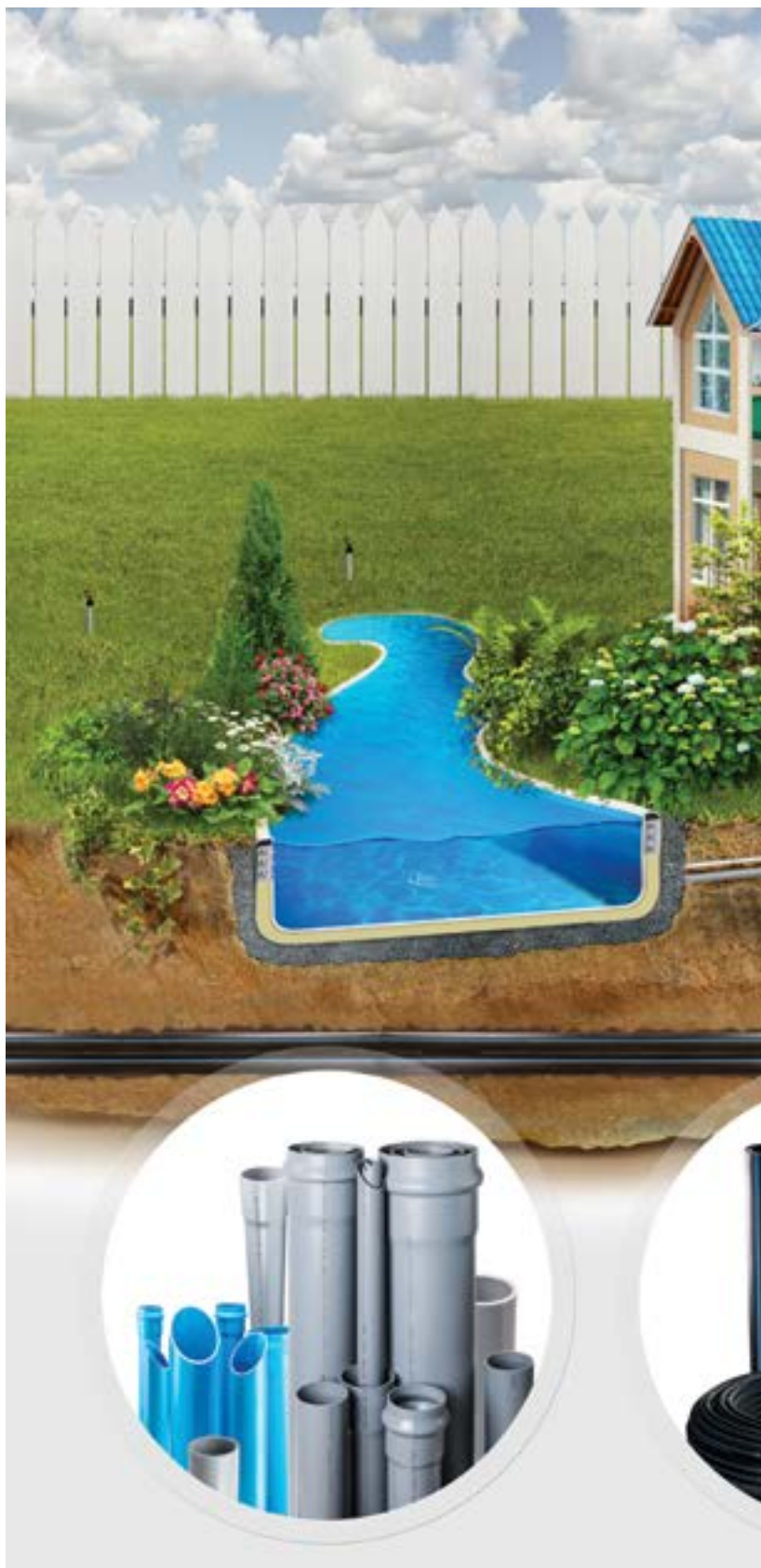
2007 2008 2009 2010 2011 2012 2013 2015 2016



**NGÀNH NGHỀ KINH DOANH
VÀ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG**

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Nhựa Bình Minh là doanh nghiệp SẢN XUẤT KINH DOANH HÀNG ĐẦU tại Việt Nam về các sản phẩm ống nhựa và phụ tùng ống nhựa các loại phục vụ cho ngành cấp thoát nước, bưu chính viễn thông, điện lực, xây dựng công nghiệp và dân dụng.



NHỰA BÌNH MINH® BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016



NHỰA BÌNH MINH®



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

Nhựa Bình Minh có địa bàn sản xuất kinh doanh nội địa trong cả nước.

Nhựa Bình Minh chiếm khoảng 50% thị phần ống nhựa tại khu vực miền Nam và chiếm khoảng 25% thị phần ống nhựa trong cả nước.

CÁC NHÀ MÁY SẢN XUẤT

Hiện nay Công ty có 4 nhà máy sản xuất tại TP. HCM, Bình Dương, Long An và Hưng Yên đáp ứng nhu cầu cung ứng hàng hóa cho thị trường cả nước.

HỆ THỐNG PHÂN PHỐI SẢN PHẨM

Sau gần 40 năm hình thành và phát triển, hệ thống phân phối sản phẩm của Nhựa Bình Minh ngày càng mở rộng. Tính đến năm 2017, Công ty có gần 1.500 cửa hàng rộng khắp trên cả nước đảm bảo cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo yêu cầu của khách hàng. Ngoài ra, Công ty còn tham gia vào các dự án lớn trọng điểm quốc gia, là đơn vị cung cấp sản phẩm ống nhựa cho các doanh nghiệp ngành cấp nước, xây dựng,...



NHÀ MÁY MIỀN BẮC



NHÀ MÁY LONG AN



Sau gần 40 năm hình thành và phát triển, hệ thống phân phối sản phẩm của Nhựa Bình Minh ngày càng mở rộng. Tính đến năm 2017, Công ty có gần 1.500 cửa hàng rộng khắp trên cả nước đảm bảo cung ứng hàng hóa nhanh chóng, kịp thời theo yêu cầu của khách hàng.





Quần đảo Hoàng Sa

Quần đảo Trường Sa

đảo Phú Quốc
Phú Quốc

Côn Đảo
Côn Đảo

Phú Quý



NHÀ MÁY BÌNH DƯƠNG



TRỤ SỞ TP. HỒ CHÍ MINH



DANH MỤC SẢN PHẨM TIÊU BIỂU

NHÓM ỐNG VÀ PHỤ TÙNG ỐNG UPVC

1. Ống và phụ tùng nối ống PVC cứng đường kính từ 20 mm đến 630 mm, dùng cho ngành nước và tuyến cáp ngầm phù hợp tiêu chuẩn ISO 1452:2009 (TCVN 8491:2011), được chứng nhận hợp quy theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: QCVN 16:2014/BXD bao gồm:

- Ống và phụ tùng ống nhựa PVC cứng hệ inch và hệ mét được sản xuất từ hợp chất nhựa PVC không hóa dẻo.
- Ống PVC cứng hệ CIOD có đường kính ngoài tương thích với ống và phụ tùng ống gang chịu áp.

Các loại ống này thích hợp dùng trong những hệ thống dẫn nước như:

- Hệ thống dẫn nước sinh hoạt.
- Hệ thống dẫn nước và tưới tiêu trong nông nghiệp.
- Hệ thống ống dẫn trong công nghiệp.
- Hệ thống thoát nước thải, thoát nước mưa,...

2. Ống và phụ tùng PVC cứng được dùng để bảo vệ tuyến cáp ngầm trong các hệ thống như:

- Hệ thống cáp ngầm bưu điện (cáp sợi quang, cáp đồng,...).
- Hệ thống cáp ngầm điện lực (cáp điện,...).



NHÓM ỐNG VÀ PHỤ TÙNG ỐNG HDPE

1. Ống và phụ tùng ống nhựa HDPE có đường kính từ 16 mm đến 1.200 mm được sản xuất từ hợp chất nhựa polyethylene tỷ trọng cao PE 100, theo tiêu chuẩn ISO 4427:2007 (TCVN 7305:2008), thích hợp dùng cho các ứng dụng:

- Hệ thống dẫn nước sinh hoạt.
- Hệ thống dẫn nước và tưới tiêu trong nông nghiệp.
- Hệ thống ống dẫn trong công nghiệp.
- Hệ thống thoát nước thải, thoát nước mưa,...

2. Ống và phụ tùng ống gân thành đôi HDPE đường kính từ 110 mm đến 500 mm được sản xuất từ hợp chất nhựa polyethylene tỷ trọng cao (HDPE), thích hợp dùng cho các ứng dụng:

- Hệ thống ống thoát nước cho xa lộ.
- Hệ thống ống thoát nước cho sân golf.
- Hệ thống ống thoát nước dân dụng.
- Hệ thống ống thoát nước và xử lý nước thải công nghiệp.
- Hệ thống ống lọc và lấy nước thải.
- Hệ thống ống bảo vệ cáp ngầm.



NHÓM ỐNG VÀ PHỤ TÙNG ỐNG PP-R

Ống và phụ tùng ống PP-R đường kính từ 20 mm đến 160 mm được sản xuất từ hợp chất nhựa Polypropylene Copolymer, PP-R80, thích hợp cho các ứng dụng:

- Hệ thống ống dẫn nước nóng đến 95°C và nước lạnh dùng trong sinh hoạt và trong công nghiệp.
- Hệ thống vận chuyển dung dịch thực phẩm ở nhiệt độ cao và thấp.
- Hệ thống dẫn sưởi ấm sàn nhà.



NHÓM CÁC SẢN PHẨM KHÁC

Bình xịt sử dụng trong nông nghiệp các loại 1 lít, 5 lít, 10 lít sản xuất theo tiêu chuẩn TCVN 5931:1995 dùng để tưới cây cảnh hoặc phun thuốc trừ sâu.





CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT TRONG NĂM 2016

Tháng 3/2016

Tại TP. Long Xuyên tỉnh An Giang, Nhựa Bình Minh đã tổ chức thành công Hội thảo **“Sử dụng ống Nhựa Bình Minh trong xây dựng dân dụng và công nghiệp”** với sự tham gia của 180 khách mời đến từ 80 cửa hàng bán sản phẩm và 05 đơn vị đối tác tại các tỉnh An Giang, Đồng Tháp và TP. Cần Thơ.



THÁNG 3/2016



Tháng 7/2016

Tại TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Nhựa Bình Minh tiếp tục tổ chức Hội thảo **“Sử dụng ống Nhựa Bình Minh trong xây dựng dân dụng và công nghiệp”** nhằm giới thiệu sản phẩm, phát triển hệ thống phân phối, đưa sản phẩm tới người tiêu dùng địa phương, tích cực hưởng ứng cuộc vận động **“Người Việt ưu tiên dùng hàng Việt”**. Hội thảo đã quy tụ hơn 200 khách mời đến từ các công ty tư vấn thiết kế, đầu tư, xây dựng, công ty cấp thoát nước, Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường, ban quản lý các dự án, các cửa hàng kinh doanh vật tư ngành nước và các khách hàng sử dụng sản phẩm.



THÁNG 7/2016



THÁNG 4/2016



Tháng 4/2016

Cải tiến kỹ thuật tự động bằng chuyển nhằm hợp lý hóa việc bố trí quy trình lắp ráp, nâng cao năng suất lắp ráp phụ kiện tại các nhà máy, giúp tăng hơn 50% sản lượng so với cùng kỳ năm ngoái.

Tháng 9/2016

Công ty đã hoàn tất dự án đầu tư thiết bị tăng 50% công suất sản xuất phụ tùng ống tại Nhà máy Bình Minh Long An. Đồng thời đến tháng 12 năm 2016 hoàn tất xây dựng mở rộng trên 13.000 m² kho, góp phần tăng diện tích lưu trữ, đáp ứng tốt cho nhu cầu khai thác và tiêu thụ sản phẩm của Công ty.

**THÁNG 8/2016****THÁNG 9/2016****THÁNG 11/2016****Tháng 8/2016**

Tiếp tục hưởng ứng cuộc vận động **“Người Việt ưu tiên dùng hàng Việt”**, Nhựa Bình Minh đã tham gia Hội chợ Hàng Việt Nam chất lượng cao tại TP. Quy Nhơn, Bình Định. Tại đây, Công ty đã kết hợp tổ chức buổi Hội thảo **“Sử dụng ống nhựa Bình Minh trong xây dựng dân dụng và công nghiệp”** với sự góp mặt của hơn 250 khách mời là các chủ thầu, đơn vị thi công, khách hàng tiềm năng và hệ thống cửa hàng bán sản phẩm Nhựa Bình Minh tại khu vực miền Trung.

**Tháng 11/2016**

Công ty đã tổ chức thành công Hội nghị khách hàng tại Malaysia dành riêng cho hệ thống phân phối sản phẩm của Công ty với sự tham gia của hơn 1.300 người đến từ các cửa hàng trên khắp mọi miền đất nước. Sự kiện đã đánh dấu bước phát triển mới của Công ty, nâng thương hiệu Nhựa Bình Minh lên một tầm cao mới, thắt chặt mối quan hệ với hệ thống phân phối để cùng Bình Minh đi tới và tỏa sáng ở những chân trời mới xa hơn, tươi đẹp hơn.



DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG ĐẠT ĐƯỢC NĂM 2016

Hàng Việt Nam chất lượng cao

Danh hiệu “Hàng Việt Nam chất lượng cao” lần thứ 20

Người tiêu dùng bình chọn



NHỰA BÌNH MINH® BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016

Top 50

“Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam” năm 2016

Tạp chí Forbes Việt Nam bình chọn



Thương hiệu Quốc gia

Tham gia Chương trình **“Thương hiệu Quốc gia”** lần thứ 5 liên tiếp và được giữ vững kỷ niệm chương của Chương trình “Thương hiệu Quốc gia Việt Nam”

Hội đồng Thương hiệu Quốc gia bình chọn.



Top 100

“Doanh nghiệp phát triển bền vững” năm 2016

Phòng Công nghiệp và Thương mại Việt Nam trao tặng



Doanh nghiệp tiêu biểu

Danh hiệu **“Doanh nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh tiêu biểu”** năm 2016

Hiệp hội Doanh nghiệp TP. HCM trao tặng





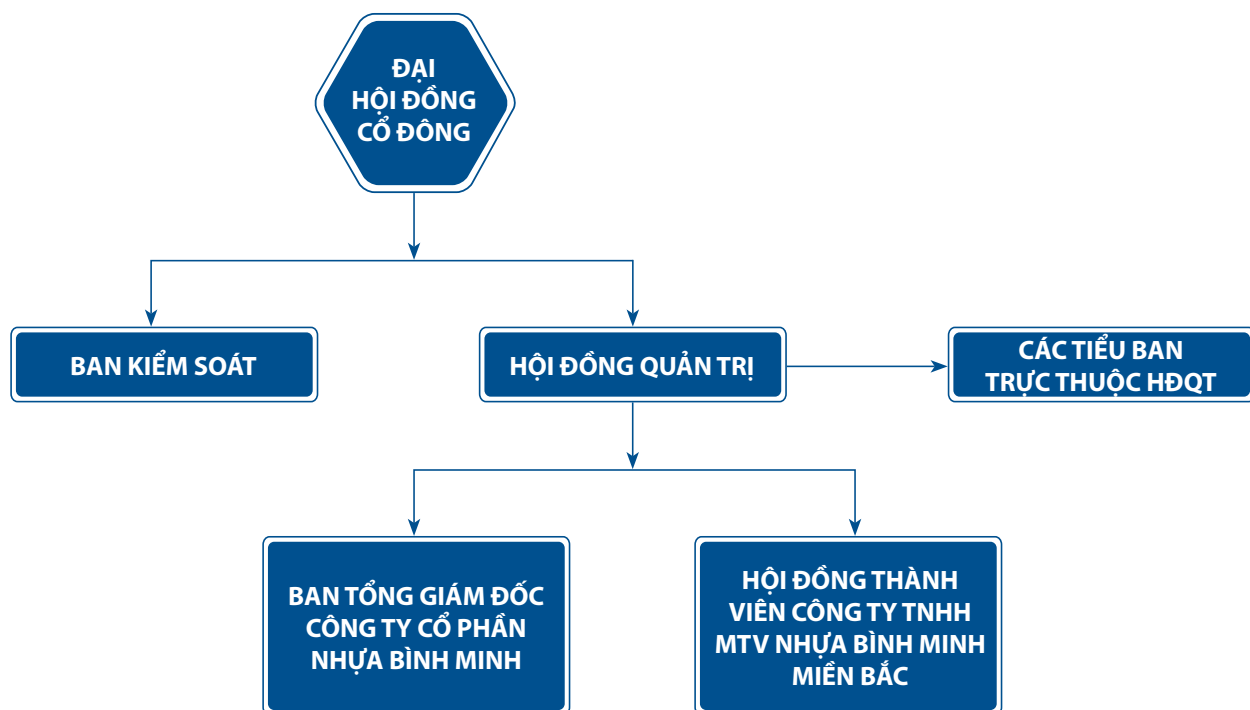
THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Công ty áp dụng mô hình quản trị công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết.

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, bầu ra Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Thành viên các công ty con, cử người tham gia quản trị tại các công ty liên kết. Hội đồng Quản trị có các tiểu ban giúp việc. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung về hiệu quả hoạt động của các công ty con.

Sơ đồ mô hình quản trị tại Công ty



CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

► Công ty con

1. Công ty TNHH MTV Nhựa Bình Minh Miền Bắc

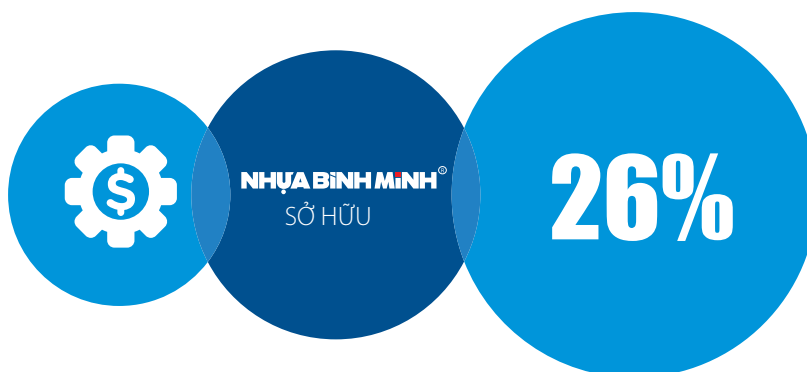
Đường D1, Khu D, Khu Công nghiệp Phố Nối A, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.



► Công ty liên kết

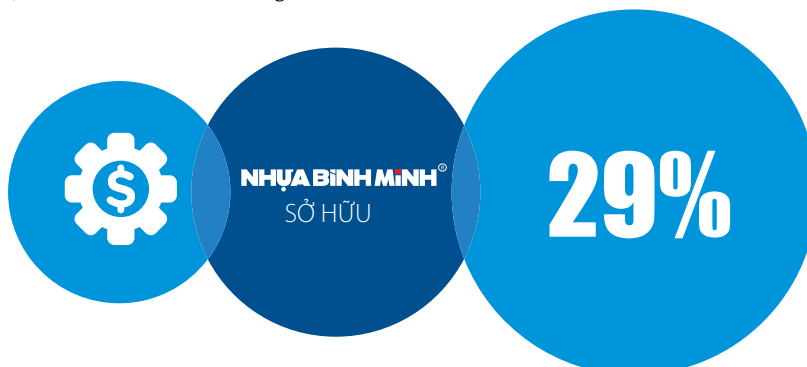
1. Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh bất động sản Bình Minh Việt

Số 240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh.



2. Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng

371 Trần Cao Vân, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng.





THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT



Công ty TNHH MTV Nhựa Bình Minh Miền Bắc (NBM)

NBM được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0504000211 ngày 18/9/2006 tại đường D1 khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên do BMP đầu tư 100% vốn. Công ty chuyên sản xuất kinh doanh ống nhựa và phụ tùng ống nhựa uPVC, HDPE, PP-R các loại.

NBM chính thức đi vào hoạt động từ ngày 21/12/2007. Vốn điều lệ hiện nay là 155 tỷ đồng. Công ty được trang thiết bị hiện đại, nhà xưởng được xây dựng mới đồng bộ với tổng diện tích 40.000 m², năng lực sản xuất 40.000 tấn/năm.



VỐN ĐIỀU LỆ **155** TỶ VNĐ



NHỰA BÌNH MINH®

SỞ HỮU **100%**





Công ty CP Đầu tư Kinh doanh bất động sản Bình Minh Việt

Công ty được thành lập với vốn điều lệ 6 tỷ đồng, nhằm mục đích thực hiện dự án chuyển đổi công năng khu đất tại địa chỉ 240 Hậu Giang khi Nhựa Bình Minh phải di dời Nhà máy 1 theo chủ trương của Nhà nước. Dự án đang chờ chấp thuận quy hoạch và phê duyệt thiết kế.



VỐN ĐIỀU LỆ **210** TỶ VNĐ



NHỰA BÌNH MINH®

SỞ HỮU **26%**



Công ty CP Nhựa Đà Nẵng (DPC)

Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng được thành lập năm 1976, cổ phần hóa năm 2000 và niêm yết năm 2001. Hiện nay, cổ phiếu DPC đang niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Công ty có trụ sở và nhà máy sản xuất tại 371 Trần Cao Vân, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng. Công ty chuyên sản xuất và kinh doanh ống nhựa uPVC, HDPE, bao bì các loại.

Năm 2008, BMP mua và nắm giữ 29% cổ phần, trên tổng vốn điều lệ 22,4 tỷ đồng, trở thành đối tác chiến lược của DPC với mục đích cùng liên kết phát triển thương hiệu Nhựa Bình Minh tại khu vực miền Trung và Tây Nguyên.

Hiện nay DPC là đối tác thương mại của Nhựa Bình Minh, chịu trách nhiệm phân phối sản phẩm cho thị trường miền Trung và Tây Nguyên.



VỐN ĐIỀU LỆ **22,4** TỶ VNĐ



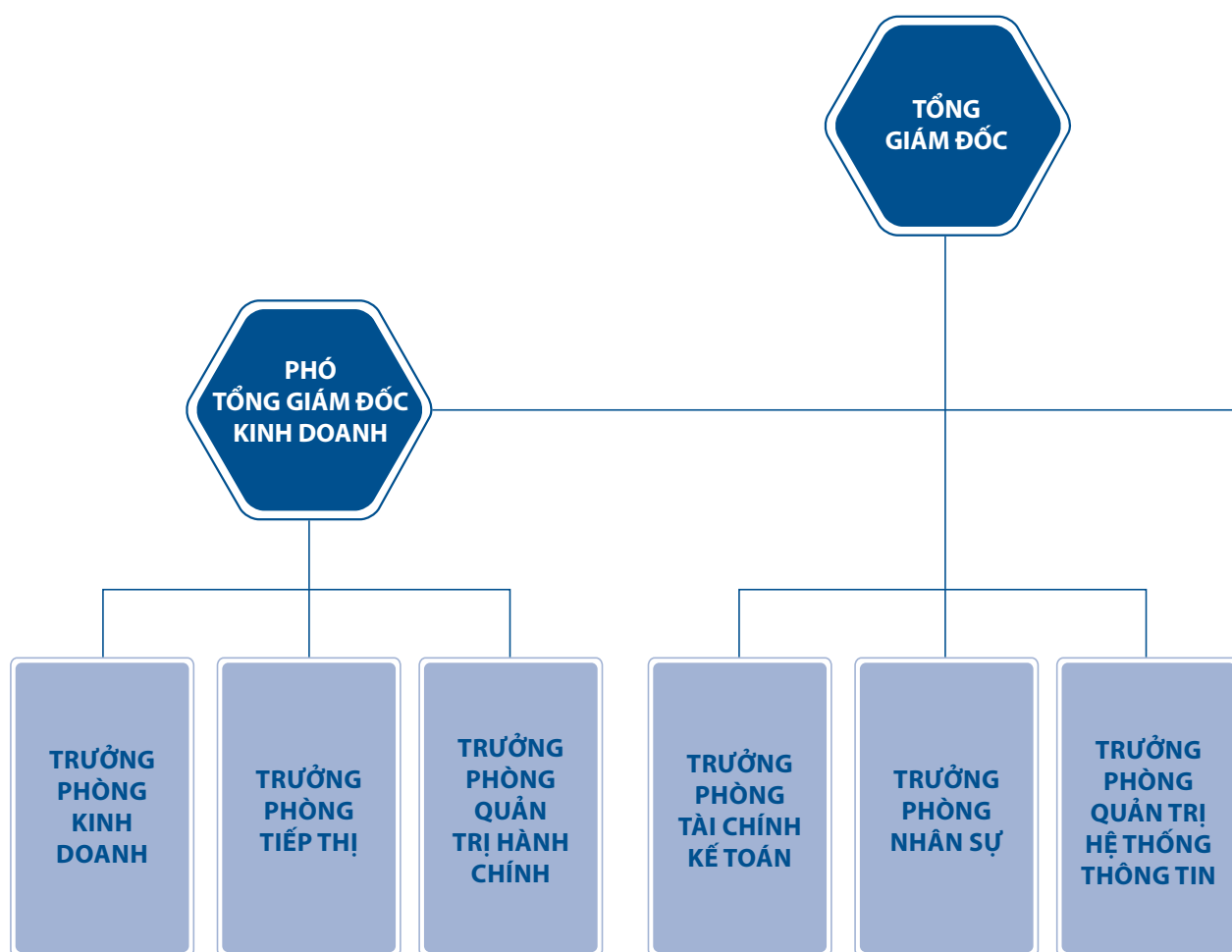
NHỰA BÌNH MINH®

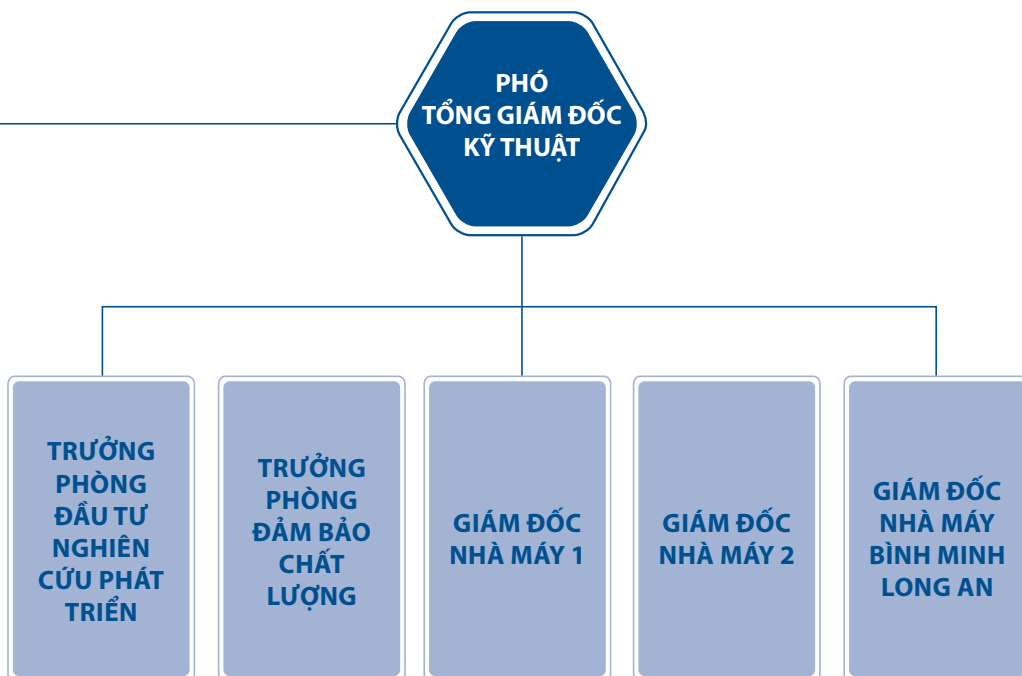
SỞ HỮU **29%**



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH







GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông LÊ QUANG DOANH

Chủ tịch HĐQT

(thành viên không điều hành)

Năm sinh: 1952

Trình độ: Kỹ sư Cơ khí

Ông Lê Quang Doanh là một nhà quản lý kỳ cựu với gần 40 năm công tác tại Công ty. Ông gia nhập Nhựa Bình Minh từ năm 1979 với chức vụ Phó Quản đốc xưởng sau đó làm Phó Giám đốc Công ty. Đến năm 1996, ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Công ty. Sau khi Công ty cổ phần hóa thành công, ông giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc từ năm 2004 đến năm 2012. Từ tháng 11/2012 đến nay, ông đã chuyển giao chức vụ Tổng Giám đốc cho người kế nhiệm và tập trung cho công tác quản trị với vai trò Chủ tịch HĐQT Công ty.

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- Trước 1979: Tổ trưởng sản xuất Nhà máy Sắt tráng men nhôm Hải Phòng.
- 1979: Phó Quản đốc xưởng Nhà máy Công tư Hợp doanh Nhựa Bình Minh.
- 1987: Phó Giám đốc Nhà máy Công tư Hợp doanh Nhựa Bình Minh.
- 1996: Giám đốc Công ty Nhựa Bình Minh.
- 2004 - 11/2012: Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc BMP.
- 2013 đến nay: Chủ tịch HĐQT BMP; Trưởng Tiểu ban Nhân sự - Chính sách - Lương thưởng, thành viên HĐQT không điều hành.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: **590.140**.



Ông NGUYỄN HOÀNG NGÂN

Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1962

Trình độ: Kỹ sư Cơ khí, Thạc sĩ Quản trị



Sau khi tốt nghiệp Đại học Bách khoa TP. HCM, ông tham gia quân ngũ. Năm 1988, ông vào làm nhân viên kỹ thuật của Công ty. Trải qua các chức vụ Trưởng Phòng Kỹ thuật, Phó Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, đến cuối năm 2012, ông đảm nhận trọng trách Tổng Giám đốc Công ty. Ông là người am hiểu về kỹ thuật ngành nhựa tại Việt Nam, đã đồng hành cùng Nhựa Bình Minh trong suốt quá trình chuyển đổi cơ cấu sản phẩm, đầu tư thiết bị công nghệ, phát triển mở rộng sản xuất của Công ty như hiện nay.

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 1988: Nhân viên Kỹ thuật Xí nghiệp Khoa học Sản xuất Nhựa Bình Minh.
- 1992: Trưởng Phòng Kỹ thuật Xí nghiệp Khoa học Sản xuất Nhựa Bình Minh.
- 1997: Phó Giám đốc BMP.
- 2004: Phó Chủ tịch HĐQT - Phó Tổng Giám đốc BMP.
- 2007 - 2010: Phó Chủ tịch HĐQT - Phó Tổng Giám đốc BMP; Phó Chủ tịch HĐQT - Giám đốc NBM.
- 2010 - 02/2012: Phó Chủ tịch HĐQT - Phó Tổng Giám đốc BMP; Chủ tịch HĐQT NBM.
- 3/2012: Phó Chủ tịch HĐQT BMP - Phó Tổng Giám đốc BMP; Chủ tịch HĐQT NBM; Chủ tịch HĐQT DPC.
- 11/2012 - 2014: Phó Chủ tịch HĐQT BMP - Tổng Giám đốc; Chủ tịch HĐQT NBM; Chủ tịch HĐQT DPC.
- 2014 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc BMP; Trưởng Tiểu ban Chiến lược - Phát triển.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: **343.639**.



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bà NGUYỄN THỊ KIM YẾN

Thành viên HĐQT

Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh

Chủ tịch HĐQTV NBM

Năm sinh: 1960

Trình độ: Cử nhân Kinh tế Công nghiệp,
Cử nhân Quản trị Kinh doanh

Bà là một trong những nữ cán bộ chủ chốt và lâu năm nhất của Nhựa Bình Minh. Bà tham gia công tác tại Nhựa Bình Minh từ đầu những năm 80, và liên tục công tác từ đó đến nay, kinh qua các chức vụ Phó phòng, rồi Trưởng Phòng Kinh doanh, Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh. Bà đã góp phần quan trọng trong việc xây dựng và phát triển hệ thống phân phối sản phẩm cũng như đưa thương hiệu Nhựa Bình Minh ngày càng phát triển và vươn xa.

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 1981: Nhân viên thống kê Nhà máy Công tư Hợp doanh Nhựa Bình Minh.
- 1988: Phó Phòng Kế hoạch - Cung tiêu Xí nghiệp Khoa học Sản xuất Nhựa Bình Minh.
- 1998: Trưởng Phòng Kinh doanh Công ty Nhựa Bình Minh.
- 2006 - 2014: Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc BMP.
- 2014 đến nay: Thành viên HĐQT BMP - Phó Tổng Giám đốc; Chủ tịch HĐQTV NBM; Trưởng Tiểu ban Quan hệ cổ đông.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: **253.908**.





Bà NGUYỄN HỒNG MINH

Thành viên HĐQT (thành viên không điều hành)

Năm sinh: 1978

Trình độ: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Ngoại ngữ,
Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh, Thạc sĩ Quản lý

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 2004: Nhân viên Công ty TNHH Bảo hiểm Quốc tế AIA.
- 2006: Chuyên viên Ban Đầu tư 3 tại SCIC.
- 2012 - 07/3/2016: Thành viên HĐQT BMP; Chuyên viên Ban Đầu tư 3 tại SCIC; Thành viên Tiểu ban Quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ.
- Từ nhiệm từ ngày 04/02/2016.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác
do Công ty phát hành: Không có.



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông SUCHAI ASVATHAVORNVANIT

Thành viên HĐQT (thành viên không điều hành)

Năm sinh: 1957

Quốc tịch: Thái Lan

Trình độ: Kỹ sư cơ khí

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 1995: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Thái MFC.
- 1998: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Siam Misui PTA và Công ty TNHH Thai Pet Resin.
- 2010: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Rayong Olefins.
- 2012: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Thai Plastic & Chemicals PCL.
- 2013 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Thai Plastic & Chemicals PCL; Thành viên HĐQT BMP (thành viên không điều hành); Thành viên Tiểu ban Chiến lược phát triển.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: Không có.



Bà ĐẶNG THỊ THU HÀ

Thành viên HĐQT (thành viên không điều hành)

Năm sinh: 1973

Trình độ: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Ngoại ngữ, Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 1995 - 2000: Công ty Dệt kim Hà Nội.
- 2000 - 2007: Ngân hàng Mizuho Hà Nội.
- 2007 - 2008: Công ty Cổ phần Chứng khoán Tràn An.
- 2008 đến nay: Phó Ban Đầu tư 3, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước - SCIC.
- 07/3/2016 đến nay: Thành viên HĐQT BMP (thành viên không điều hành).

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: Không có.



GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



Bà NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NGÀ

Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1963

Tình độ: Cử nhân Kinh tế

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 1982: Nhân viên Phòng Cung tiêu Nhà máy Công tư Hợp doanh Nhựa Bình Minh.
- 1999: Phó Phòng Kinh doanh Công ty Nhựa Bình Minh.
- 2004: Thành viên BKS - Phó Phòng Kinh doanh BMP.
- 2008: Trưởng BKS - Phó Phòng Kinh doanh BMP.
- 2010 - 2013: Trưởng BKS - Trưởng Phòng Tiếp thị BMP.
- 2013 đến nay: Trưởng BKS - Trưởng Phòng Kinh doanh BMP.



Bà NGUYỄN LƯU THÙY MINH

Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1983

Trình độ: Cử nhân Kế toán, Thạc sĩ Tài chính

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 2006: Nhân viên Phòng Tài chính - Kế toán BMP.
- 2013 đến nay: Thành viên BKS - Thành viên Tiểu ban Quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ.

Bà NGUYỄN THỊ THẨM

Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1985

Trình độ: Cử nhân Kinh tế

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 2007: Chuyên viên Kiểm toán - Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
- 2010 - 2013: Chuyên viên Ban Quản lý rủi ro SCIC.
- 2013 đến nay: Thành viên BKS - Chuyên viên Ban Quản lý rủi ro SCIC.



GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông NGUYỄN HOÀNG NGÂN

Phó Chủ tịch HĐQT

Tổng Giám đốc

(Xem thông tin ở phần Giới thiệu HĐQT trang 33)

“

Nhựa Bình Minh với sự nỗ lực, đoàn kết, nền tảng văn hóa riêng và một thương hiệu nổi tiếng toàn quốc, chắc chắn sẽ tiếp tục khẳng định thế vững và chứng tỏ sức bền của mình.

”





Bà NGUYỄN THỊ KIM YẾN

Thành viên HĐQT

Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh; Chủ tịch HĐQTV NBM

(Xem thông tin ở phần Giới thiệu HĐQT trang 34)

454,8

TỶ ĐỒNG
VỐN ĐIỀU LỆ



GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông NGUYỄN THANH QUAN

Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật

Năm sinh: 1968

Trình độ: Kỹ sư Hóa, Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 1994: Nhân viên Phòng Kỹ thuật Công ty Nhựa Bình Minh.
- 1997: Phó Phòng Kỹ thuật Công ty Nhựa Bình Minh.
- 2000: Quản đốc Xưởng 1 Công ty Nhựa Bình Minh.
- 2007: Giám đốc Nhà máy 1 BMP.
- 2010: Giám đốc Nhà máy 2 BMP.
- 2013 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật BMP.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: **6.505**.



Ông HỒNG LÊ VIỆT

Kế toán trưởng,
Thành viên HĐQT NBM

Năm sinh: 1966

Trình độ: Cử nhân Kinh tế

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- 1993: Nhân viên Phòng Tài chính Kế toán Xí nghiệp Khoa học Sản xuất Nhựa Bình Minh.
- 2002: Phó Phòng Tài chính Kế toán Công ty Nhựa Bình Minh.
- 2006: Phó Phòng Tài chính Kế toán BMP; Kế toán trưởng NBM - Thành viên HĐQT NBM.
- 2014 đến nay: Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Tài chính Kế toán BMP - Thành viên HĐQT NBM.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành: **02**.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Xác lập được vị trí là một công ty dẫn đầu thị trường trong lĩnh vực sản xuất và cung ứng sản phẩm ống và phụ tùng ống nhựa tại Việt Nam đã là một thành tựu to lớn của Nhựa Bình Minh trong nhiều năm qua, nhưng duy trì được vị thế đó luôn luôn là một thách thức không nhỏ. Tuy nhiên, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 một lần nữa là một minh chứng rõ ràng rằng Công ty vẫn đang duy trì và khẳng định một cách chắc chắn vị thế dẫn đầu trong ngành nhựa và trong cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam. Nhựa Bình Minh khẳng định sẽ tiếp tục những định hướng dài hạn đã được xây dựng trong chiến lược phát triển, trong đó đặc biệt chú trọng đến những định hướng lớn và được triển khai thành những chiến lược chức năng phù hợp để phát triển một cách toàn diện, duy trì vị thế trong nước và sẵn sàng tham gia sâu rộng hơn vào thị trường quốc tế.

Định hướng chiến lược về sản phẩm: ĐỒNG BỘ SẢN PHẨM - ĐA DẠNG ỨNG DỤNG

Khẳng định cơ cấu sản phẩm chính - dòng sản phẩm chiến lược - và lâu dài là các dòng sản phẩm ống và phụ tùng ống nhựa với phương châm từng bước quy hoạch hoàn thiện và đồng bộ hệ thống sản phẩm theo từng phạm vi ứng dụng và hệ tiêu chuẩn. Phát triển các dòng sản phẩm đa dạng và đồng bộ đáp ứng cho các ứng dụng khác nhau, các đối tượng khách hàng khác nhau, phân khúc thị trường khác nhau. Định hướng ưu tiên phát triển sản phẩm mới trên cơ sở đánh giá đúng nhu cầu thị trường và đầu tư phù hợp với khả năng tài chính và các nguồn lực khác theo định hướng phát triển dòng sản phẩm theo công nghệ cốt lõi hiện nay dựa vào sự tiến bộ kỹ thuật, công nghệ, sản phẩm của thế giới. Khẳng định định hướng chiến lược vẫn ưu tiên tập trung phát triển nhóm sản phẩm nhựa vật liệu xây dựng nhưng về lâu dài định hướng mở rộng sang một số sản phẩm trong các lĩnh vực khác có tiềm năng phát triển như sản phẩm nhựa cho công nghiệp hỗ trợ, cho nông nghiệp kỹ thuật cao, tưới tiêu, thủy lợi và các ngành công nghiệp chủ lực khác.

Định hướng chiến lược về chất lượng: CHẤT LƯỢNG HOÀN HẢO - CHUẨN MỰC QUỐC TẾ

Khẳng định định hướng sản xuất sản phẩm chất lượng cao, thống nhất hệ thống tiêu chuẩn sản phẩm, đảm bảo toàn bộ những sản phẩm chính được hợp chuẩn, hợp quy theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia và quốc tế.



Tham gia tích cực vào việc phản biện, đóng góp về chính sách và quy hoạch để xây dựng chuẩn quốc gia chung cho sản phẩm trong ngành.

Định hướng chiến lược kinh doanh: THỐNG NHẤT THỊ TRƯỜNG - LINH HOẠT CHÍNH SÁCH

Duy trì ổn định hệ thống phân phối làm nền tảng và mở rộng ra đối tượng khách hàng dự án, công trình thông qua các nhà phân phối lớn hoặc phát triển bộ phận phụ trách khách hàng dự án. Chủ động hợp tác bằng hình thức liên minh, liên kết với các nhà sản xuất nhóm hàng vật liệu xây dựng, các đơn vị tư vấn, thiết kế, thi công cấp thoát nước, các nhà đầu tư địa ốc và cơ sở hạ tầng, các nhà thầu xây dựng để tạo ra chuỗi liên kết.

Định hướng phát triển thị trường: TẬP TRUNG NỘI ĐỊA - ĐỊNH HƯỚNG XUẤT KHẨU

Chủng loại sản phẩm của Công ty mặc dù không có ưu thế về xuất khẩu do chi phí vận chuyển lớn nhưng khả năng tham gia vào các thị trường khu vực lân cận (đặc biệt khu vực các nước Đông Dương) là hoàn toàn có thể. Thị trường nội địa vẫn được định hướng là thị trường chủ lực tuy nhiên cần tăng cường các hoạt động tìm hiểu, đánh giá và từng bước mở rộng hoạt động kinh doanh ra thị trường lân cận trong khu vực dưới các hình thức thương mại, hợp tác kinh doanh hoặc đầu tư.

Định hướng chiến lược phát triển thương hiệu và truyền thông: THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA - HƯỚNG RA KHU VỰC

Khẳng định giá trị thương hiệu uy tín trên thị trường và chú trọng vào việc bảo vệ và quảng bá thương hiệu dưới nhiều hình thức, đặc biệt thông qua những chương trình thương hiệu lớn quy mô quốc gia và khu vực. Xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu thống nhất và đa dạng hóa hoạt động truyền thông tiếp thị trong đó chú





trọng đến vai trò của truyền thông mạng, truyền thông định hướng cộng đồng và truyền thông định hướng môi trường.

Định hướng chiến lược đầu tư: THIẾT BỊ HIỆN ĐẠI - CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Giữ vững vai trò tiên phong trong nghiên cứu và ứng dụng công nghệ mới, phát triển sản phẩm mới, khẳng định chiến lược đầu tư thiết bị tiên tiến để ổn định chất lượng sản phẩm, hiện đại hóa và kiểm soát tốt quá trình sản xuất, khai thác ưu thế năng suất cao, chất lượng tốt và tuổi thọ lớn của thiết bị. Nâng cao năng lực tổ chức và đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu phát triển (R&D), cập nhật với thông tin ngành, thông tin thị trường cả ở phạm vi trong nước và quốc tế để chủ động phát triển sản phẩm mới và ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ.

Định hướng về tổ chức và mô hình quản trị: QUY MÔ PHÙ HỢP - QUẢN TRỊ TIỀN TIẾN

Cấu trúc tổ chức công ty và mô hình quản trị sẽ được điều chỉnh phù hợp với quy mô phát triển theo từng giai đoạn và căn cứ vào đó để chủ động cấu trúc cho phù hợp, quy hoạch và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng cả nhu cầu về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực cho phát triển. Ứng dụng và không ngừng hoàn thiện những mô hình và công cụ quản lý tiên tiến để đảm bảo tính minh bạch và nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành.

Định hướng về chiến lược quản trị tài chính: MINH BẠCH THÔNG TIN - NGĂN NGỪA RỦI RO

Tăng cường hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh để đảm bảo hiệu quả tài chính trong ngắn hạn đồng thời hướng đến việc phát triển bền vững trong dài hạn của Công ty trên cơ sở “cân bằng” và hài hòa lợi ích với sự đồng thuận cao giữa khách hàng, cổ đông, người lao

động và cộng đồng. Ứng dụng công nghệ thông tin để chủ động trong việc hoạch định, quản trị, khai thác thông tin tài chính và kiểm soát, ngăn ngừa rủi ro.

Định hướng về hội nhập và cạnh tranh quốc tế: CẠNH TRANH BÌNH ĐẲNG - HỢP TÁC PHÁT TRIỂN

Với việc hình thành Cộng đồng Kinh tế Asean (AEC) trong năm 2015 và Việt Nam tham gia các hiệp định về hợp tác thương mại tự do khác, xu hướng và áp lực cạnh tranh đã vào đến “cửa” đối với các doanh nghiệp nói chung và Nhựa Bình Minh nói riêng. So sánh với các nhà sản xuất sản phẩm cùng loại trong khu vực Asean, Công ty hoàn toàn tự tin về khả năng cạnh tranh về chất lượng sản phẩm, năng lực công nghệ, năng suất lao động và hoạt động quản trị doanh nghiệp. Tuy nhiên, thực tiễn đòi hỏi Công ty phải tăng cường sự hiểu biết hơn nữa về môi trường kinh doanh quốc tế, về những cơ hội và thách thức của một môi trường kinh doanh mang tính hội nhập với các nước trong khu vực và toàn cầu thông qua các FTA mà Việt Nam đang tham gia để xây dựng những định hướng và giải pháp cạnh tranh phù hợp.

Định hướng về hoạt động môi trường, xã hội và cộng đồng: BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG - CHIA SẺ CỘNG ĐỒNG

Hơn bao giờ hết, các mô hình doanh nghiệp có trách nhiệm cộng đồng (CSR) đang được kêu gọi và thực hiện trên phạm vi toàn cầu. Việc áp dụng và tuân thủ nghiêm ngặt Hệ thống quản lý môi trường (EMS) theo tiêu chuẩn ISO 14001 đã thể hiện một ý thức cao của Công ty với cam kết “có trách nhiệm với tự nhiên, với cộng đồng và hướng đến phát triển bền vững”. Công ty đã trực tiếp hoặc thông qua các tổ chức chính trị, xã hội tích cực tham gia đóng góp cho những hoạt động cộng đồng trên nhiều lĩnh vực trong suốt những năm qua và khẳng định sẽ tiếp tục tăng cường sự đóng góp của Công ty vào hoạt động này trong tương lai.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Định hướng văn hóa công ty: ĐỒNG THUẬN - CẦN TRỌNG - SÁNG TẠO – TIỀN PHONG

Văn hóa là giá trị nền tảng của doanh nghiệp, do đó để thực hiện được những định hướng chiến lược nêu trên đòi hỏi phải định hình và không ngừng hoàn thiện văn hóa Công ty. Công ty khẳng định sẽ tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết, cần trọng, hợp tác và gắn kết với sự sáng tạo, tinh thần sẵn sàng đổi mới để nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị nội bộ và xây dựng môi trường làm việc thân thiện nhưng chuyên nghiệp. Tiếp tục xây dựng văn hóa Nhựa Bình Minh, cải tiến hệ thống chính sách, nội quy, quy chế nội bộ và chăm lo ngày càng tốt hơn cho đời sống vật chất và tinh thần của người lao động trong Công ty.

Định hướng về phát triển bền vững: HÀI HÒA LỢI ÍCH – PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Xu hướng về phát triển bền vững đã trở thành định hướng trong chiến lược của Công ty phù hợp với trào lưu phát triển chung của thế giới. Công ty xác định nhu cầu phát triển bền vững không chỉ liên quan đến những phạm vi lớn như bảo vệ môi trường, trách nhiệm xã hội, chia sẻ cộng đồng mà cả trong chiến lược phát triển nội bộ Công ty. Những định hướng phát triển bền vững đòi hỏi sự “cân bằng” trong các chỉ tiêu phát triển như tăng trưởng thị phần để duy trì sự tồn tại lâu dài của Công ty, tăng trưởng lợi nhuận để thỏa mãn mục tiêu của cổ đông và tăng trưởng thu nhập, phúc lợi vì lợi ích và sự gắn bó của người lao động.



NỀN TẢNG XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC

Nhựa Bình Minh là đơn vị nổi tiếng hàng đầu chuyên sản xuất ống nhựa tại Việt Nam, chiếm thị phần vào khoảng 50% tại miền Nam và 25% trên cả nước. Doanh nghiệp hiện đã có bốn nhà máy tại Tp. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Long An và Hưng Yên với công suất 150.000 tấn/năm, hoàn toàn đáp ứng được cho nhu cầu trong nước và tiến tới xuất khẩu ra nước ngoài.

Sự cạnh tranh mạnh mẽ trong ngành vừa là động lực vừa là thách thức trong việc lựa chọn phân khúc sản phẩm và thị trường sao cho đạt được yêu cầu phát triển, thỏa mãn nhu cầu người tiêu dùng nhưng phải đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

NĂNG LỰC TRIỂN KHAI CHIẾN LƯỢC

Nguồn lực cho việc triển khai chiến lược:

Nguồn tài chính đủ cho chiến lược bao gồm nguồn lợi nhuận để lại, nguồn vốn tín dụng các ngân hàng sẵn sàng cung ứng do uy tín vốn có của Nhựa Bình Minh, nguồn vốn do phát hành cổ phiếu, trái phiếu khi cần thiết.

Nguồn nhân lực có chất lượng tương đối cao với gần 100% người lao động tốt nghiệp phổ thông trung học, trong đó có trên 20% có trình độ trung cấp, cao đẳng và gần 20% có trình độ đại học, trên đại học.

Cách thức sắp xếp và sử dụng các nguồn lực và tài sản:

Căn cứ vào tình hình phát triển thị trường mà điều chỉnh mức phân bổ các nguồn lực cho phù hợp tại các nhà máy miền Nam và miền Bắc.

Nâng cao chất lượng nhân lực phía Nam, áp dụng chính sách biệt phái thời gian đầu tại phía Bắc, tuyển dụng và đào tạo thay thế trong thời gian sau.

Nhựa Bình Minh nhất quán trong định hướng chiến lược, trong việc sử dụng các nguồn lực tạo nên mối đoàn kết thống nhất vì mục tiêu phát triển ổn định và lâu dài của doanh nghiệp, đó là năng lực cạnh tranh cốt lõi và lợi thế cạnh tranh chủ đạo của doanh nghiệp cho việc triển khai chiến lược kinh doanh.





PHÂN TÍCH SWOT

Thương hiệu có vị thế dẫn đầu. Sản phẩm được định vị ở phân khúc chất lượng cao, phù hợp tiêu chuẩn quốc tế.

Quy mô sản xuất lớn. Năng suất lao động cao. Hiệu quả sản xuất cao.

Khả năng tài chính mạnh, máy móc thiết bị hiện đại, đầu tư thu hồi vốn nhanh.

Mạng lưới phân phối rộng, tổ chức chặt chẽ.

Có mối quan hệ tốt đẹp với nhà cung ứng, khách hàng.

S1

S2

S3

S4

S5

ĐIỂM MẠNH

Nhu cầu thị trường cao: Thị trường bất động sản tiếp tục phát triển, nhiều dự án đầu tư cơ sở hạ tầng.

Mở rộng thị trường tại các khu vực miền Trung, miền Bắc và sang các nước láng giềng.

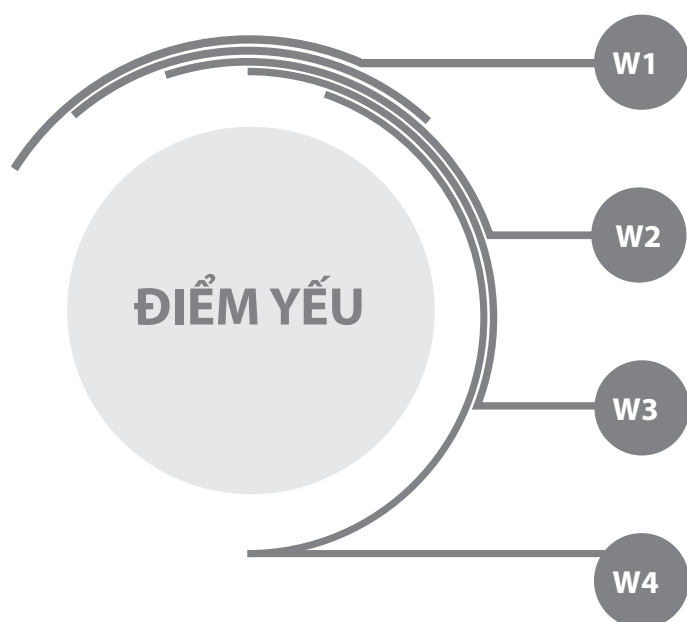
Mức sống và trình độ của người dân cao hơn, đòi hỏi sản phẩm chất lượng tốt.

O1

O2

O3

CƠ HỘI

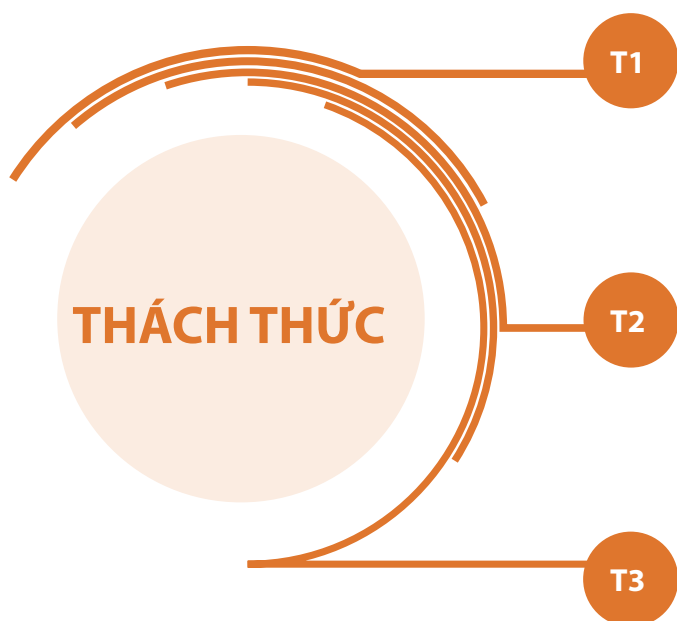


Tốc độ đầu tư tăng năng lực sản xuất, tăng mặt bằng kho bãi chưa đáp ứng kịp nhu cầu tăng trưởng của thị trường.

Sản phẩm chưa đa dạng theo nhu cầu thị trường. Việc đầu tư sản phẩm mới còn chậm.

Chiết khấu thấp, làm giảm khả năng cạnh tranh trên thị trường. Đặc biệt ở khu vực miền Trung và miền Bắc.

Nhân lực quản lý luôn ở mức quá tải.



Cạnh tranh trong nước khốc liệt, sự xâm nhập hàng hóa của các nước trong khu vực AEC.

Bong bóng bất động sản. Bão hòa thị trường.

Giá cước vận tải, giá xăng dầu tăng, giá nguyên liệu không ổn định.

CHƯƠNG 2: BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

• Thông tin thị trường sản xuất, kinh doanh ngành nhựa năm 2016 • Tổ chức và nhân sự • Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án • Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu • Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc • Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Công ty • Báo cáo của Ban Kiểm soát

SÂU HƠN

Để có thể giữ vững được vị trí số 1 trong ngành công nghiệp nhựa, Nhựa Bình Minh luôn không ngừng hoàn thiện năng lực từ thiết bị công nghệ, hệ thống quản lý cho đến chất lượng nguồn nhân lực, cũng như chú trọng đầu tư nghiên cứu chuyên sâu để tạo ra những sản phẩm phù hợp, giá thành hợp lý và chất lượng bền bỉ theo thời gian.







THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG SẢN XUẤT KINH DOANH NGÀNH NHỰA NĂM 2016



“**Ngành công nghiệp hóa dầu trong nước chưa phát triển dẫn đến nguồn cung ứng nguyên liệu còn thiếu nên đa số các doanh nghiệp nhựa phải nhập khẩu từ nước ngoài. Trong đó, PE, PP vẫn là các mặt hàng được nhập khẩu nhiều nhất và giá trị tăng dần qua các năm.**”



Ngành công nghiệp hóa dầu trong nước chưa phát triển dẫn đến nguồn cung ứng nguyên liệu còn thiếu nên đa số các doanh nghiệp nhựa phải nhập khẩu từ nước ngoài. Trong đó, PE, PP vẫn là các mặt hàng được nhập khẩu nhiều nhất và giá trị tăng dần qua các năm.

BỐI CẢNH KINH DOANH

Nhìn chung, ngành nhựa Việt Nam còn khá non trẻ so với các ngành công nghiệp khác nhưng đã có sự phát triển mạnh mẽ trong những năm gần đây với tốc độ tăng trưởng trung bình 15 - 18%/năm. Đặc biệt ngành nhựa vật liệu xây dựng gần đây đã hồi phục tốt nhờ sự ấm lên của thị trường bất động sản và xây dựng.

Bên cạnh đó, trong năm 2016, do ảnh hưởng từ nhiều yếu tố đặc biệt là giá dầu đi xuống nên giá hạt nhựa nguyên liệu giảm mạnh, giúp các doanh nghiệp kịp thời tích trữ nguồn hàng giá rẻ. Đồng thời với sự ổn định về tỷ giá ngoại tệ tại Việt Nam, các doanh nghiệp cũng được hưởng lợi từ sự chênh lệch giá.

Hơn nữa, việc ký kết các Hiệp định Thương mại tự do đã mang đến nhiều cơ hội cho doanh nghiệp trong việc mở rộng thị trường, đổi mới, nâng cấp công nghệ, tăng quy mô sản xuất từ làn sóng đầu tư và liên doanh với nước ngoài.

Tuy nhiên, bên cạnh những tiềm năng và cơ hội phát triển, các doanh nghiệp nhựa Việt Nam vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức.

Việc không chủ động được nguồn nguyên liệu đầu vào làm giảm sức cạnh tranh của các doanh nghiệp nội địa, doanh nghiệp xuất khẩu khó tận dụng được ưu đãi thuế do quy định liên quan đến xuất xứ hàng hóa.

Bên cạnh đó, công nghệ sản xuất của ngành nhựa Việt Nam hiện vẫn còn lạc hậu do chỉ đáp ứng ở phân khúc thấp. Trong khi ngành nhựa ở một số quốc gia trong khu vực ASEAN như Thái Lan đã đón đầu xu hướng tiêu dùng của thế giới bằng cách hướng tới sản xuất các sản phẩm nhựa công nghệ sinh học, thân thiện với môi trường.

Không những khó khăn khi cạnh tranh tại nước ngoài, mà trong nước, các doanh nghiệp ngành nhựa cũng đang đứng trước cuộc chiến tranh giành thị phần gay gắt với các doanh nghiệp ngoại như Thái Lan, Hàn Quốc, Trung Quốc,...

Bối cảnh ngành nhựa trong nước đã có những tác động không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhựa Bình Minh trong năm 2016.

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN		TỶ LỆ %	
				2016	2015	2016/KH	2016/2015
1	Doanh thu	Tỷ đồng	3.330	3.678	2.970	110,45	123,84
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	600	784	665	130,70	117,90
3	Lợi nhuận sau thuế	-	480	627	519	130,60	120,80

Kết quả tiêu thụ và hiệu quả hoạt động trong năm 2016 rất tốt:

- Doanh thu tăng hơn 10% so với kế hoạch và tăng xấp xỉ 24% so với năm 2015.
- Lợi nhuận trước thuế tăng 30,7% so với kế hoạch và tăng 17,9% so với cùng kỳ 2015.
- Lợi nhuận sau thuế tăng 30,6% so với kế hoạch và tăng 20,8% so với cùng kỳ 2015.

Kết quả trên đạt được là do:

- Định hướng đúng đắn, sâu sát và sự tin cậy của HĐQT dành cho Ban Tổng Giám đốc.
- Quyết sách kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế của Ban Tổng Giám đốc, cụ thể:
 - Công ty vận dụng nhiều chính sách linh hoạt, hỗ trợ và chia sẻ lợi nhuận giúp doanh số bán qua hệ thống phân phối tăng 18% so với năm 2015.
 - Công ty trúng thầu nhiều dự án lớn thuộc hệ thống cấp thoát nước, các công trình xây dựng dân dụng và hạ tầng đã làm doanh số bán qua kênh tiêu thụ này tăng 66% so với năm 2015.
 - Công ty đã tận dụng được giá nguyên liệu trong 9 tháng đầu năm giảm so với cùng kỳ 2015 để tăng lượng dự trữ. Do đó dù từ tháng 10 trở đi giá tăng cao, tuy nhiên giá mua trung bình năm 2016 so với 2015 thấp hơn 1,9%.
 - Công ty áp dụng chính sách khuyến khích khách hàng thanh toán nhanh đồng thời với việc tăng cường kiểm soát công nợ, nhờ đó giảm chi phí vay ngân hàng và tăng lợi nhuận tài chính.





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

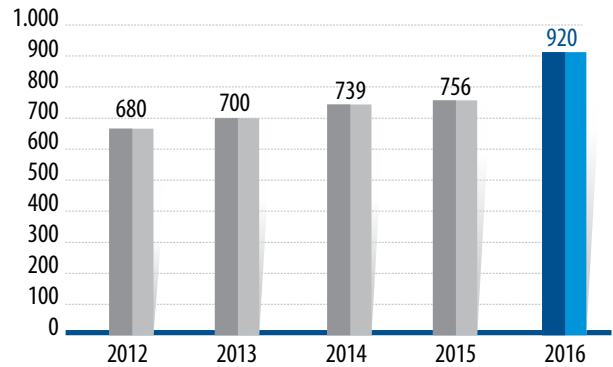
TỔNG QUAN LỰC LƯỢNG LAO ĐỘNG

Số lượng nhân sự

Số lượng nhân sự Nhựa Bình Minh phát triển cùng với quy mô và tăng trưởng của Công ty qua các năm. Năm 2016, với việc mở rộng nhà máy tại Long An, Công ty đã tuyển dụng thêm 164 người, chủ yếu là công nhân trẻ tại địa phương có tay nghề và trình độ từ phổ thông trung học trở lên. Như vậy, tính đến ngày 31/12/2016, tổng nhân sự của Công ty là 920 người, tăng 21,7% so với năm 2015.

BIỂU ĐỒ NHÂN SỰ QUA CÁC NĂM

ĐVT: Người



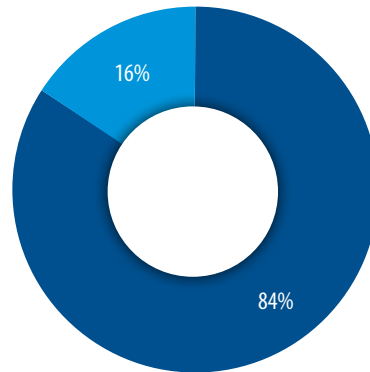
Cơ cấu nhân sự

Bảng thống kê phân bố lao động toàn Công ty qua các năm

CHỈ TIÊU ĐO LƯỜNG	DIỄN GIẢI	NĂM 2012	NĂM 2013	NĂM 2014	NĂM 2015	NĂM 2016
	Tổng số lao động	680	700	739	756	920
Giới tính	Nữ	112	108	107	113	773
	Nam	568	592	632	643	147
Độ tuổi	Trên 50 tuổi	66	66	68	70	63
	Từ 41 đến 50	124	124	117	120	119
	Từ 31 đến 40 tuổi	238	239	262	276	357
	Từ tuổi 30 trở xuống	252	271	292	382	381
Trình độ	Cao học	7	9	9	9	9
	Đại học	112	123	135	139	179
	Trung cấp, cao đẳng	147	123	190	214	202
	Phổ thông trung học	414	445	405	396	530
Phân bố lao động	Công nhân viên	568	594	635	634	799
	Cán bộ quản lý cấp cơ sở	74	68	67	81	79
	Cán bộ quản lý cấp trung	34	34	33	39	38
	Cán bộ quản lý cấp cao	4	4	4	4	4

Cơ cấu nhân sự theo giới tính

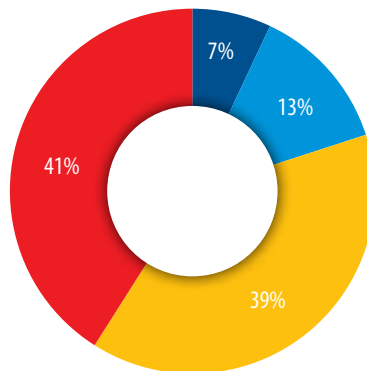
Năm 2016, số lao động nam tăng 130 người và số lao động nữ tăng 34 người so với năm 2015. Nhìn chung, không có biến đổi lớn trong cơ cấu nhân sự theo giới tính của Công ty năm 2016.

**BIỂU ĐỒ CƠ CẤU NHÂN SỰ THEO GIỚI TÍNH**

- Nam
- Nữ

Cơ cấu nhân sự theo độ tuổi

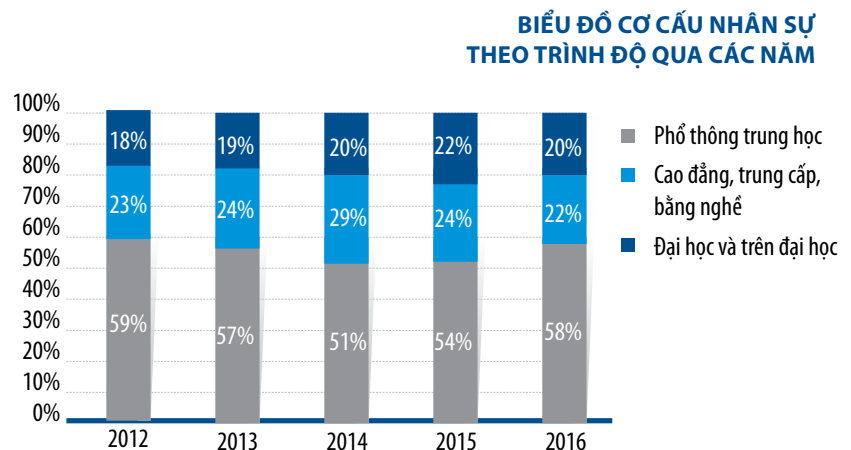
Nhựa Bình Minh có lịch sử hình thành và hoạt động 39 năm nhưng độ tuổi lao động của Công ty thì ngày càng được trẻ hóa do lượng lao động tuyển mới đa số là công nhân trẻ. Năm 2016 lao động trên 50 tuổi giảm 10% so với năm 2015, lao động trong độ tuổi từ 40 trở xuống chiếm tỷ lệ lớn trong tổng nguồn lực. Đây cũng là một lợi thế giúp Nhựa Bình Minh tiếp tục phát triển lâu dài và ổn định.

**BIỂU ĐỒ CƠ CẤU NHÂN SỰ THEO ĐỘ TUỔI**

- Trên 50 tuổi
- Từ 41 đến 50 tuổi
- Từ 31 đến 40 tuổi
- Từ 30 tuổi trở xuống

Cơ cấu nhân sự theo trình độ

Để đảm bảo nguồn nhân lực phù hợp, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về trình độ kỹ thuật, sản xuất và kinh doanh. Công ty tăng cường công tác tuyển dụng, đào tạo và áp dụng các chính sách khuyến khích người lao động tự đào tạo nâng cao trình độ bản thân. So với năm 2015, tỷ lệ lao động có trình độ cao đẳng và đại học giảm 2% do lao động tuyển mới đa số là công nhân trẻ làm việc tại các nhà máy.

**BIỂU ĐỒ CƠ CẤU NHÂN SỰ THEO TRÌNH ĐỘ QUA CÁC NĂM**

- Phổ thông trung học
- Cao đẳng, trung cấp, bằng nghề
- Đại học và trên đại học



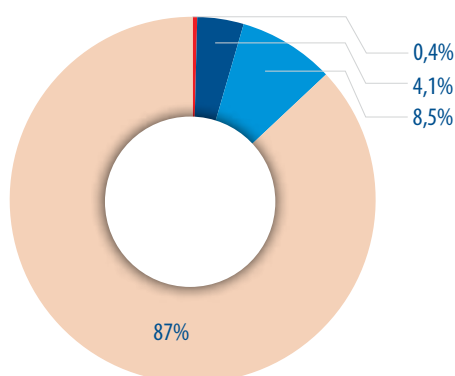
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



Cơ cấu nhân sự theo cấp quản lý

Công ty luôn chú trọng đến việc đào tạo cán bộ quản lý trẻ, có năng lực để đưa vào đội ngũ cán bộ kế thừa. Năm 2016, cán bộ quản lý từ cấp trung trở lên là 38 người chiếm tỷ lệ 4,1%, cán bộ quản lý cơ sở 79 người chiếm tỷ lệ 8,5%, còn lại là công nhân viên.

Cấp quản lý	Tỷ lệ (%)
Cán bộ quản lý cấp cao	0,4
Cán bộ quản lý cấp trung	4,1
Cán bộ quản lý cấp cơ sở	8,5
Công nhân viên	87

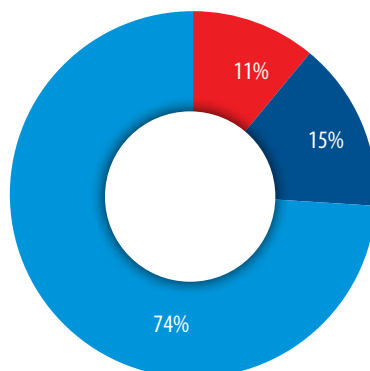


BIỂU ĐỒ CƠ CẤU NHÂN SỰ THEO CẤP QUẢN LÝ

- Cán bộ quản lý cấp cao
- Cán bộ quản lý cấp trung
- Cán bộ quản lý cấp cơ sở
- Công nhân, nhân viên

Cơ cấu nhân sự theo khối chức năng

Lao động BMP được phân bổ theo chức năng như sau:



BIỂU ĐỒ CƠ CẤU NHÂN SỰ THEO KHỐI CHỨC NĂNG

- Văn phòng
- Kinh doanh
- Sản xuất

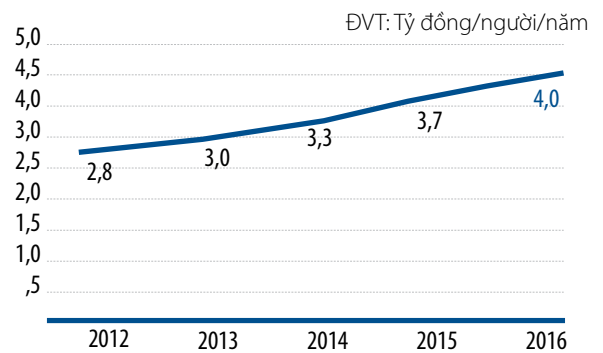


NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG

Mặc dù trong năm 2016 lao động mới chiếm 21,7% nhưng tỷ trọng Doanh thu/NLĐ của Công ty trong năm 2016 vẫn tăng 9% so với năm 2015.

NĂM	NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG CỦA NLĐ (Tỷ đồng/người/năm)
2012	2,8
2013	3,0
2014	3,3
2015	3,7
2016	4,0

BIỂU ĐỒ NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG CỦA NLĐ QUA CÁC NĂM

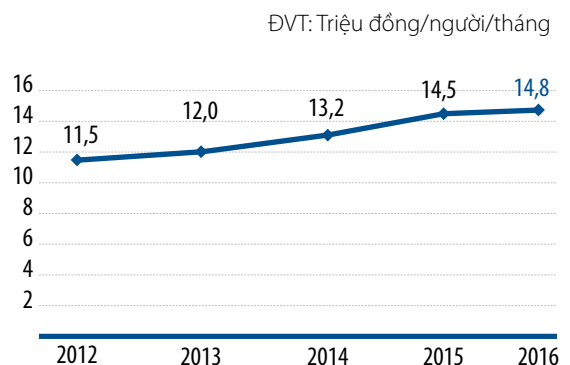


LƯƠNG CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty luôn chú trọng việc xem xét và điều chỉnh mức lương phù hợp năng lực NLĐ, đảm bảo mức lương của NLĐ cạnh tranh so với mặt bằng chung của ngành nhựa.

NĂM	LƯƠNG BÌNH QUÂN CỦA NLĐ (Triệu đồng/người/tháng)
2012	11,5
2013	12,0
2014	13,2
2015	14,5
2016	14,8

BIỂU ĐỒ LƯƠNG BÌNH QUÂN CỦA NLĐ QUA CÁC NĂM





TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MỞ RỘNG NHÀ MÁY BÌNH MINH LONG AN VÀ NÂNG CAO NĂNG LỰC SẢN XUẤT

Ngay từ đầu năm 2016, Công ty đã triển khai dự án đầu tư xây dựng mở rộng Nhà máy Bình Minh Long An (giai đoạn 1) và nâng cao năng lực sản xuất với tổng vốn đầu tư là 320 tỷ. Bao gồm các hạng mục xây dựng nhà kho mới và đầu tư thêm máy móc thiết bị, khuôn mẫu.

Nhờ dự án đầu tư được phê duyệt và thực hiện sớm, các bộ phận triển khai quyết liệt và có hiệu quả, các thiết bị đầu tư được khai thác tốt nên sản lượng sản xuất của Công ty có tăng trưởng đáng kể, cụ thể: ống uPVC tăng trưởng trên 20%; ống HDPE tăng trưởng 30%; phụ tùng ống tăng trưởng 38% so với năm trước.

Bên cạnh đó, việc đầu tư xây dựng kho Bình Minh Long An cũng góp phần tăng diện tích kho bãi trên 13.000 m² đáp ứng tốt cho nhu cầu khai thác và tiêu thụ sản phẩm của Công ty vào những tháng cuối năm.

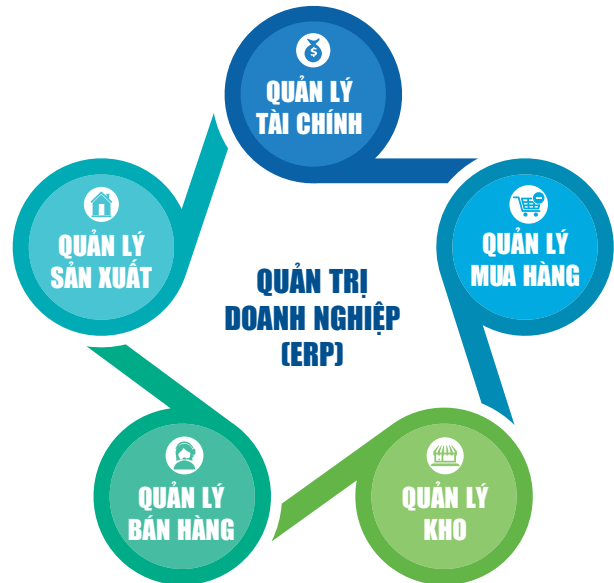
Năm 2017, Công ty tiếp tục xây dựng giai đoạn 2 dự án Nhà máy Bình Minh Long An, đầu tư thêm máy móc thiết bị mở rộng sản xuất với tổng giá trị đầu tư lên đến 680 tỷ đồng. Đây là giá trị đầu tư cao nhất từ trước đến nay của Công ty nhằm nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh, đáp ứng nhu cầu thị trường hướng đến kỷ niệm 40 năm ngày thành lập Công ty (16/11/1977 - 16/11/2017).



NÂNG CẤP HỆ THỐNG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP ERP

Nhựa Bình Minh bắt đầu sử dụng Giải pháp Hoạch định tổng thể nguồn lực doanh nghiệp (Enterprise Resource Planning - ERP) của Oracle từ năm 2014 với 5 phân hệ cốt lõi:

- Quản lý Tài chính (Oracle Financials).
- Quản lý Mua hàng (Oracle Purchasing).
- Quản lý Kho (Oracle Inventory Management).
- Quản lý Bán hàng (Oracle Order Management).
- Quản lý Sản xuất (Oracle Process Manufacturing).



“ Từ khi đưa Nhà máy Nhựa Bình Minh Long An vào hoạt động từ tháng 11 năm 2015, việc nâng cấp cải tiến hệ thống ERP để phù hợp với tình hình mới và đáp ứng được những yêu cầu của pháp luật hiện hành là nhu cầu cấp thiết của Công ty.

”

Sau gần 3 năm sử dụng, giải pháp ERP đã đáp ứng được những yêu cầu cơ bản trong quản lý doanh nghiệp. Tuy nhiên, với sự lớn mạnh và phát triển nhanh chóng của Nhựa Bình Minh, đặc biệt là từ khi đưa Nhà máy Nhựa Bình Minh Long An vào hoạt động từ tháng 11 năm 2015, việc nâng cấp cải tiến hệ thống ERP để phù hợp với tình hình mới và đáp ứng được những yêu cầu của pháp luật hiện hành là nhu cầu cấp thiết của Công ty.

Do đó, vào tháng 7 năm 2016, Nhựa Bình Minh đã ký các hợp đồng kinh tế với FPT để triển khai nâng cấp hệ thống quản trị doanh nghiệp Oracle E-Business Suite Release 12 và triển khai hệ thống báo cáo thông minh phục vụ lãnh đạo Oracle Business Intelligence Application (BI). Dự án có giá trị dịch vụ hơn 11 tỷ đồng và dự kiến được thực hiện trong khoảng 8,5 tháng.

Sau 6 tháng triển khai nâng cấp, 5 phân hệ chính đã được đưa vào áp dụng chính thức từ 3/01/2017. Phân hệ báo cáo thông minh sẽ tiếp tục hoàn tất trong năm 2017.



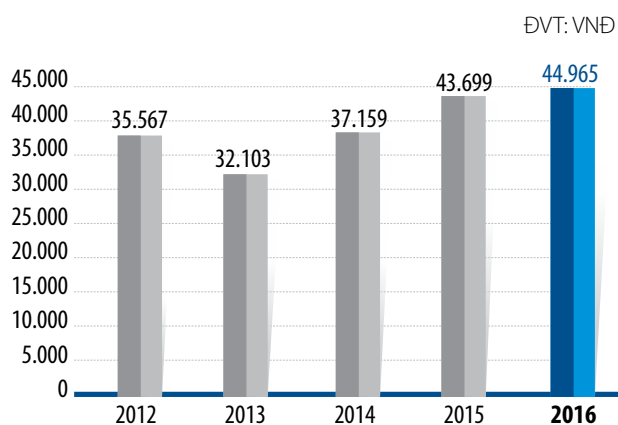


CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

GIÁ TRỊ CỔ PHIẾU THEO SỔ SÁCH

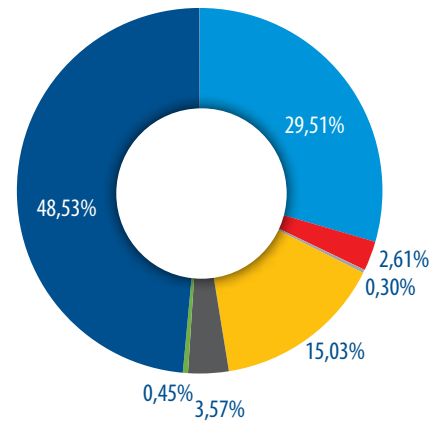
CHỈ TIÊU	2012	2013	2014	2015	2016
Giá trị cổ phiếu theo sổ sách	35.567	32.103	37.159	43.699	44.965

BIỂU ĐỒ GIÁ TRỊ CỔ PHIẾU
THEO SỔ SÁCH



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG ĐẾN NGÀY 31/12/2016

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	SỐ CP NẪM GIỮ	TỶ LỆ %
Cổ đông Nhà nước	13.422.170	29,51%
Hội đồng Quản trị	1.187.687	2,61%
Ban Kiểm soát	134.495	0,30%
Cá nhân trong nước	6.834.039	15,03%
Tổ chức trong nước	1.622.642	3,57%
Cá nhân nước ngoài	207.864	0,45%
Tổ chức nước ngoài	22.069.583	48,53%
Tổng cộng	45.478.480	100,00%

BIỂU ĐỒ SỐ CỔ PHẦN NẪM GIỮ

- Cổ đông Nhà nước
- Hội đồng Quản trị
- Ban Kiểm soát
- Cá nhân trong nước
- Tổ chức trong nước
- Cá nhân nước ngoài
- Tổ chức nước ngoài

TỔNG SỐ CỔ PHẦN	45.478.480
Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phần phổ thông	45.478.480
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do:	45.466.510
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng:	11.970

THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG LỚN SỞ HỮU TỪ 5% TRỞ LÊN

STT	TÊN ĐƠN VỊ	LOẠI CỔ ĐÔNG		SỐ CP NẪM GIỮ	TỶ LỆ
1	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước - Công ty TNHH	Tổ chức	Trong nước	13.422.170	29,51%
2	Franklin Templeton Investment Funds - Templeton Frontier Markets Fund	Tổ chức	Nước ngoài	4.097.418	9,01%
3	The Nawaplastic Industries (Saraburi) Co., Ltd.	Tổ chức	Nước ngoài	9.279.049	20,40%
Tổng cộng				26.798.637	58,92%

TỪ 01/01/2016 ĐẾN 31/12/2016 GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG LỚN: Không có



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



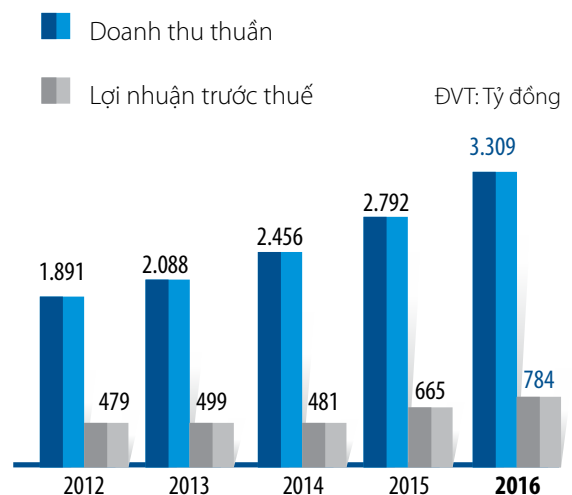
“2016 tiếp tục là một năm thành công rực rỡ của Nhựa Bình Minh cả về doanh thu và lợi nhuận. Lần đầu tiên trong lịch sử, như chào đón Nhựa Bình Minh tròn 40 tuổi, doanh số đã vượt ngưỡng 3.000 tỷ đồng, đạt 3.309 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 19% so với năm trước, vượt 11% so với kế hoạch.”

PHÂN TÍCH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Phân tích hiệu quả kinh doanh

Doanh thu - lợi nhuận

Năm 2016 tiếp tục là một năm thành công rực rỡ của Nhựa Bình Minh cả về doanh thu và lợi nhuận. Lần đầu tiên trong lịch sử, như chào đón Nhựa Bình Minh tròn 40 tuổi, doanh số đã vượt ngưỡng 3.000 tỷ đồng, đạt 3.309 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 19% so với năm trước, vượt 11% so với kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế đạt 784 tỷ đồng, tăng 18% so với năm trước, vượt 31% so với kế hoạch. Đặc biệt, trong điều kiện ngày càng cạnh tranh khốc liệt giữa các doanh nghiệp nhựa xây dựng, Công ty không những đã trụ vững được vị thế hàng đầu mà còn đạt được kết quả kinh doanh hết sức ấn tượng. Đó là niềm tự hào của Hội đồng Quản trị, của Ban Lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty.



Chi phí

Trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt như hiện nay, việc tăng chi phí để bán được hàng là điều không thể tránh khỏi. Tuy nhiên, Nhựa Bình Minh vẫn luôn có kế hoạch kiểm soát chi phí rất chặt chẽ, tránh thất thoát lãng phí

nhằm đạt được lợi nhuận tối đa. Chính vì vậy, nếu xét về tỷ trọng tổng chi phí so với doanh thu thuần trong 2 năm 2015 - 2016 vẫn dao động xung quanh mức 78%.

CHỈ TIÊU	2012	2013	2014	2015	2016
Giá vốn hàng bán/Doanh thu thuần	68,8%	70,2%	72,3%	68,1%	67,9%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	3,4%	3,3%	5,1%	4,5%	5,0%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	3,2%	3,2%	3,0%	3,4%	3,5%
Chi phí tài chính/Doanh thu thuần	0,4%	0,8%	0,8%	1,1%	1,3%

Nguồn: Báo cáo tài chính BMP được kiểm toán 2012 - 2016

Tỷ lệ giá vốn hàng bán so với doanh thu thuần năm 2016 không biến động nhiều so với năm ngoái. Đến cuối năm, giá nguyên vật liệu tăng đột biến làm cho chi phí giá vốn tăng. Tuy nhiên, nhờ vào giá nguyên liệu tồn kho đầu kỳ thấp nên bình quân giá trong năm không thay đổi nhiều so với năm ngoái. Do đó, khi giá dầu tăng, kéo theo giá nguyên liệu tăng sẽ ảnh hưởng lớn và trực tiếp đến giá vốn hàng bán. Đây là áp lực không nhỏ cho Ban Tổng Giám đốc trong năm 2017 trong việc kiểm soát chi phí để có thể đạt được lợi nhuận đề ra.

Cấu trúc chi phí bán hàng, chi phí quản lý so với doanh thu thuần của BMP nhìn chung không có nhiều thay đổi qua các năm. Tốc độ gia tăng chi phí bán hàng và chi phí quản lý năm 2016 xấp xỉ bằng với tốc độ gia tăng của doanh thu. Các thành phần chi phí này chủ yếu đến từ chi phí tiếp thị, quảng cáo, khuyến mãi, hỗ trợ vận chuyển bán hàng nhằm đẩy mạnh doanh số, thu hút khách hàng mới, khách hàng tiềm năng.

Tỷ trọng chi phí tài chính so với doanh thu thuần chiếm tỷ lệ nhỏ trong cơ cấu chi phí. Đến thời điểm này, BMP vẫn không dùng đòn bẩy tài chính, chi phí này chủ yếu đến từ chính sách chiết khấu thanh toán ngay và lãi phải trả tiền đặt cọc đảm bảo mức nợ của khách hàng.





BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÂN TÍCH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Phân tích khả năng sinh lời

CHỈ TIÊU	MÔ TẢ	2012	2013	2014	2015	2016
Lợi nhuận ròng/Doanh thu thuần (1)	Tỷ suất lợi nhuận ròng biên	19,1%	17,8%	15,6%	18,6%	19,0%
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân (2)	Hiệu suất sử dụng tài sản	1,5	1,3	1,3	1,28	1,24
Tổng tài sản bình quân/Vốn chủ bình quân (3)	Hệ số đòn bẩy tài chính	1,1	1,1	1,1	1,17	1,24
ROA = (1)*(2)	Khả năng sinh lời trên tổng tài sản	27,8%	23,9%	20,9%	23,8%	23,5%
ROE = ROA* (3)	Khả năng sinh lời trên vốn chủ sở hữu	31,0%	26,8%	23,5%	27,8%	29,1%

Nguồn: Báo cáo tài chính BMP được kiểm toán 2012 - 2016

Năm 2016, tỷ suất lợi nhuận ròng biên tăng nhẹ so với năm trước. Mặc dù doanh thu tăng đáng kể nhưng do chi phí hoạt động quảng cáo, hội nghị, hỗ trợ khách hàng,... tăng nên biên lợi nhuận không tăng nhiều. Trong khi đó, hiệu suất sử dụng tài sản giảm còn 1,24 vòng. Nguyên nhân do trong năm, Nhà máy Bình Minh Long An tiếp tục mở rộng, một số hạng mục công trình đã hoàn thành làm tăng tài sản cố định nhưng chưa tạo ra giá trị kinh tế ngay. Kết quả là khả năng sinh lời trên tổng tài sản tương đương năm 2015, đạt 23,5%.

Hiệu suất sinh lời trên vốn chủ ROE năm 2016 đạt 29,1% tăng 1,3% so với năm 2015. Xuất phát từ hệ số đòn bẩy tài chính tăng hơn so với năm ngoái. Tuy vậy, việc sử dụng hệ số đòn bẩy này không phải do Công ty đi vay nợ ngân hàng để đầu tư, trang trải hoạt động mà là do

dự án Bình Minh Việt chưa triển khai được, số tiền này được giữ lại tại doanh nghiệp như một khoản vay, không lãi suất. Và, ngày 30/12/2016 là ngày giao dịch không hưởng quyền khoản cổ tức 20% tiền mặt nên số tiền 90 tỷ từ lợi nhuận chưa phân phối được ghi nhận là khoản phải trả cho cổ đông.

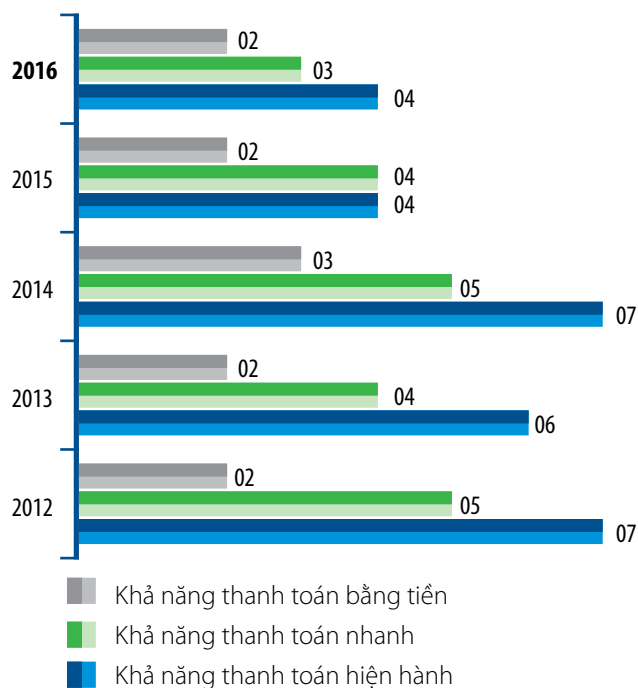
Nhìn chung, khả năng sinh lời của BMP không tăng trưởng vượt trội so với các năm trước, nhưng so với các doanh nghiệp cùng ngành BMP luôn dẫn đầu. Hơn nữa, trong bối cảnh kinh tế còn rất nhiều khó khăn, sự cạnh tranh càng ngày càng khốc liệt, BMP vẫn có thể duy trì được tỷ lệ trong 100 đồng doanh thu thuần thu về 29,1 đồng lợi nhuận ròng. Đây là kết quả rất đáng tự hào của BMP, bởi vì không phải doanh nghiệp nào cũng có thể tạo ra tỷ suất lợi nhuận cao như vậy.



KHẢ NĂNG THANH TOÁN BMP 2012 - 2016

Phân tích khả năng thanh toán

Quan sát trong khoảng thời gian từ 2012 - 2016, khả năng thanh toán của BMP có xu hướng giảm dần ở cả ba chỉ tiêu. Nguyên nhân là do một phần cơ cấu nợ phải trả trong tổng nguồn vốn có thay đổi, 3 năm đầu giữ nguyên mức 11%, 2 năm sau tăng lên thành 17% và 21% trong khi đó, tỷ trọng giữa tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn không thay đổi nhiều làm cho các hệ số đều giảm. Tuy nhiên, tại thời điểm 31/12/2016, xét về ý nghĩa của chỉ tiêu này mới thấy được năng lực thanh toán của BMP, trong 1 đồng nợ ngắn hạn thì BMP có đến 2,9 đồng tài sản có tính thanh khoản cao và đặc biệt, có đến 1,5 đồng tiền mặt, ngay lập tức có thể thanh toán cho nhà cung cấp. Chính vì lợi thế này mà BMP luôn được các nhà cung cấp sẵn sàng bán hàng với giá cạnh tranh nhất, từ đó có thể cải thiện chi phí đầu vào, gia tăng hiệu quả kinh doanh.



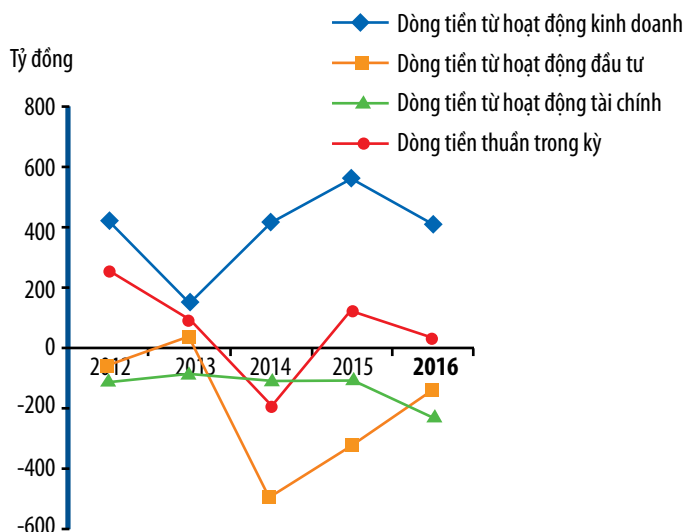
Phân tích khả năng sinh tiền

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	420,4	144,9	414,4	565,1	406,8
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	Tỷ đồng	-55,1	32,2	-495,4	-327,2	-144,6
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	Tỷ đồng	-108,6	-83,8	-114,0	-111,0	-228,0
Dòng tiền thuần trong kỳ	Tỷ đồng	256,6	93,4	-195,0	126,9	34,2

Nguồn: Báo cáo tài chính BMP được kiểm toán 2012 - 2016

Cuối năm 2016, dòng tiền từ hoạt động kinh doanh là 407 tỷ đồng, giảm 158 tỷ so với năm 2015. Mặc dù vậy, trong 5 năm, dòng tiền từ hoạt động kinh doanh luôn dương cho thấy khả năng tạo ra tiền của BMP rất tốt. Sau khi thực hiện nhu cầu chi tiêu cho hoạt động kinh doanh, tiền thu được từ hoạt động này trong năm 2016 vẫn còn 407 tỷ để có thể chia lãi cho chủ sở hữu hoặc chi cho nhu cầu đầu tư.

Bằng nguồn tiền tạo ra từ hoạt động kinh doanh, BMP không những thực hiện được nhu cầu chi tiêu thường xuyên trong năm, mà còn có thể chia lãi, đầu tư tài sản cố định, trả nợ vay. Chính vì có thể trang trải được hết các khoản chi tiêu nên BMP không cần phải gia tăng nguồn tài trợ vốn từ bên ngoài, không gặp bất kỳ rủi ro thanh khoản nào trong ngắn hạn.





BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÂN TÍCH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Phân tích năng lực hoạt động

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2012	2013	2014	2015	2016
Kỳ thu tiền bình quân	Ngày	56	52	45	42	45
Kỳ trả tiền bình quân	Ngày	10	13	12	15	18
Số ngày lưu kho	Ngày	92	88	77	68	65
Vòng quay tài sản cố định	Lần	6,7	8,3	11,1	11,1	7,2
Vòng quay tổng tài sản	Lần	1,5	1,3	1,3	1,3	1,2

Nguồn: Báo cáo tài chính BMP được kiểm toán 2012 - 2016

Với chiến lược phát triển kênh bán hàng, từng bước thâm nhập vào thị trường dự án, buộc lòng Công ty phải áp dụng chính sách nới lỏng tín dụng bán hàng nên số ngày thu tiền bình quân năm 2016 tăng 3 ngày so với năm 2015. Chất lượng các khoản phải thu của hệ thống cửa hàng được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp như nhà cửa, đất đai... theo quy chế kiểm soát công nợ khách hàng, nên giảm thiểu đến mức thấp nhất rủi ro không thu hồi được nợ. Tuy nhiên, đối với khách hàng dự án, BMP chỉ có thể đánh giá khả năng trả nợ của nhà thầu dựa trên uy tín, năng lực của nhà thầu lẫn chủ đầu tư, quá trình mua hàng, thanh toán theo tiến độ,... để ra quyết định cho nợ. Đây là sự đánh đổi giữa rủi ro và lợi nhuận trong kinh doanh mà bất cứ doanh nghiệp nào cũng phải đối mặt nếu muốn mở rộng thị phần.

Trong khi đó, tại ngày 31/12/2016, kỳ trả tiền bình quân cũng chỉ có 18 ngày. Mặc dù tình hình đầu tư, mở rộng nhà máy liên tục sử dụng nguồn vốn lớn, nhưng BMP không những không vay nợ để đầu tư mà còn dư thừa năng lực tài chính, sẵn sàng thanh toán cho nhà cung cấp nhanh nhằm tận dụng được giá mua hàng tốt nhất, tiết kiệm chi phí cho Công ty.

Cuối năm 2016, số ngày lưu kho giảm 3 ngày còn 65 ngày so với năm 2015. Vòng quay tổng tài sản không bằng các năm trước do tài sản cố định mới đưa vào hoạt động, chưa thể mang lại hiệu quả kinh tế ngay.

Nhìn chung, hầu hết các chỉ tiêu hiệu quả kinh doanh của BMP tăng trưởng tốt trong năm 2016. Và trong năm 2017, với kế hoạch chào mừng 40 năm thành lập, kế hoạch doanh số để ra vượt ngưỡng 4.000 tỷ đồng thì có thể dự đoán tổng tài sản tăng do tăng đầu tư. Như thế, BMP sẽ phải nỗ lực rất nhiều trong hoạt động kinh doanh sao cho chính sách kinh doanh thật sự linh hoạt, chất lượng sản phẩm cao, giá thành hợp lý, dịch vụ hậu mãi chu đáo,... mới đạt được mục tiêu kế hoạch đề ra, tối đa hóa giá trị cho cổ đông.



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016**Đặc điểm tình hình****Thuận lợi:**

- Nhu cầu hàng hóa tăng do thị trường bất động sản ấm lên.
- Chất lượng sản phẩm ổn định, dịch vụ chu đáo, thương hiệu tốt.
- Hệ thống phân phối ổn định và duy trì tốt hoạt động kinh doanh.
- Chính sách kinh doanh nhất quán nhưng linh hoạt, uyển chuyển, quan tâm đến nhu cầu chính đáng của khách hàng.
- Mặt bằng và thiết bị đã được bổ sung kịp thời để tăng cường năng lực sản xuất.
- Nhân lực đã được bổ sung phù hợp nhu cầu.
- Lãnh đạo đoàn kết, tạo môi trường làm việc tốt, nâng cao phúc lợi cho người lao động.
- Giá nguyên liệu thấp hơn so với năm 2015.

Khó khăn:

- Các đối thủ đầu tư quy mô lớn và áp dụng chính sách cạnh tranh bằng giảm giá thông qua chiết khấu để tranh giành thị phần.

- Chính sách kinh doanh thiếu tính cạnh tranh. Hệ thống phân phối có những biểu hiện cạnh tranh nội bộ không lành mạnh.
- Quản lý nhà nước về chất lượng và thị trường rất bất cập và thiếu hiệu quả. Việc xử lý triệt để các vụ việc hàng giả, hàng nhái của cơ quan quản lý nhà nước rất chậm.
- Công ty triển khai đồng thời các dự án lớn nên nguồn lực rất căng thẳng. Nguồn lực tập trung cho giải pháp ERP lớn và giải pháp chưa vận hành hoàn chỉnh.
- Tình trạng thiếu mặt bằng gây khó khăn cho việc cân đối lượng tồn kho sản phẩm để hạn chế tình trạng thiếu hàng hóa.
- Nạn hàng giả, hàng nhái sản phẩm của Công ty không chỉ ảnh hưởng đến lợi ích kinh tế mà nguy hiểm hơn có thể làm xói mòn lòng tin của khách hàng và ảnh hưởng đến danh tiếng của Công ty.
- Việc tăng cường năng lực cạnh tranh thông qua hoạt động sáng tạo, phát triển sản phẩm mới, đa dạng hóa chủng loại sản phẩm và đầu tư (cả mở rộng và chiều sâu) còn chậm hơn kỳ vọng.
- Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) đã có hiệu lực thách thức cạnh tranh với sản phẩm của các đối thủ đến từ các nước trong AEC.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2016

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2016

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH 2016	THỰC HIỆN		TỶ LỆ SO SÁNH %	
				2016	2015		
A	B	C	1	2	3	4=2/1	5=2/3
1	Doanh thu	Tỷ đồng	3.330	3.678	2.970	110,5	123,8
2	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	76.000	82.052	67.860	108	121
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	600	784	665	130,7	118
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	480	627	519	130,6	120,8

Bảng so sánh kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016 của Nhựa Bình Minh và Nhựa Tiền Phong (NTP).

CHỈ TIÊU	BMP	NTP	SO SÁNH BMP/NTP (%)
Doanh thu (tỷ đồng)	3.678	4.365	84,3
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	784	447	175,4
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	627	398	157,5
Giá giao dịch ngày 15/03/2016 (VNĐ/CP)	190.500	72.300	263,5

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất 2016 của BMP và NTP và www.cafef.vn



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty TNHH MTV Nhựa Bình Minh Miền Bắc (NBM)

Tiếp tục truyền thống và thừa hưởng kinh nghiệm của Công ty mẹ, NBM mang đến cho người sử dụng và các công trình tại miền Bắc sự lựa chọn mới về những sản phẩm ống và phụ tùng ống nhựa uPVC, HDPE và PP-R chất lượng cao mà thương hiệu “Bình Minh Plasco” đã được khẳng định gần 40 năm qua.

Với đội ngũ cán bộ công nhân viên được đào tạo bài bản, tác phong làm việc chuyên nghiệp, trách nhiệm, tận tình, cùng với hệ thống quản lý chất lượng chặt chẽ theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008, NBM luôn đảm bảo cung ứng những sản phẩm tốt nhất và nhanh nhất cho tất cả khách hàng. Hiện nay, NBM đang dần trở thành một trong các doanh nghiệp nhựa chất lượng hàng đầu và uy tín tại thị trường phía Bắc.

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN 2015	KẾ HOẠCH 2016	THỰC HIỆN 2016	SỐ VỚI THỰC HIỆN 2015	SỐ VỚI KẾ HOẠCH 2016
A	B	C	1	2	3	4 = 3/1	5 = 3/2
1	Doanh thu	Tỷ đồng	307	330	444	145%	135%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	47	28	82	174%	293%

- Tổng số lao động hiện nay của NBM: 162 người, trong đó số lượng lao động có trình độ từ cao đẳng trở lên: 53 người, chiếm tỷ lệ 32,7%.
- Thu nhập bình quân của người lao động tăng 25,1% so với năm 2015.

Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Bình Minh Việt

Hiện tại dự án chuyển đổi công năng khu đất 240 Hậu Giang, Quận 6, TP. HCM mà Công ty đã góp vốn 53.040.000.000 đồng đang chờ các cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch và thiết kế.

Công ty CP Nhựa Đà Nẵng (DPC)

Kết quả doanh thu, lợi nhuận qua các năm:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2012	2013	2014	2015	2016
Tổng tài sản	Tỷ đồng	52	44	40	41	44
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	40	38	37	38	39
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	95	78	77	82	67
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	4	2	1	2	3

Nguồn: Báo cáo tài chính DPC đã được kiểm toán 2012 - 2016

Năm 2016, doanh thu thuần năm 2016 là 67 tỷ, đạt 68% so với kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế 2,9 tỷ, đạt 91,2% so với kế hoạch. Hoạt động kinh doanh của DPC trong năm 2016, không có gì nổi bật. Tuy nhiên, nhờ vào việc Công ty ký hợp đồng hợp tác thương mại cho thuê mặt bằng nên lợi nhuận sau thuế tăng 56,3% so với năm 2015. Với mục tiêu phát triển, trong tương lai, DPC sẽ tiếp tục đàm phán để tìm kiếm sự hợp tác kinh doanh để có thể tối đa hóa lợi nhuận, đảm bảo lợi ích cho cổ đông.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

CÁC CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	NĂM 2015	NĂM 2016
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	4,5	3,7
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	3,7	2,9
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,2	0,2
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,2	0,3
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	Lần	5,4	5,6
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	1,3	1,2
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	18,6%	19,0%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	27,8%	29,1%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	23,8%	23,5%
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	23,9%	23,5%

Nguồn: Báo cáo hợp nhất BMP đã được kiểm toán 2016

Tình hình tài chính

CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2015	NĂM 2016	CHÊNH LỆCH TĂNG/GIẢM
Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	2.438	2.891	453
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.792	3.309	517
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	668	778	110
Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	-3	5	8
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	665	784	119
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	519	627	108
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (*)	%	52,6%	14,5%(*)	-38,1%

(*) Tỷ lệ cổ tức tối thiểu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2016

Phân tích cơ cấu tài sản và nguồn vốn

CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2012	NĂM 2013	NĂM 2014	NĂM 2015	NĂM 2016
Tổng tài sản	Tỷ đồng	1.423	1.681	1.929	2.438	2.891
- Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	1.052	1.224	1.486	1.886	2.186
- Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	370	457	443	552	705
Nợ phải trả	Tỷ đồng	149	192	210	423	594
- Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	149	192	210	423	594
- Nợ dài hạn	Tỷ đồng	0	0	0	0	0
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	1.274	1.489	1.718	2.015	2.297

Nguồn: Báo cáo tài chính BMP được kiểm toán 2012 - 2016



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

NHỮNG TIẾN BỘ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC NĂM 2016

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đạt rất cao so với năm 2015 và kế hoạch 2016.
- Khai thác rất hiệu quả Dự án đầu tư sản xuất phụ tùng và hoàn thành Dự án xây dựng kho bãi tại Nhà máy Bình Minh Long An.
- Đầu tư bổ sung máy móc thiết bị kịp thời để tăng cường năng lực sản xuất và đã giải quyết được tình trạng thiếu hụt hàng hóa.
- Bổ sung nguồn lực lao động kịp thời theo qui mô tăng trưởng và bổ nhiệm nhân sự quản lý các cấp. Điều chỉnh chính sách hợp đồng lao động với Người lao động để tạo điều kiện ổn định nguồn lực lao động.
- Phát triển mở rộng hệ thống phân phối và đặc biệt thực thi linh hoạt chính sách kinh doanh để duy trì sự ổn định của hệ thống phân phối hiện có.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG TY GIAI ĐOẠN 2017 - 2018

Định hướng phát triển công ty giai đoạn 2017 - 2018 sẽ tập trung cho một số những hoạt động cụ thể như sau:

- Thống nhất tiêu chuẩn sản phẩm đảm bảo yêu cầu hợp chuẩn, hợp quy quốc gia và quốc tế.
- Hoàn thiện, khai thác có hiệu quả Hệ thống ERP để nâng cao năng lực quản trị công ty.
- Chuyển đổi phiên bản 2015 cho Hệ thống quản trị chất lượng QMS theo tiêu chuẩn ISO 9000 và Hệ thống quản trị môi trường EMS theo tiêu chuẩn ISO 14000. Tích hợp với Hệ thống ERP để hình thành hệ thống quản trị công ty (CMS) đồng nhất và có hiệu quả.
- Đẩy mạnh việc đầu tư phát triển sản phẩm mới và đầu tư tăng cường năng lực sản xuất.
- Hoàn thành và đưa vào hoạt động Nhà máy Bình Minh Long An giai đoạn 2.
- Hoạch định mô hình phân phối và chính sách kinh doanh theo định hướng thống nhất.
- Xây dựng chiến lược và hệ thống quản trị rủi ro.
- Hoàn thiện dự án tái cấu trúc Công ty theo hướng hợp lý và hiệu quả.
- Tổ chức những hoạt động kỷ niệm 40 năm thành lập Công ty (16/11/2017).



40 năm, Ban Lãnh đạo, toàn thể cán bộ công nhân viên và các bên liên quan đã tạo dựng nên một Nhựa Bình Minh hôm nay rực rỡ thành công và tràn đầy năng lượng bằng những bước đi thận trọng, chắc chắn. Bối cảnh mới đang đặt ra cho Công ty những thách thức mới, đó là phải tiếp tục tiến lên phía trước vẫn với sự cẩn trọng, chắc chắn nhưng với một xung lực mới, tốc độ mới nếu không muốn bị đẩy lùi lại phía sau.

“THÀNH CÔNG ĐANG TRỞ THÀNH THÁCH THỨC”

khi Nhựa Bình Minh bước vào năm 2017 - năm thật sự có ý nghĩa to lớn, năm kỷ niệm 40 năm thành lập Công ty, và hơn bao giờ hết tập thể Nhựa Bình Minh phải có trách nhiệm gìn giữ và phát huy thành công đó không chỉ trong năm 2017 mà còn cả những năm về sau. Việc xác định những thách thức không đồng nghĩa với việc run rẩy hay lo sợ. Đó là việc thật sự cần làm để hiểu rõ bối cảnh hiện tại và sẵn sàng đối đầu với những thách thức, không duy ý chí, không lạc quan tếu mà dựa trên những đánh giá khoa học và tự tin với những quyết định của mình.

Chúng ta không có ý định tạo ra **“MỘT GÃ KHỔNG LỒ HOÀNH TRÁNG”** về hình thức chỉ bằng những thành công trước mắt mà thật sự phải là một Nhựa Bình Minh mạnh về văn hóa, ý chí, năng lực và thật sự có khát vọng trường tồn khi những thách thức, những cạm bẫy lúc nào cũng rình rập, chực chờ trên con đường phát triển của một doanh nghiệp.

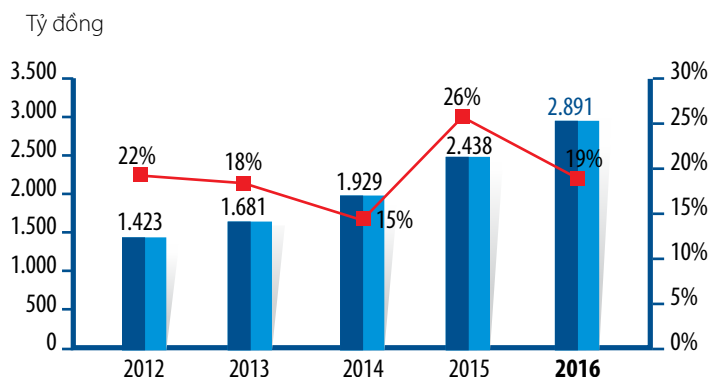
**Với nội lực mạnh mẽ cùng niềm tin mãnh liệt,
Nhựa Bình Minh tin rằng tất cả chúng ta đã sẵn sàng cùng**





BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG TÀI SẢN VÀ TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG TỔNG TÀI SẢN 2012 - 2016



Tiếp tục giữ vững vị thế doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực nhựa xây dựng, tổng tài sản Nhựa Bình Minh liên tục tăng qua các năm. Tại thời điểm ngày 31/12/2016, tổng tài sản đạt 2.891 tỷ đồng, tăng 19% so với cùng kỳ năm ngoái và tăng gấp đôi so với năm 2012. Do trong giai đoạn này, Công ty mở rộng quy mô, đầu tư xây dựng nhà máy mới tại Long An, triển khai công nghệ thông tin vào quản trị doanh nghiệp. Vì vậy, tổng tài sản sẽ tiếp tục

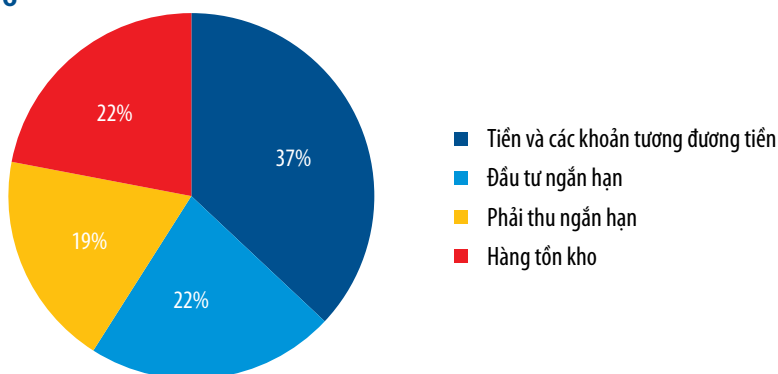
tăng trưởng phù hợp với nhu cầu mở rộng và phát triển của Công ty.

Cùng với xu hướng của tài sản, nguồn vốn của BMP tăng qua các năm từ 2012 - 2016. Năm 2016, vốn chủ sở hữu lên tới 2.297 tỷ, tăng trưởng 14% so với năm trước, trong đó chủ yếu là tăng quỹ lợi nhuận chưa phân phối, quỹ đầu tư phát triển, được hình thành từ lợi nhuận tạo ra trong năm.

Cấu trúc tài sản

Tài sản ngắn hạn

CƠ CẤU TÀI SẢN NGẮN HẠN 2016



Tài sản ngắn hạn của BMP cuối năm 2016 đạt 2.186 tỷ đồng, tăng trưởng 15,9% so với cùng kỳ năm 2015. Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn năm 2016, tiền và các khoản tương đương tiền chiếm 18,5%, đầu tư ngắn hạn (là khoản tiền gửi tiết kiệm ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng) chiếm 22,4%. Nếu không phân loại là tiền gửi kỳ hạn và có kỳ hạn thì khoản mục có tính thanh khoản tức thời của BMP chiếm đến 41% tổng tài sản ngắn hạn. Mặc dù trong năm qua, BMP tiếp tục triển khai xây dựng nhà máy mới, chi trả cổ tức bằng tiền đều cao hơn các năm trước nhưng vẫn tích lũy được khoản tiền nhàn rỗi để hưởng lãi. Thành quả này có được là nhờ vào định hướng chiến lược của Hội đồng Quản trị, sự đồng thuận của tập thể Ban Lãnh đạo Công ty trong quá trình hoạt động đã giúp cho BMP đạt được kết quả trên.

Khoản phải thu ngắn hạn chiếm đến 37,1% chủ yếu do phải thu khách hàng và trả trước cho nhà cung cấp. Nhằm mục tiêu tăng trưởng doanh thu và đa dạng hóa kênh phân phối của mình, BMP bắt đầu chú trọng phát triển mảng dự án. Cũng chính vì vậy, các khoản phải thu từ khách hàng này tăng 33% so với năm 2015. Bên cạnh đó, BMP cũng không ngừng tạo điều kiện cho hệ thống phân phối truyền thống của mình, khách hàng được mua nợ với mức tối đa giá trị các tài sản mà họ thế chấp theo quy chế kiểm soát công nợ. Với năng lực tài chính mạnh, BMP hoàn toàn có thể tận dụng lợi thế so với các đối thủ để phát triển hệ thống khách hàng ngày càng sâu rộng. Tuy BMP thực hiện chính sách nới lỏng tín dụng nhằm mục tiêu gia tăng doanh số nhưng vẫn

luôn tăng cường công tác thu hồi nợ, đảm bảo thu hồi nợ đúng hạn, hạn chế tối đa khả năng xảy ra nợ phải thu khó đòi.

Đến thời điểm cuối năm 2016, hàng tồn kho tăng 42% so với năm trước, tình trạng thiếu hàng đã được giải quyết, vốn là vấn đề tồn đọng liên tục ở các năm trước. BMP đặc biệt chú trọng đến công tác quản lý tốt tồn kho ở khâu dự trữ nguyên vật liệu và thành phẩm, đồng thời, luôn cố gắng đẩy mạnh tiêu thụ hàng hóa, tránh tình trạng hàng bị ứ đọng trong kho quá lâu.

Tài sản dài hạn

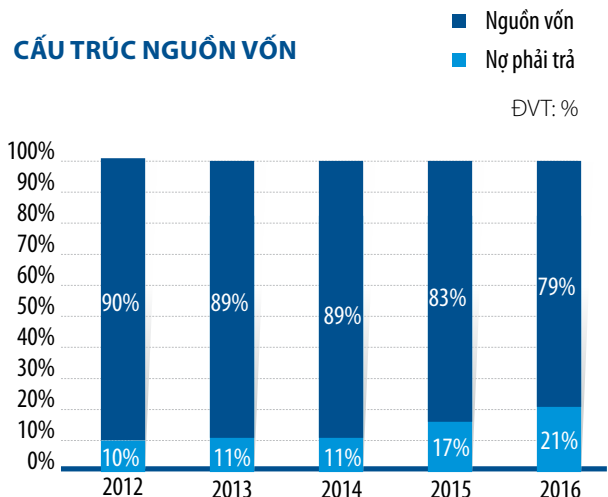
Tài sản dài hạn chủ yếu của BMP trong năm 2016 chủ yếu là tài sản cố định, chiếm 84% cơ cấu tài sản dài hạn. Trong năm, BMP đã thực chi hơn 315 tỷ cho mua sắm, xây dựng tài sản cố định, tiền thuê đất 227 tỷ tại KCN Vĩnh Lộc Bến Lức đã được hình thành tài sản, và một số chi phí xây dựng nhà máy Bình Minh Long An giai đoạn 1 đã được triển khai. Dự kiến các công trình trong này sẽ hoàn thành vào quý 1/2017, sẽ làm cho tổng tài sản của BMP tăng lên đáng kể.

Đóng góp vào sự tăng trưởng trong tài sản dài hạn năm 2016 là khoản đầu tư 53 tỷ vào Công ty Bất động sản Bình Minh Việt. Đây là khoản hợp tác đầu tư dự án khu thương mại - dịch vụ - căn hộ tại 240 Hậu Giang, phường 9, Quận 6, TP. HCM. Dự án đang trong giai đoạn chờ chấp thuận quy hoạch và phê duyệt.

Cấu trúc nguồn vốn

Tỷ trọng cơ cấu nợ phải trả trong tổng nguồn vốn của BMP biến động không nhiều qua các năm. Cuối năm 2016, nợ phải trả chiếm 21% do phát sinh tăng các khoản trích trước chi phí hỗ trợ bán hàng, tăng khoản vay nợ ngắn hạn của Công ty Bình Minh Việt và ghi nhận khoản cổ tức phải trả cho chủ sở hữu. Vốn chủ sở hữu tiếp tục được bổ sung từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối năm 2016.

Nhìn chung, cấu trúc tài chính của BMP tiếp tục vững mạnh, 79% tài sản được tài trợ bằng vốn chủ, nợ phải trả chỉ chiếm tỷ lệ thấp 21%. Việc quản lý khoản phải trả vẫn được duy trì tốt, giúp giảm áp lực lên dòng tiền và hỗ trợ các chỉ số hoạt động hiệu quả.





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



ĐÁNH GIÁ CHUNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2016 đã ghi nhận sự hồi phục tương đối tốt của thị trường bất động sản. Nhu cầu vật liệu xây dựng nhựa tăng nhanh, giá nguyên liệu ổn định là tiền đề giúp ngành ống nhựa khởi sắc với sự phát triển mạnh mẽ. Hàng ngàn tỷ đồng đầu tư xây dựng nhà xưởng, thiết bị từ những đơn vị sản xuất cùng ngành có kinh nghiệm và cả những đơn vị

mới tham gia trong thị trường ống nhựa, đã tạo nên một môi trường cạnh tranh gay gắt, khốc liệt hơn bao giờ hết.

Vượt lên trên tất cả, Nhựa Bình Minh một lần nữa đã tạo nên dấu ấn quan trọng với kết quả sản xuất kinh doanh cao nhất trong lịch sử 39 năm hoạt động.

3.678

TỶ ĐỒNG
TỔNG DOANH THU NĂM 2016

Nhựa Bình Minh một lần nữa đã tạo nên dấu ấn quan trọng với kết quả sản xuất kinh doanh cao nhất trong lịch sử 39 năm hoạt động.



CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2016	THỰC HIỆN		TĂNG TRƯỞNG %	
			2016	2015	SỐ KH	SỐ 2015
Doanh thu	Tỷ đồng	3.330	3.678	2.970	10,4	23,8
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	600	784	665	30,7	17,9
Lãi cơ bản/ một cổ phiếu	Ngàn đồng		13,7	11,4		20,2

Nhựa Bình Minh luôn trung thành và kiên định với chiến lược phát triển mà mục tiêu trung tâm là chất lượng sản phẩm cao, dịch vụ chu đáo, cơ sở hạ tầng được mở rộng phù hợp với nhu cầu khách hàng và môi trường sống của xã hội:

- Đầu tư hàng loạt các máy móc thiết bị tối tân đáp ứng nhu cầu thị trường, khắc phục "lỗ hổng" thiếu hàng hóa. Tổng số 315 tỷ đồng là con số thực hiện lớn nhất cho hoạt động đầu tư trong một năm từ trước đến nay của Công ty.



- Tăng cường bảo vệ môi trường thông qua các thiết bị sản xuất mới, hiện đại, và sự lựa chọn kỹ lưỡng nguyên vật liệu cấu thành công thức phối liệu đảm bảo an toàn cho người sử dụng.

- Duy trì và phát triển hệ thống phân phối trước sự cạnh tranh của các đơn vị cùng ngành nhằm bảo vệ và mở rộng thị phần bằng sự chia sẻ lợi ích, ưu đãi kinh doanh; tăng cường mối quan hệ với khách

hàng dự án bằng sự linh hoạt trong chiến lược hợp tác và đáp ứng nhu cầu đặc thù của hệ thống này. Qua đó, hàng hóa Nhựa Bình Minh ngày càng được sử dụng rộng rãi trong dân dụng và dự án lớn của ngành cấp thoát nước, xây dựng,...

Đầu tư hàng loạt các máy móc thiết bị tối tân đáp ứng nhu cầu thị trường, khắc phục “lỗ hổng” thiếu hàng hóa. 315 tỷ đồng là con số thực hiện lớn nhất cho hoạt động đầu tư trong một năm từ trước đến nay.

- Nhân lực và hệ thống quản trị tiếp tục được chú ý, nâng cao đảm bảo phát huy tối đa năng lực hiện hữu và đào tạo lực lượng kế thừa sẵn sàng cho những thay đổi lớn trong tương lai.

DÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã có sự đoàn kết tốt, phát huy được năng lực chuyên môn của từng người, có chiến lược hành động sát với chỉ đạo định hướng của Hội đồng Quản trị:

- Thực hiện công tác đầu tư dựa trên nền tảng phân tích thị trường, xây dựng nhà xưởng, triển khai lắp đặt máy mới và đưa vào sử dụng trong thời gian kỷ lục. Đạt được hiệu quả khai thác cao.

- Nhất quán về chiến lược sản phẩm, kiểm soát chặt chẽ chất lượng đầu vào; coi trọng việc cải tiến, áp dụng công nghệ mới, nguyên vật liệu mới để luôn có được công thức phối liệu xanh, đảm bảo an toàn cho người sử dụng và môi trường xung quanh.

- Sáng tạo trong việc áp dụng những phương thức quản trị tiên tiến mới, mạnh dạn trong việc đề bạt nhân sự trẻ vào những cương vị quan trọng trong Công ty.

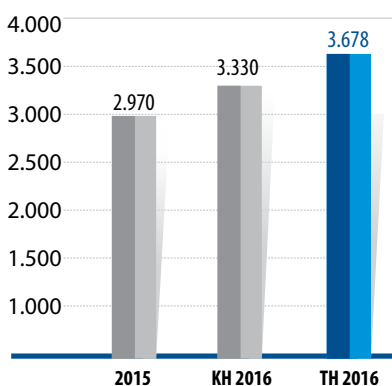
- Linh hoạt trong chiến lược kinh

doanh, giữ được khách hàng cũ, tăng thêm khách hàng mới. Đạt được hiệu quả kinh tế cao trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt trên thị trường.

Ban Tổng Giám đốc đã có được sự ủng hộ của toàn thể người lao động tại Công ty, sự tin cậy của Hội đồng Quản trị, uy tín với khách hàng. Đó là những yếu tố làm nên sự thành công của Ban Tổng Giám đốc trong năm 2016.

Tuy nhiên có những thời điểm, việc sản xuất và phân phối hàng hóa chưa đồng bộ, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu về sản phẩm của khách hàng trên thị trường. Bên cạnh đó, một số bộ phận trong Công ty còn tình trạng làm việc căng thẳng, có dấu hiệu quá tải. Ban Tổng Giám đốc cần quan tâm hơn nữa đến điều kiện, môi trường làm việc của người lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, sự cân bằng trong cuộc sống, đồng thời tạo điều kiện phát triển cho người lao động và phù hợp với quy định của Nhà nước.

TỔNG DOANH THU
(TỶ ĐỒNG)





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017

Sự thay đổi lãnh đạo ở các nước phương Tây gây nên một số biến động đối với các hiệp định thương mại quốc tế, môi trường tự nhiên bị xâm hại nhiều nơi, những bất ổn ngầm trong xã hội do mất an toàn thực phẩm, điều kiện giao thông kém ở khu vực đô thị, sự thiếu kiểm soát định hướng sản xuất tại khu vực nông thôn, nguy cơ cung cao hơn cầu do mất cân đối phân khúc thị trường bất động sản,... đều có thể tác

động xấu, ảnh hưởng đến tâm lý, thói quen người tiêu dùng. Bên cạnh đó, giá nguyên liệu chính từ dầu mỏ vẫn là một ẩn số không thể đoán trước. Ngoài ra, áp lực cũng đè nặng lên Ban Tổng Giám đốc vì cổ đông đã “quen nhìn” một Nhựa Bình Minh có sự tăng trưởng và hiệu quả cao, Bình Minh lại là đối tượng chính bị cạnh tranh trên thị trường... là những khó khăn mà Nhựa Bình Minh sẽ đối mặt trong năm 2017.



Tuy nhiên, với vị thế và thuận lợi cơ bản từ thương hiệu nổi tiếng của mình, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc vẫn phải nỗ lực để đạt được những yêu cầu sau:

- Tăng trưởng hai con số về doanh thu và lợi nhuận trên cơ sở tăng cường năng lực cạnh tranh về mọi mặt.
- Triển khai nhanh các chính sách có lợi cho cổ đông, người lao động và khách hàng phù hợp với xu thế phát triển chung của xã hội.
- Đảm bảo môi trường tự nhiên, xây dựng môi trường làm việc thân thiện, an toàn, đủ điều kiện làm việc cho người lao động.

Hội đồng Quản trị cam kết sẽ tiếp tục chỉ đạo, giám sát và tạo điều kiện tốt nhất cho Ban Tổng Giám đốc hoàn thành mục tiêu đưa Công ty phát triển ở một tầm cao mới.



Năm 2017, Nhựa Bình Minh tròn 40 tuổi, chắc chắn cổ đông, khách hàng, người lao động và đối tác của Công ty sẽ tiếp tục kỳ vọng Nhựa Bình Minh tỏa sáng trên những chặng đường mới.





BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT



“ Với tư cách là đại diện cổ đông, được sự hỗ trợ của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty theo Nghị quyết ĐHĐCĐ và kiến nghị thực hiện những thay đổi cần thiết trong lĩnh vực Quản trị rủi ro tại Nhựa Bình Minh. ”

Trong năm 2016, hoạt động của Ban Kiểm soát bao gồm:

- Giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016;
- Giám sát tình hình tài chính năm 2016;
- Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2016;
- Giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc;
- Rà soát việc thực hiện các quy trình, quy chế đang áp dụng tại Công ty.

GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Công ty đã tuân thủ đúng quy định hiện hành của luật kế toán, luật thuế, các quy định khác của pháp luật Việt Nam và điều lệ Công ty. Các khoản hạch toán minh bạch, rõ ràng, cụ thể như sau:

Về nguồn vốn, tài sản

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tính đến 31/12/2016 là 454.784.800.000 đồng, tương đương với 45.478.480 cổ phiếu phổ thông đang lưu hành. Không thay đổi so với năm 2015.

Tổng tài sản tính đến ngày 31/12/2016 là 2.891 tỷ, tăng 18,6% so với năm 2015, trong đó vốn chủ sở hữu tăng 14%.

Công ty kiểm soát tốt và sử dụng hiệu quả các khoản nợ, hiện tổng nợ phải trả là 594 tỷ đồng (tỷ lệ 20,5%/ tổng tài sản), trong đó chủ yếu là nợ ngắn hạn 593,5 tỷ đồng chiếm tỷ lệ 99,972% trong tổng số nợ.

Về quản lý tiền, doanh thu, chi phí

Tình hình công nợ: Phần lớn khoản phải thu của khách hàng là từ hệ thống phân phối của Công ty. Tất cả khoản nợ này đều có tài sản thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ. Ngoài khoản nợ phát sinh từ những năm trước, năm 2016, Công ty có phát sinh thêm khoản nợ khó đòi nhưng không đáng kể. Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định của nhà nước.

Trong năm 2016, Tổng cục Thuế tiến hành thanh tra thuế năm 2015 của Công ty. Kết quả Công ty phải nộp bổ sung thuế và phạt 7.591.277.300 đồng do Công ty hạch toán khoản giảm trừ doanh thu và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi chưa đúng theo quy định.

Về khoản truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp hơn 71,4 tỷ đồng mà BMP đã liên tục khiếu nại cơ quan thuế từ cuối năm 2013: Công ty đã nộp và đang tạm hạch toán ở khoản mục phải thu khác trên Bảng cân đối kế toán. Hiện nay Công ty đang trong quá trình làm việc với Cục Thuế TP. HCM, Tổng cục Thuế, Bộ Tài chính và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan để thống nhất số tiền được hoàn lại theo hướng dẫn của công văn số 14041/BTC-TCT ngày 03 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Về hoạt động đầu tư

Tất cả các khoản đầu tư tài chính, mua sắm tài sản và các dự án đều được thực hiện đúng theo nghị quyết ĐHĐCĐ và quy định của điều lệ hoạt động Công ty, cụ thể một số danh mục đầu tư lớn trong năm 2016:

• Đầu tư tài chính:

Ngoài các khoản góp vốn vào các đơn vị khác (mua cổ phiếu) không thay đổi so với năm trước, năm 2016, Công ty có khoản đầu tư tài chính ngắn hạn 490 tỷ, là khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn và góp vốn vào Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Bình Minh Việt để thực hiện dự án Khu thương mại - Dịch vụ - Căn hộ tại 240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, TP. HCM là 53,04 tỷ đồng.

• Đầu tư tài sản:

Năm 2016, để tăng cường năng lực sản xuất, Công ty đã đầu tư vào khoản mua sắm, xây dựng tài sản cố định trị giá 315 tỷ đồng.

Về việc thực hiện các quy trình, quy chế đang áp dụng

Ban Kiểm soát đã kiểm tra tính tuân thủ, tính hợp lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS nhận thấy không có rủi ro đáng kể trong quy trình quản lý của Công ty.

Về tình hình thực hiện dự án Bình Minh Long An, dự án ERP

Dự án Bình Minh Long An vẫn đang tiếp tục triển khai giai đoạn 1, dự kiến hết Quý 1/2017 sẽ đưa vào sử dụng.

Dự án ERP được tiếp tục triển khai với Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT.



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

GIÁM SÁT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

STT	CHỈ TIÊU	THEO NGHỊ QUYẾT	THỰC HIỆN	TỶ LỆ %
1	Phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2015		Đúng nghị quyết	100
2	Doanh thu	3.330 tỷ	3.678 tỷ	110,5
3	Lợi nhuận trước thuế	600 tỷ	784 tỷ	130,7
4	Kế hoạch đầu tư 2 năm 2016 - 2017	620 tỷ	Năm 2016: 320 tỷ	51,6
5	Cổ tức bằng tiền mặt	Tối thiểu 20%	Đã chi đợt 1: 20% bằng tiền mặt	
6	Thù lao của HĐQT và BKS	0,1%/ doanh thu thực hiện	3,678 tỷ	100
7	Thưởng cho HĐQT và BKS	ĐHĐCĐ 2017 quyết định	Chưa thực hiện	
8	Việc sáp nhập Nhựa Đà Nẵng (DPC)	Ủy quyền cho HĐQT thực hiện	Ban Tổng Giám đốc đã thuê tư vấn và đang trình HĐQT xem xét (tiếp tục đưa vào tờ trình ĐHĐCĐ 2017)	
9	Việc nâng tỷ lệ sở hữu vốn của nhà đầu tư nước ngoài	Ủy quyền cho HĐQT thực hiện	HĐQT đã xem xét các thủ tục pháp lý và điều kiện thực hiện của Công ty, tiếp tục thực hiện (tiếp tục đưa vào tờ trình ĐHĐCĐ 2017)	
10	Dự án Khu Thương mại - Dịch vụ - Căn hộ tại 240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, TP. HCM	Ủy quyền cho HĐQT thực hiện	Công ty đã góp vốn 53.040.000.000 đồng, hồ sơ đang chờ các cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch và thiết kế	

GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị

- BKS ghi nhận không có điều gì bất thường trong hoạt động của các thành viên HĐQT. HĐQT hoạt động theo đúng quy định pháp luật, điều lệ Công ty trong quá trình chỉ đạo, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc để hoàn thành nghị quyết ĐHĐCĐ 2016.
- Trong năm, HĐQT có 06 cuộc họp, ban hành 05 nghị quyết và 14 quyết định phù hợp với điều lệ, bám sát tình hình thực tế và giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh của Công ty.
- 04 tiểu ban trực thuộc HĐQT hoạt động tốt với vai trò tư vấn, hỗ trợ cho hoạt động của HĐQT.

Giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Do 2/3 thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty là thành viên HĐQT nên việc chuyển tải, nắm bắt thông tin và triển khai thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết HĐQT rất thuận lợi, nhanh chóng và đạt hiệu quả cao.

Trong năm 2016, ngoài việc ổn định và phát triển sản xuất, Ban Tổng Giám đốc đã đề ra nhiều chính sách linh hoạt trong kinh doanh, tăng cường đầu tư để giữ vững và mở rộng thị trường. Kết quả hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh và lợi nhuận đã nói lên sự hiệu quả trong hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.



DÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Công ty không thực hiện kiểm toán nội bộ. Các số liệu kế toán, hoạt động tài chính hợp nhất được phòng chức năng báo cáo Ban Tổng Giám đốc hàng tháng, HĐQT hàng quý và được kiểm toán định kỳ 6 tháng. Trong công tác hạch toán kế toán, Công ty đã tuân thủ đúng chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành. Tiểu ban Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro đã áp dụng các quy trình quản lý theo hệ thống ISO 9000, kiểm soát tốt các hoạt động, kịp thời báo cáo với Ban Tổng Giám đốc và HĐQT các vấn đề liên quan đến tình hình quản trị Công ty.

Đơn vị thực hiện kiểm toán số liệu của Công ty năm 2016 là Công ty TNHH Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN), 1 trong 8 đơn vị kiểm toán được ĐHCĐ năm 2016 thông qua. Sau khi xem xét báo cáo kiểm toán, BKS nhất trí với số liệu và kết luận của đơn vị kiểm toán.

DÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Với chương trình hoạt động BKS trong năm 2016, từng thành viên đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của Ban phân công đúng thời gian, đúng tiến độ. Ngoài ra, BKS còn tham gia thực hiện báo cáo thường niên, cùng với HĐQT tổ chức thành công ĐHCĐ thường niên,...

BKS trong năm vừa qua nhận được sự phối hợp chặt chẽ của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc, tạo điều kiện để BKS hoàn thành tốt nhiệm vụ do ĐHCĐ giao phó.

NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Nhìn chung các đề nghị của BKS liên quan đến hoạt động của Công ty trong năm 2016 đều được HĐQT và Ban Tổng Giám đốc quan tâm xem xét, giải quyết phù hợp với tình hình thực tế. Bước vào năm 2017, Ban Kiểm soát có một số kiến nghị như sau:

Đối với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc:

- Tiếp tục duy trì việc kiểm soát và thu hồi công nợ, đặc biệt những khoản nợ lớn, nợ xấu;
- Thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc;
- Ban hành Quy chế tài chính.

Đối với cổ đông: Trong tình hình thị trường ngành ống cạnh tranh ngày càng khốc liệt, để có được sự phát triển ấn tượng nêu trên, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã có những giải pháp kịp thời và hiệu quả. Đề nghị cổ đông dành những hình thức động viên, khen thưởng xứng đáng.

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017

1. Giám sát việc chấp hành pháp luật, chính sách, chế độ tài chính kế toán, quản lý doanh thu, chi phí thông qua việc kiểm tra số liệu báo cáo tài chính quý, năm và tham gia vào công tác kiểm kê tài sản định kỳ của Công ty.
2. Giám sát việc thực hiện điều lệ và nghị quyết ĐHCĐ năm 2017 của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.
3. Giám sát việc thực hiện nghị quyết HĐQT về việc huy động và sử dụng nguồn vốn, thực hiện các dự án đầu tư.
4. Các thành viên tham gia các khóa đào tạo, hội thảo có liên quan để nâng cao trình độ và kỹ năng phục vụ cho công việc của Ban.

XA HƠN

Trong suốt 40 năm hoạt động, Nhựa Bình Minh liên tục cải tiến, đổi mới mẫu mã, đa dạng sản phẩm để không những phục vụ cho các ngành công nghiệp, nông nghiệp trọng yếu mà còn mang đến những lợi ích thiết thực trong đời sống cộng đồng từ nông thôn đến thành thị.

CHƯƠNG 3: QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

- Hội đồng Quản trị • Ban Kiểm soát • Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BTGD và BKS • Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan • Quản trị rủi ro





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2016, Hội đồng Quản trị đã thông qua đơn từ nhiệm thành viên HĐQT của bà Nguyễn Hồng Minh (từ ngày 04/02/2016). Đồng thời bầu bổ sung bà Đặng Thị Thu Hà thay thế chức vụ này từ ngày 07/3/2016, được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/4/2016.

Như vậy, tính đến ngày 31/12/2016, cơ cấu thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh gồm 05 thành viên, trong đó 02 thành viên trong Ban Tổng Giám đốc và 03 thành viên không điều hành:

“**HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh gồm 05 thành viên, trong đó 02 thành viên trong Ban Tổng Giám đốc và 03 thành viên không điều hành.**”



STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ CỔ PHIẾU ĐANG SỞ HỮU	GHI CHÚ
1	Ông Lê Quang Doanh	Chủ tịch	590.140	Không điều hành
2	Ông Nguyễn Hoàng Ngân	Phó Chủ tịch	343.639	Kiểm Tổng Giám đốc
3	Bà Nguyễn Thị Kim Yến	Thành viên	253.908	Kiểm Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Suchai Asvathavornvanit	Thành viên	0	Không điều hành
5	Bà Đặng Thị Thu Hà	Thành viên	0	Không điều hành



HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Trong năm 2016, HĐQT đã tuân thủ nghiêm túc Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên, có chế độ giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty một cách chặt chẽ. Chủ tịch HĐQT trực tiếp nắm tình hình hằng tuần tại Công ty để có sự chỉ đạo kịp thời, sát sao và linh hoạt cho các hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty.

HĐQT cũng thường xuyên tổ chức các cuộc họp nhằm đánh giá tình hình hoạt động và đưa ra định hướng nhất quán về sự phát triển bền vững của Công ty, đảm bảo vừa đáp ứng nhu cầu hiện tại, vừa đón đầu tương lai, vừa hài hòa lợi ích với các bên liên quan. Khi cần thiết, các thành viên khác cũng có thể được triệu tập đột xuất để giải quyết những vấn đề nảy sinh có liên quan.

Năm 2016, HĐQT đã có các cuộc họp chính thức với các nội dung sau:

STT	THỜI GIAN - ĐỊA ĐIỂM	NỘI DUNG CHÍNH	GHI CHÚ
QUÝ I/2016			
1	Ngày 20/01/2016 tại NBM	- Đánh giá kết quả hoạt động SXKD năm 2015 và dự kiến cho năm 2016. - Chuẩn bị cho Báo cáo thường niên và ĐHĐCĐ thường niên năm 2015.	
2	Ngày 07/3/2016 tại BMP	V/v ủy quyền cho TGD ký các hợp đồng thế chấp tài sản của khách hàng.	
QUÝ II/2016			
3	Ngày 07/4/2016 tại BMP	- Đánh giá kết quả hoạt động SXKD quý I năm 2016 và dự kiến KH SXKD quý II năm 2016. - Đánh giá hiệu quả làm việc của các thành viên HĐQT trong năm 2015. - Rà soát lại những công việc chuẩn bị cho ĐHĐCĐ thường niên năm 2016.	
4	Ngày 28/4/2016 tại BMP	Họp sau ĐHĐCĐ để triển khai một số công việc và ban hành các nghị quyết của HĐQT sau khi có Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016.	
QUÝ III/2016			
5	Ngày 09/7/2016 tại Côn Đảo	Đánh giá kết quả hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm 2016 và dự kiến kế hoạch SXKD 6 tháng cuối năm 2016 và quyết định một số vấn đề quản trị khác.	
QUÝ IV/2016			
6	Ngày 08/11/2016 tại TP. HCM	Đánh giá kết quả hoạt động SXKD 9 tháng đầu năm 2016 và dự kiến kế hoạch SXKD 3 tháng cuối năm 2016 và các vấn đề quản trị khác.	



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOẠT ĐỘNG CỦA HDQT (TIẾP THEO)

Số lượng và tỷ lệ tham dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị của từng thành viên được thống kê chi tiết như sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BẮT ĐẦU LÀ THÀNH VIÊN HDQT	SỐ BUỔI HỌP HDQT THAM DỰ	TỶ LỆ THAM DỰ HỌP (%)	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ HỌP
1	Ông Lê Quang Doanh	Chủ tịch	Từ 2004	6	100	
2	Ông Nguyễn Hoàng Ngân	Phó Chủ tịch	Từ 2004	6	100	
3	Bà Nguyễn Thị Kim Yến	Thành viên	Từ 2004	6	100	
4	Ông Suchai Asvathavornvanit	Thành viên	25/4/2013	5	83	Bận công tác
5	Bà Đặng Thị Thu Hà	Thành viên	07/3/2016	4	67	Thành viên mới

Nhìn chung, HDQT đã có những chỉ đạo sát sao trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2016, cũng như phê chuẩn các quyết sách thuộc thẩm quyền HDQT, tạo điều kiện cho Ban Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh một cách hiệu quả. Các tiểu ban HDQT cũng được thành lập đầy đủ, hoàn thành tốt nhiệm vụ nghiên cứu, đề xuất, tham mưu cho HDQT trong công việc chuyên môn thuộc phạm vi của tiểu ban. Bên cạnh đó, HDQT đã có được sự đồng thuận cần thiết để thống nhất chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc về định hướng chiến lược, có sự cân nhắc trong từng quyết định nhằm hoàn thành nhiệm vụ ĐHĐCĐ giao phó, ghi nhận xứng đáng thành quả lao động của Công ty, làm cầu nối giữa cổ đông và người lao động, hài hòa các lợi ích với khách hàng.

- **Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HDQT, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, thư ký Công ty và những người liên quan tới các đối tượng nói trên:** không có.
- **Hợp đồng, hoặc giao dịch với các cổ đông nội bộ:** không có.
- **Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty**

Trong năm 2016, HDQT đã thực hiện đúng quy định về công bố thông tin định kỳ cũng như bất thường (không có nhắc nhở nào của HOSE) về các vấn đề:

- Tiến hành các thủ tục, các bước cho việc tổ chức ĐHĐCĐ 2016 đúng quy định.
- HDQT và BKS tiến hành họp định kỳ theo quy chế làm việc để đánh giá hoạt động trong kỳ cũng như hoạch định kế hoạch hoạt động cho kỳ tới.
- Các tiểu ban của HDQT hoạt động có hiệu quả, có nhiều đề xuất và tư vấn cho HDQT.
- Chủ tịch HDQT là thành viên HDQT độc lập.



CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

STT	TIỂU BAN	THÀNH VIÊN	CHỨC VỤ TRONG CÔNG TY
1	NHÂN SỰ - CHÍNH SÁCH - LƯƠNG THƯỞNG	1. Ông Lê Quang Doanh	Chủ tịch HĐQT
		2. Ông Bùi Quang Khôi	Giám đốc BMLA; Thư ký Công ty
		3. Ông Nguyễn Thanh Hải	Trưởng Phòng Tiếp thị
		4. Bà Nguyễn Kim Bích	Trưởng Phòng Nhân sự
		5. Bà Nguyễn Thị Chúc Quỳnh	Nhân viên Phòng Quản trị Hành chính
2	QUAN HỆ CỔ ĐÔNG	1. Bà Nguyễn Thị Kim Yến	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc BMP; Chủ tịch HĐQT NBM
		2. Ông Bông Hoa Việt	Trưởng Phòng Quản trị Hành chính
		3. Ông Nguyễn Viết Anh	Phó Phòng Đầu tư Nghiên cứu - Phát triển
		4. Ông Phùng Hữu Luận	Phó Phòng Tài chính Kế toán - Kiểm soát viên NBM
3	CHIẾN LƯỢC - PHÁT TRIỂN	1. Ông Nguyễn Hoàng Ngân	Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc
		2. Ông Suchai Asvathavornvanit	Thành viên HĐQT
		3. Ông Nguyễn Thanh Quan	Phó Tổng Giám đốc
		4. Ông Hồng Lê Việt	Kế toán trưởng - Trưởng Phòng Tài chính kế toán
		5. Bà Nguyễn Thị Phương Nga	Trưởng Phòng Kinh doanh
4	QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ KIỂM SOÁT NỘI BỘ	1. Nguyễn Kim Thượng	Trưởng Phòng Quản trị Hệ thống thông tin
		2. Nguyễn Lưu Thùy Minh	Thành viên BKS
		3. Nguyễn Ngọc Linh	Phó Phòng Nhân sự
		4. Vy Thị Hồng Loan	Phó Phòng Kinh doanh

Đánh giá chung của HĐQT về hoạt động của các Tiểu ban

Thành viên của các tiểu ban tuy đều là những người kiêm nhiệm nhưng làm việc rất có trách nhiệm, tích cực. Hoạt động của các tiểu ban đã đáp ứng được yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các tiểu ban đã xem xét nhiều chính sách, quy chế và có các đề xuất, tư vấn giúp HĐQT kịp thời nắm bắt tình hình chung của Công ty và thực hiện công việc theo Quy chế đã được HĐQT phê duyệt.

Danh sách thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Toàn bộ 5 thành viên HĐQT đều đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Trong năm 2016, HĐQT không tham gia thêm các chương trình đào tạo về quản trị công ty.



BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT NĂM 2016

“ Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2013 - 2018 bao gồm 03 thành viên, trong đó có 02 thành viên đang công tác tại Công ty và 01 thành viên bên ngoài, đại diện cổ đông Nhà nước (SCIC). ”

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ CỔ PHIẾU ĐANG SỞ HỮU	GHI CHÚ
1	Bà Nguyễn Thị Phương Nga	Trưởng BKS	126.692	Là người lao động của Công ty
2	Bà Nguyễn Lưu Thùy Minh	Thành viên BKS	7.800	Là người lao động của Công ty
3	Bà Nguyễn Thị Thắm	Thành viên BKS	0	Không phải là người lao động của Công ty

TỔNG KẾT CÁC PHIÊN HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

PHIÊN HỌP	NỘI DUNG CHÍNH
Phiên 1 02/3/2016	- Xem xét báo cáo tài chính năm 2015 - Xem xét việc đăng ký cấp mã số thuế đơn vị trực thuộc - chi nhánh Bình Dương - Đánh giá tình hình thực hiện dự án ERP và Bình Minh - Long An
Phiên 2 28/4/2016	- Đánh giá, bình bầu kết quả hoạt động BKS năm 2015 - Kiểm tra tình hình hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2016
Phiên 3 31/8/2016	- Rà soát báo cáo tài chính bán niên 2016 - Kế hoạch hoạt động 6 tháng cuối năm 2016

Ngoài 03 phiên họp chính thức, Trưởng BKS tham gia các cuộc họp với HĐQT và thực hiện các trao đổi giữa các thành viên BKS qua email, điện thoại để hoạt động của BKS được thực hiện kịp thời, liên tục và đạt hiệu quả cao nhất.



NHỰA BÌNH MINH®





LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BTGD VÀ BKS

THU NHẬP CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC DANH	TỔNG THU NHẬP TRƯỚC THUẾ	THUẾ TNCN	TỔNG THU NHẬP SAU THUẾ	GHI CHÚ
1	Lê Quang Doanh	Chủ tịch HĐQT	2.028.495.000	553.973.250	1.474.521.750	
2	Nguyễn Hoàng Ngân	Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc	3.583.449.204	1.073.186.196	2.510.263.008	
3	Nguyễn Thị Kim Yến	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	2.938.978.766	864.494.652	2.074.484.114	
4	Suchai Asvathavornvanit	Thành viên HĐQT	818.782.000	163.756.200	655.025.800	Đại diện Nawaplastic Industries
5	Đặng Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT	215.000.000		215.000.000	Đại diện SCIC
Cộng HĐQT			9.584.704.970	2.655.410.298	6.929.294.672	
6	Nguyễn Thị Phương Nga	Trưởng BKS - Trưởng phòng Kinh doanh	1.877.010.517	430.323.252	1.446.687.265	
7	Nguyễn Lưu Thùy Minh	Thành viên BKS	775.670.791	91.441.860	684.228.931	
8	Nguyễn Thị Thắm	Thành viên BKS	389.209.000		389.209.000	Đại diện SCIC
Cộng BKS			3.041.890.308	521.765.112	2.520.125.196	
9	Nguyễn Thanh Quan	Phó Tổng Giám đốc	1.575.024.859	324.919.524	1.250.105.335	
10	Hồng Lê Việt	Kế toán trưởng - Trưởng phòng TCKT	1.290.818.583	255.701.268	1.035.117.315	
Cộng khác			2.865.843.442	580.620.792	2.285.222.650	
Tổng cộng			15.492.438.720	3.757.796.202	11.734.642.518	





GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có hợp đồng hoặc giao dịch với các cổ đông nội bộ.

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG TỶ LỆ NĂM GIỮ CỔ PHẦN CỦA HĐQT, BKS ĐẾN NGÀY 31/12/2016

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG TRƯỚC GIAO DỊCH	GIAO DỊCH TRONG NĂM			SỐ LƯỢNG SAU GIAO DỊCH	TỶ LỆ SỞ HỮU	GHI CHÚ
				NGÀY	MUA	BÁN			
1	2	3	4				8	9	10
1	LÊ QUANG DOANH	CT. HĐQT	590.140				590.140	1,30%	
2	NGUYỄN HOÀNG NGÂN	PCT. HĐQT	343.639				343.639	0,76%	TGĐ
3	NGUYỄN THỊ KIM YẾN	UV. HĐQT	253.908				253.908	0,56%	Phó TGĐ
4	BÙI QUANG KHÔI	THƯ KÝ	87.308				87.308	0,19%	
5	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NGA	TB. BKS	126.695				126.695	0,28%	
6	NGUYỄN LƯU THÙY MINH	UV. BKS	7.800				7.800	0,02%	
Tổng cộng			1.409.490		0	0	1.409.490	3,11%	

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG TỶ LỆ NĂM GIỮ CỔ PHẦN CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG ĐẾN NGÀY 31/12/2016

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG TRƯỚC GIAO DỊCH	GIAO DỊCH TRONG NĂM			SỐ LƯỢNG SAU GIAO DỊCH	TỶ LỆ SỞ HỮU	GHI CHÚ
				NGÀY	MUA	BÁN			
1	2	3	4				8	9	10
1	NGUYỄN HOÀNG NGÂN	TGĐ	343.639				343.639	0,76%	PCT. HĐQT
2	NGUYỄN THỊ KIM YẾN	Phó TGĐ	253.908				253.908	0,56%	UV. HĐQT
3	NGUYỄN THANH QUAN	Phó TGĐ	6.505				6.505	0,01%	
4	HỒNG LÊ VIỆT	KTT	2				2	0,00%	
Tổng cộng			604.054		0	0	604.054	1,33%	

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN VÀ NHỮNG THAY ĐỔI TRONG TỶ LỆ NĂM GIỮ CỔ PHẦN CỦA NHỮNG NGƯỜI LIÊN QUAN TỚI CÁC ĐỐI TƯỢNG NÓI TRÊN: Không có





QUẢN TRỊ RỦI RO

CƠ CẤU HOẠT ĐỘNG

Nhằm hỗ trợ hoạt động của HĐQT trong quá trình Quản trị rủi ro (QTRR) và Kiểm soát nội bộ (KSNB), Nhựa Bình Minh đã thành lập Tiểu ban Quản trị rủi ro - Kiểm soát nội bộ (sau đây gọi tắt là Tiểu ban) theo Quyết định số 14/QĐ-BM/HĐQT/2014 ngày 01/8/2014 của Hội đồng Quản trị (HĐQT) với các mục tiêu chính:

- Bảo vệ tài sản Công ty;
- Báo cáo tài chính chính xác và đáng tin cậy;
- Bảo đảm sự tuân thủ luật pháp, điều lệ hoạt động, hệ thống các quy định và quy trình của Công ty;
- Tăng cường hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Bảo vệ quyền lợi và gây dựng lòng tin đối với các nhà đầu tư và các cổ đông.

Tiểu ban gồm có 5 thành viên. Mỗi thành viên sẽ đảm trách việc Quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ có liên quan đến mỗi mảng nghiệp vụ chuyên môn chính:



STT	PHÂN CÔNG PHỤ TRÁCH	CHỨC DANH
1	Thành viên phụ trách chung về hoạt động của Tiểu ban	Trưởng Tiểu Ban
2	Chuyên viên phụ trách mảng luật pháp và các chính sách của Nhà nước; định hướng và chiến lược phát triển của Công ty; mảng công ty con và công ty liên kết	Thành viên
3	Chuyên viên phụ trách mảng hoạt động sản xuất và kinh doanh	Thành viên
4	Chuyên viên phụ trách mảng hệ thống kế toán; hoạt động tài chính và hoạt động đầu tư - xây dựng	Thành viên
5	Chuyên viên phụ trách mảng nhân sự	Thành viên



Tiểu ban có các chức năng và nhiệm vụ như sau:

Chức năng

- Hỗ trợ HĐQT xác định và phát hiện; phòng ngừa và giảm thiểu các rủi ro có thể xảy ra trong mọi lĩnh vực hoạt động, trong tất cả cơ cấu tổ chức của Công ty. Phương châm hoạt động là lấy “Dự báo, phòng ngừa” làm trọng tâm; “Khắc phục” làm thứ yếu;
- Thực hiện các loại kiểm soát ngăn ngừa; kiểm soát phát hiện và kiểm soát sửa chữa nhằm thực hiện có hiệu quả tất cả các mục tiêu của Công ty.



Nhiệm vụ

- Tư vấn cho HĐQT ban hành các thủ tục kiểm soát nội bộ;
- Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các thủ tục kiểm soát nội bộ;
- Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành pháp luật và các quy chế, quy định, quy trình nghiệp vụ của Công ty, kiểm tra, kiểm soát toàn diện mọi hoạt động nghiệp vụ tại tất cả các bộ phận trong Công ty;
- Tham mưu cho HĐQT sửa đổi, bổ sung hoặc xây dựng mới quy chế, quy định, quy trình nghiệp vụ nhằm hoàn thiện hệ thống QTRR - KSNB, xây dựng, ban hành các văn bản chỉ đạo hoạt động của Tiểu ban;
- Tham mưu cho HĐQT xây dựng quy chế kiểm soát nội bộ, quy trình kiểm soát nội bộ của Công ty. Lập kế hoạch kiểm tra, kiểm soát nội bộ của Công ty. Trực tiếp kiểm tra, kiểm soát khi cần thiết hoặc phối hợp với các phòng ban chức năng liên quan để kiểm tra, kiểm soát thường xuyên, đột xuất việc chấp hành quy định của pháp luật, chính sách, quy chế, quy định nội bộ, quy trình nghiệp vụ của Công ty;
- Chịu trách nhiệm trong công tác kiểm tra, kiểm soát việc tuân thủ các Quy định của pháp luật, các quy chế, quy định nội bộ, quy trình nghiệp vụ của Công ty.

Để có thể thực thi chức năng và nhiệm vụ một cách hiệu quả, Tiểu ban được Chủ tịch HĐQT giao cho các quyền hạn sau đây:

- Các thành viên của Tiểu ban có quyền tiếp cận với tất cả các thông tin, các tài liệu và hồ sơ liên quan đến hoạt động của Công ty để phục vụ cho công việc đã được quy định theo chức năng nhiệm vụ.
- Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý phải cung cấp thông tin theo yêu cầu hợp lý của các thành viên Tiểu ban.

Định kỳ hằng quý (hoặc đột xuất), Trưởng Tiểu ban có nhiệm vụ triệu tập cuộc họp của Tiểu ban để kiểm tra đánh giá tình hình hoạt động. Sau đó, Trưởng Tiểu ban tổng hợp báo cáo để đệ trình HĐQT kết quả kiểm tra, rà soát, đánh giá hiệu lực, hiệu quả của hệ thống QTRR - KSNB, tình hình thực hiện tuân thủ các quy chế, quy định nội bộ, quy trình nghiệp vụ của Công ty, đưa ra các kiến nghị, đề xuất nhằm xử lý khắc phục tồn tại, bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện hệ thống QTRR - KSNB của Công ty.



QUẢN TRỊ RỦI RO

RỦI RO VÀ BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO

Vấn đề cần thiết phải xây dựng Chiến lược về Quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ cho Công ty.

Triển khai thực hiện Hệ thống kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro theo đúng tiêu chuẩn quốc tế COSO (The Committee of Sponsoring Organizations of the Treadway Commission).

GIAI ĐOẠN 1

Xây dựng nền tảng cho chức năng KSNB & QTRR

1. Rà soát và chuẩn hóa hệ thống KSNB.
2. Tổ chức đào tạo về nhận thức và kỹ năng cơ bản về KSNB, QTRR, KTNB cho các cán bộ quản lý cấp trung và cấp cao.
3. Xây dựng cơ chế hoạt động của bộ phận KSNB.

GIAI ĐOẠN 2

Nâng cao năng lực KSNB & QTRR

GIAI ĐOẠN 3

Hoàn thiện chức năng KSNB & QTRR

Rủi ro do môi trường kinh tế



Khủng hoảng kinh tế, lạm phát,... trên thế giới ảnh hưởng đến kinh tế trong nước làm cho sức mua giảm đặc biệt là ngành vật liệu xây dựng.

Biện pháp quản trị

Thường xuyên cập nhật thông tin kinh tế, chính trị trong nước và quốc tế, đặc biệt

là lĩnh vực xây dựng, bất động sản để có quyết sách phù hợp.

Tranh thủ nắm bắt cơ hội ngay trong khó khăn. Phát triển hệ thống phân phối đến vùng sâu, vùng xa, mở rộng thị trường ra nước ngoài, đẩy mạnh tham gia vào các dự án. Đầu tư phát triển theo chiều sâu, tập trung vào ngành nghề kinh doanh chính.

Rủi ro do chính sách kinh tế vĩ mô



Những thay đổi của pháp luật, chính sách thuế, quy định hạch toán, báo cáo, chính sách nhân sự, môi trường,... của các cơ quan quản lý Nhà nước ảnh hưởng đến hoạt động, uy tín và kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Biện pháp quản trị

Tổ chức hệ thống cập nhật các thay đổi của pháp luật, triển khai thực hiện đúng

theo quy định.

Giao trách nhiệm cho các bộ phận chức năng tham gia các khóa đào tạo cập nhật chính sách và phổ biến cho người lao động cùng thực hiện.

Thuê tư vấn luật để tư vấn cho lãnh đạo những vướng mắc thuộc về chính sách của Nhà nước liên quan đến các hoạt động của Công ty.

Rủi ro do biến động các yếu tố đầu vào

Tỷ giá, giá bán, chi phí vận chuyển, nhân công, nguồn cung cấp nguyên vật liệu,... không ổn định, ảnh hưởng đến chi phí, lợi nhuận và kế hoạch sản xuất.

Biện pháp quản trị

Cập nhật thông tin liên quan đến tình hình, dự báo kinh tế, chính trị trong và ngoài nước để có những quyết sách thích hợp.

Ban hành định mức, khuyến khích sử dụng

tiết kiệm điện, nước, nguyên vật liệu,... tăng năng suất lao động để giảm chi phí.

Nghiên cứu khả năng sử dụng nguyên vật liệu mới, hiệu quả cao, thân thiện với môi trường. Ưu tiên sử dụng nguồn nguyên vật liệu trong nước để giảm thiểu biến động do tỷ giá, vận chuyển, tiến độ cung cấp.

Xây dựng quan hệ đối tác tin cậy với nhà cung cấp, giữ uy tín trong kinh doanh với phương châm đôi bên cùng có lợi. Tránh tình trạng nhà cung cấp độc quyền.

Rủi ro về đình công, lãn công tập thể***Biện pháp quản trị***

Phối hợp chặt chẽ với công đoàn để tìm hiểu và đáp ứng những tâm tư, nguyện vọng chính đáng của công nhân, đồng thời tăng cường công tác đào tạo luật và

nội quy lao động và ý thức tuân thủ cho người lao động.

Xây dựng phương án xử lý khi có đình công, lãn công tập thể.

Rủi ro về cạnh tranh không lành mạnh của các đối thủ khác

“Thương trường là chiến trường” và ngày càng cạnh tranh khốc liệt. Các đối thủ không ngần ngại để cạnh tranh, giành giật khách hàng và thị phần của Nhựa Bình Minh với đủ các chiêu trò, từ chính sách chiết khấu đến cả nói xấu, tung tin đồn thất thiệt,...

Biện pháp quản trị

Ngoài việc không ngừng nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm, Nhựa Bình Minh cần có chính sách chiết khấu phù hợp với vùng miền, với các cửa hàng, đại lý. Tránh tình trạng các cửa hàng, đại lý cạnh tranh không lành mạnh với nhau. Ngoài ra, cần theo dõi, kịp thời nắm bắt thông tin của các đối thủ để có các đối sách phù hợp.

Rủi ro nợ

là một yếu tố phụ thuộc chủ yếu vào năng lực tài chính của khách hàng nhưng luôn tiềm ẩn rủi ro lớn cho Công ty.

Biện pháp quản trị

Chính sách thế chấp tài sản và xác định hạn mức nợ trên giá trị tài sản thế chấp của

khách hàng là một biện pháp hạn chế rủi ro nợ khá hiệu quả. Tuy vậy, trong bối cảnh cạnh tranh khốc liệt đòi hỏi sự linh hoạt trong chính sách nợ để bán được hàng hóa và đủ sức cạnh tranh với các đối thủ thì mối nguy về tình trạng nợ kéo dài và khó thu hồi luôn là một rủi ro lớn và được xác định phải ưu tiên kiểm soát trong quản trị công ty.

• Thông điệp Báo cáo phát triển bền vững • Tổng quan về Báo cáo phát triển bền vững • Sơ đồ tổ chức hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 • Sơ đồ tổ chức hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2004 • Mối quan hệ bền vững giữa các bên liên quan • Cơ chế tiếp nhận ý kiến giữa các bên liên quan • Đánh giá các lĩnh vực trọng yếu • Văn hóa Nhựa Bình Minh - Quy tắc đạo đức doanh nghiệp • Những cải tiến về tổ chức nhân sự, chính sách, quản lý • Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội • Trách nhiệm đối với sản phẩm • Hoạt động cộng đồng - xã hội • Bảng tham chiếu theo tiêu chuẩn GRI4

RỘNG HƠN

Với bề dày kinh nghiệm trong sản xuất ống nhựa, kết hợp cùng hệ thống phân phối sản phẩm rộng khắp, chính sách kinh doanh linh hoạt,... tất cả đã tạo nên bước đệm vững chắc đưa thương hiệu Nhựa Bình Minh lên một tầm cao mới và được người tiêu dùng thừa nhận là thương hiệu ống nhựa hàng đầu tại Việt Nam.



NHỰA BÌNH MINH®



Uơm Hâm Xanh Tương Lai



THÔNG DIỆP BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Là doanh nghiệp nhựa hàng đầu Việt Nam, chúng tôi ý thức được rằng bên cạnh việc phát triển sản xuất kinh doanh, việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững là yếu tố quan trọng có ảnh hưởng đến uy tín, thương hiệu và sự sống còn của doanh nghiệp.

Tại Nhựa Bình Minh, chúng tôi cam kết phát triển bền vững và đảm bảo hài hòa các lợi ích của khách hàng, cổ đông, cán bộ công nhân viên và cộng đồng xã hội. Các cam kết này được chúng tôi thực hiện thông qua các kế hoạch, mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể hàng năm.

Năm 2016, bên cạnh thành tích ấn tượng về sản xuất kinh doanh: Tổng Doanh thu đạt 3.678 tỷ đồng, tăng 23,8% so với năm 2015; Lợi nhuận trước thuế đạt 784 tỷ đồng, tăng 17,9% so với năm 2015, chúng tôi còn chú trọng đến các giải pháp phát triển bền vững, trong năm Công ty đã tiết giảm được 3.282.415 Kwh điện và 15.037 m³ nước tương đương với 5,4 tỷ đồng.

Bước qua năm 2017, chúng tôi tiếp tục xây dựng và thực hiện các chương trình, giải pháp để hướng tới mục tiêu tiết giảm năng lượng, thân thiện môi trường. Chúng tôi tích cực hoàn thiện các thể chế nội bộ, đặc biệt quan tâm hơn nữa đến môi trường và điều kiện làm việc của CBCNV. Chúng tôi sẽ tiếp tục áp dụng kiểm toán và đánh giá theo định kỳ đối với các kết quả hoạt động thông qua bên thứ 3 để công tác phát triển bền vững ngày càng chuyên nghiệp theo đúng chuẩn mực quốc tế.

Thay mặt toàn thể Công ty, tôi xin chân thành cảm ơn sự tin tưởng và ủng hộ nhiệt tình của các đối tác, các cơ quan quản lý hữu quan cùng sự nỗ lực hết mình của toàn thể CBCNV trong suốt thời gian qua. Chúng tôi cam kết phấn đấu vì một Nhựa Bình Minh phát triển bền vững, tỏa sáng, vì sự thịnh vượng chung của cổ đông, người lao động, khách hàng và xã hội. Kính chúc Quý vị luôn mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



LÊ QUANG DOANH



TỔNG QUAN VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

“

Năm 2016, Công ty tổ chức ghi nhận, thống kê các dữ liệu ngày càng chặt chẽ, chính xác hơn làm cơ sở phân tích cho các hoạt động cải tiến tiếp theo, cũng như phục vụ cho việc lập Báo cáo phát triển bền vững một cách chính xác, kịp thời. Do đó, Báo cáo phát triển bền vững năm 2016 là báo cáo đầy đủ nhất từ trước đến nay của Công ty.

”

TỔNG QUAN VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Xuyên suốt quá trình hoạt động và định hướng phát triển trong tương lai, Nhựa Bình Minh luôn hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Xuất phát điểm từ phong trào thi đua tiết kiệm cho sản xuất, từ đó hình thành tinh thần tiết kiệm mọi lúc, mọi nơi và ngày càng ý thức đến việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Phát triển bền vững đã được Công ty đề cập trong chiến lược lâu dài của mình thể hiện qua việc xác định tầm nhìn và sứ mệnh của doanh nghiệp năm 2009. Đến năm 2012, Công ty cụ thể hóa hoạt động của mình và chính thức áp dụng hệ thống quản lý môi trường ISO 14000. Trong các năm tiếp theo, báo cáo về phát triển bền vững luôn được tích hợp trong báo cáo thường niên của Công ty.

Năm 2015 là năm đầu tiên Nhựa Bình Minh thực hiện báo cáo tích hợp này theo tài liệu Hướng dẫn lập Báo cáo phát triển bền vững do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phối hợp với Tổ chức IFC phát hành và có tham khảo theo tiêu chuẩn công bố thông tin GRI - G4. Đồng thời tổ chức ghi nhận, thống kê các dữ liệu ngày càng chặt chẽ, chính xác hơn làm cơ sở phân tích cho các hoạt động cải tiến tiếp theo, cũng như phục vụ cho việc lập Báo cáo phát triển bền vững năm 2016 một cách chính xác, kịp thời. Do đó Báo cáo phát triển bền vững năm 2016 là báo cáo đầy đủ nhất từ trước đến nay của Công ty.

KỶ BÁO CÁO

Báo cáo được thành lập cho năm tài chính 2016, bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc ngày 31/12/2016. Từ năm 2013, Nhựa Bình Minh tiến hành lập Báo cáo phát triển bền vững định kỳ hàng năm và công bố cùng với Báo cáo thường niên.

PHẠM VI BÁO CÁO

Báo cáo được thực hiện tại Việt Nam, về lĩnh vực ngành nghề sản xuất, kinh doanh nhựa, được lập cho Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và Công ty TNHH MTV Nhựa Bình Minh Miền Bắc là công ty con 100% vốn của BMP.

CÁCH THỨC XÁC ĐỊNH NỘI DUNG BÁO CÁO

Báo cáo được xây dựng dựa trên Hướng dẫn thực hiện báo cáo phát triển bền vững theo Tài liệu hướng dẫn doanh nghiệp lập báo cáo thường niên năm 2016 của Vietnam Annual Report Awards (ARA), Hướng dẫn công bố thông tin về môi trường & xã hội của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, IFC và Thông tư 155/2015/TT-BTC Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Bộ Tài chính. Ngoài ra, chúng tôi còn tham khảo tiêu chuẩn công bố thông tin GRI - G4 để xác định các vấn đề trọng yếu tác động đến các bên liên quan.

THÔNG TIN LIÊN HỆ BÁO CÁO

Các ý kiến đóng góp cho báo cáo hoặc những câu hỏi liên quan đến báo cáo xin vui lòng liên hệ:

Ông **Nguyễn Thanh Hải** - Phó Tổng Giám đốc

Điện thoại: 84 28 39690973 (Ext. 104)

Địa chỉ: 240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, TP. HCM

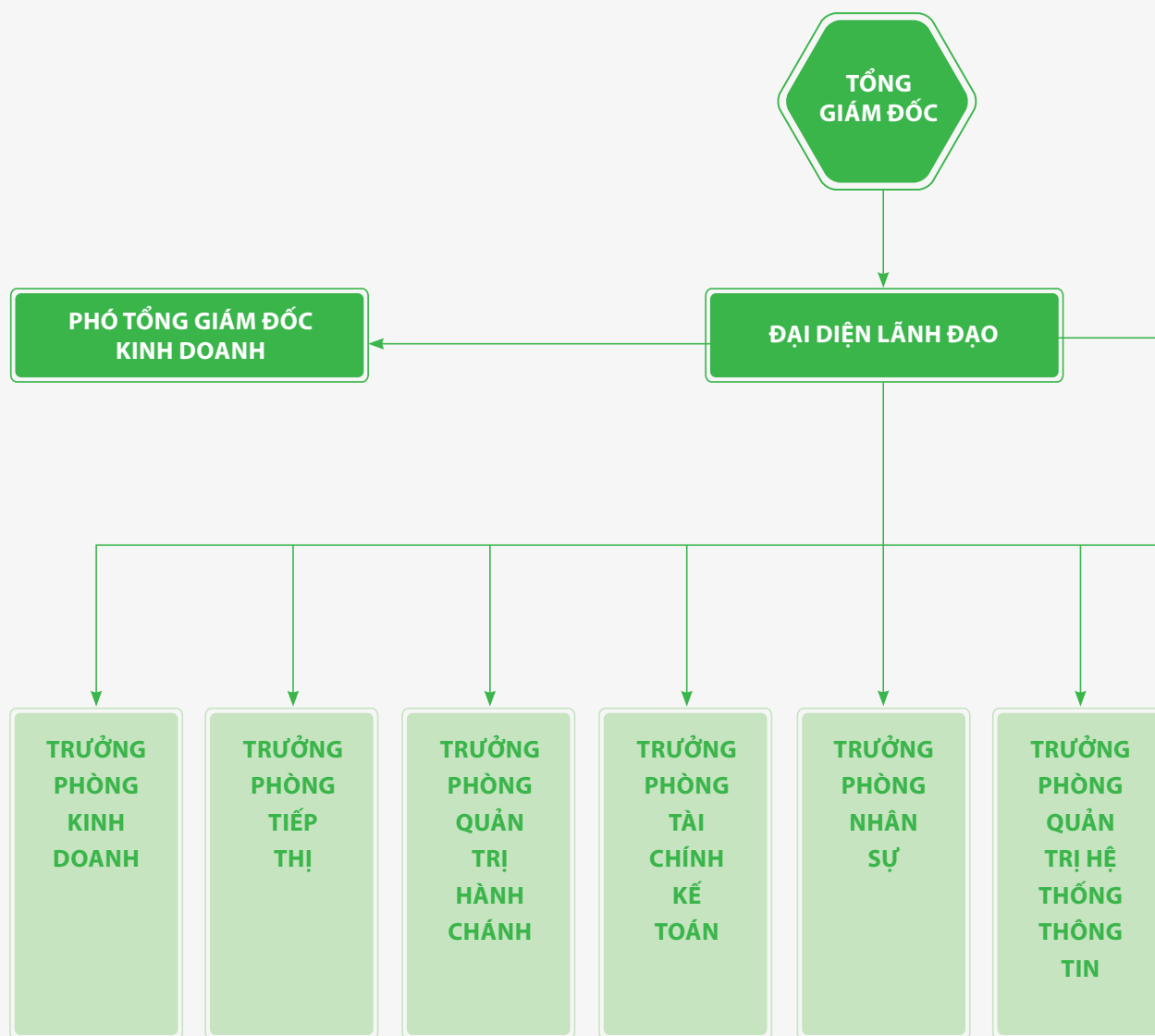
Ông **Lê Anh Huy** - Đại diện lãnh đạo

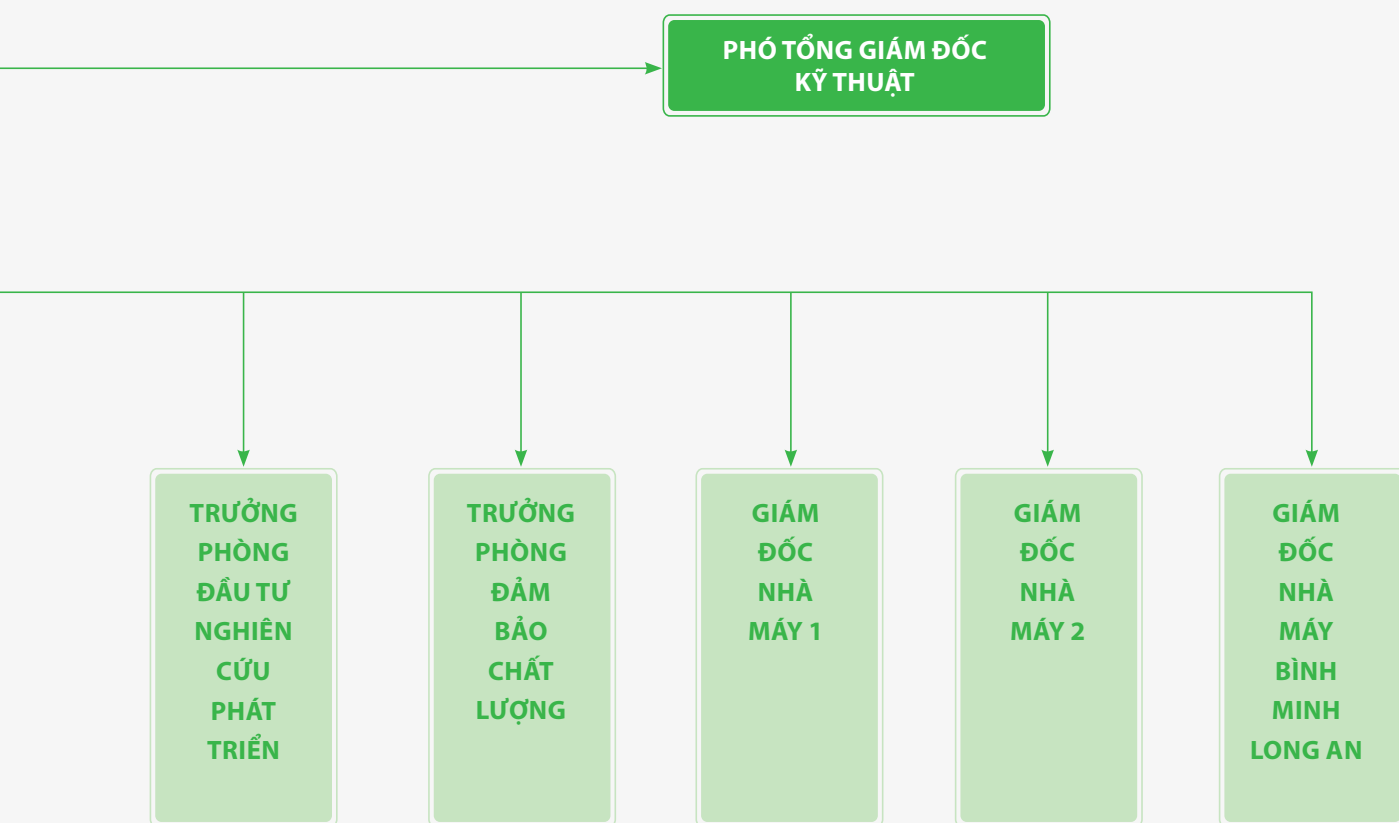
Điện thoại: 84 28 39690973 (Ext. 147)

Địa chỉ: 240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, TP. HCM



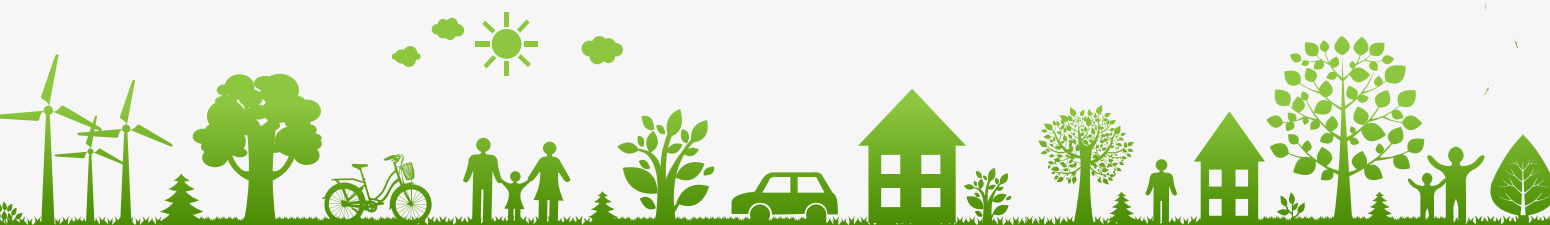
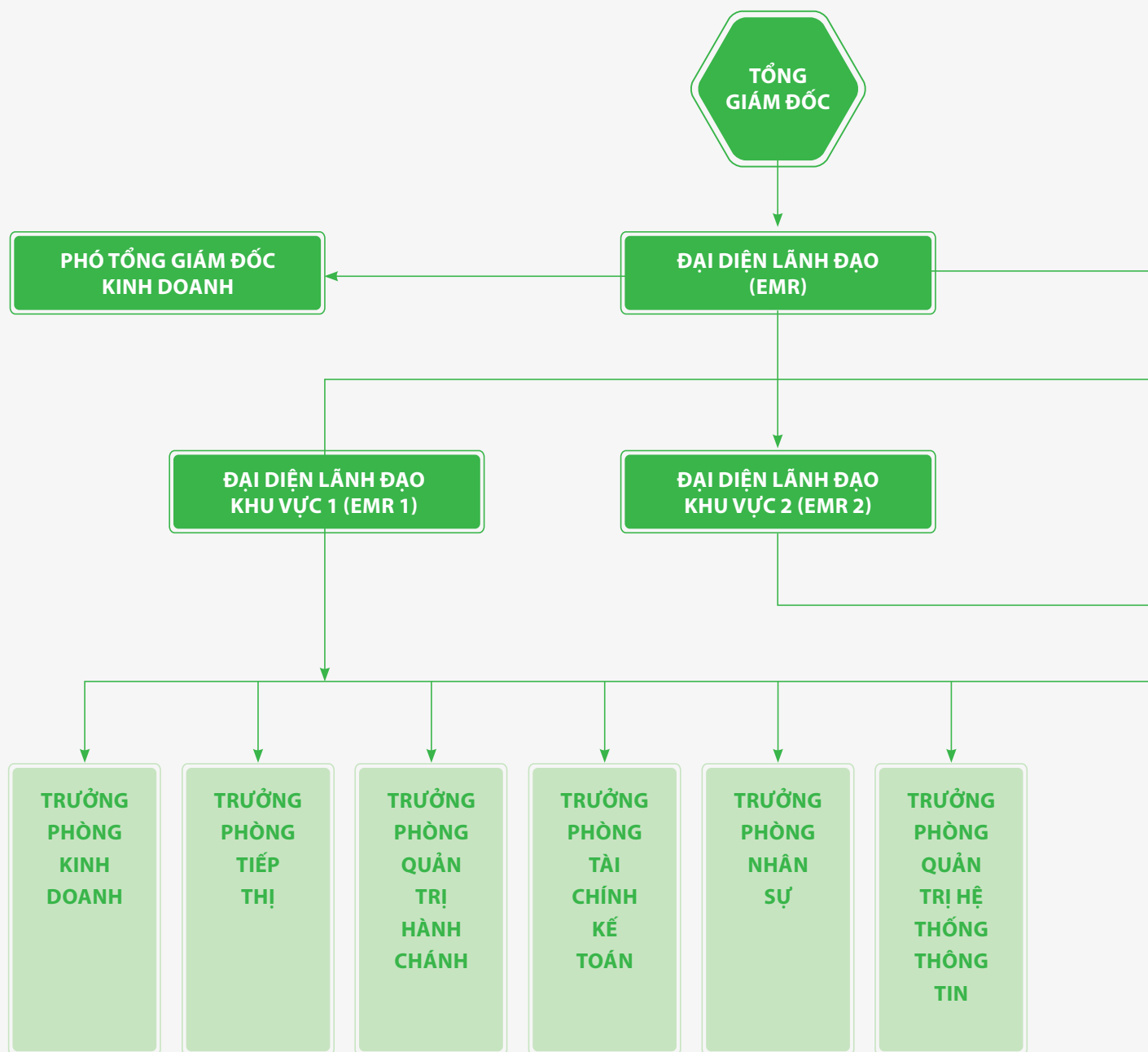
SƠ ĐỒ TỔ CHỨC HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG ISO 9001:2008

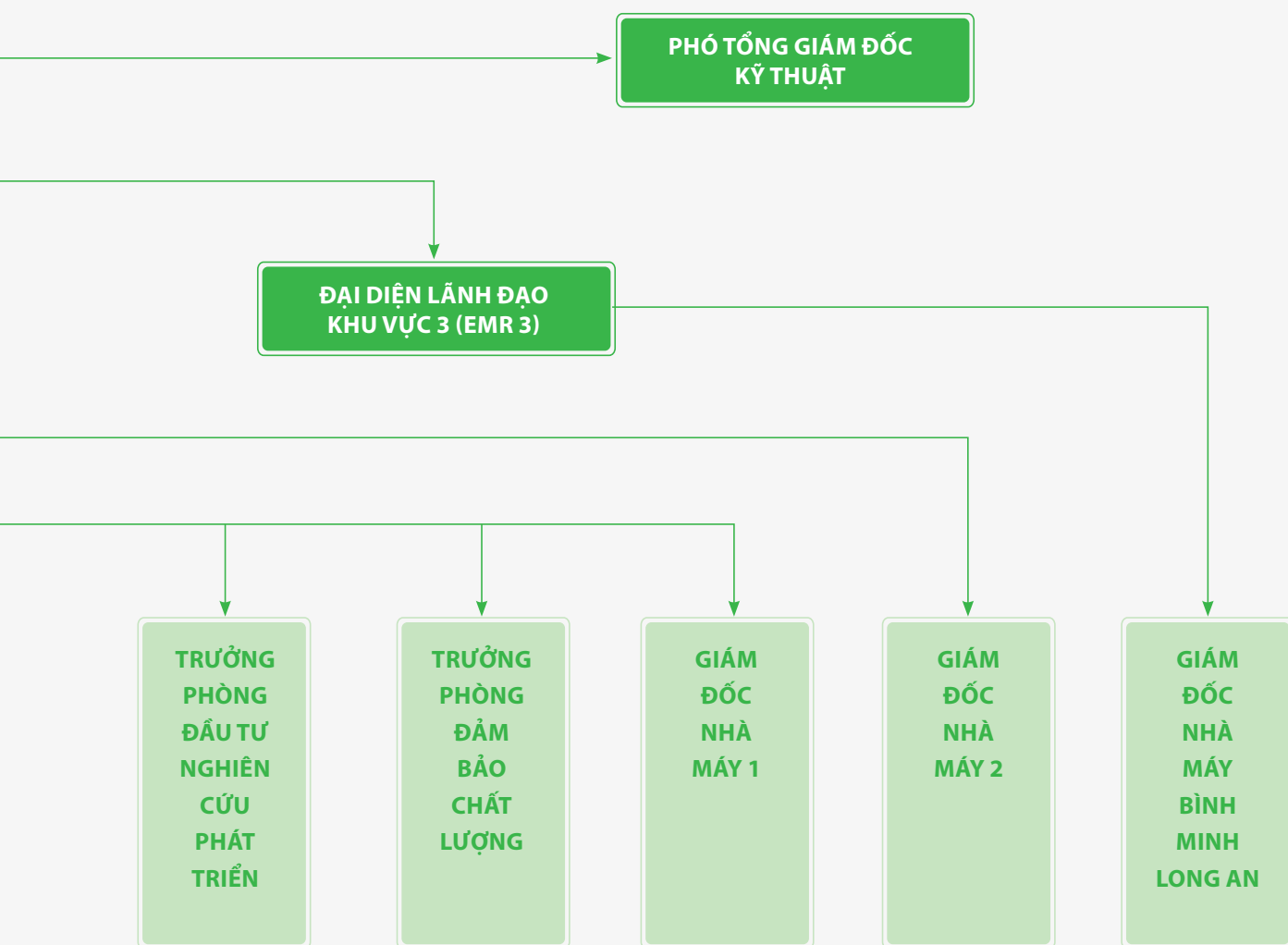






SƠ ĐỒ TỔ CHỨC HỆ THỐNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG ISO 14001:2004







MỐI QUAN HỆ BỀN VỮNG GIỮA CÁC BÊN LIÊN QUAN

ỐI VỚI KHÁCH HÀNG



- Luôn quan tâm và lắng nghe khách hàng.
- Tiếp tục mở rộng hệ thống phân phối, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ nhằm thỏa mãn tối đa nhu cầu của khách hàng.
- Thể hiện sự tri ân đối với khách hàng thông qua việc tổ chức hội nghị khách hàng, những chương trình khuyến mãi, chính sách ưu đãi và chế độ bảo hành, hậu mãi hấp dẫn,...
- Chính sách giá cả hợp lý và cạnh tranh, đảm bảo hài hòa giữa lợi ích khách hàng và lợi ích Công ty.

ỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG



- Xây dựng đầy đủ các quy chế về lương, thưởng, phụ cấp rõ ràng và công bằng.
- Áp dụng các chế độ phúc lợi và chính sách đãi ngộ cao hơn so với luật định.
- Đảm bảo môi trường làm việc thân thiện, đoàn kết và xanh sạch, đẹp.
- Cam kết không sử dụng lao động cưỡng bức dưới mọi hình thức.
- Tôn trọng quyết định, mong muốn, nguyện vọng, quyền tự do và các quyền hợp pháp khác của người lao động.

ỐI VỚI ĐỐI TÁC



- Thực hiện đầy đủ các cam kết với đối tác.
- Lựa chọn đối tác một cách công bằng dựa trên năng lực đáp ứng nhu cầu.
- Không lạm dụng quy mô, lợi thế để chèn ép và đưa ra những yêu sách vô lý đối với đối tác.
- Không hợp tác với các đối tác có hoạt động sản xuất kinh doanh không minh bạch.
- Không tiết lộ thông tin mật của đối tác cho đối thủ cạnh tranh của họ.

**ĐỐI VỚI CỔ ĐÔNG,
NHÀ ĐẦU TƯ**

- Đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ và minh bạch.
- Thường xuyên tổ chức các chương trình, hội nghị công khai giúp cổ đông, nhà đầu tư có cái nhìn toàn diện về tình hình hoạt động cũng như chiến lược phát triển dài hạn của Công ty.
- Đảm bảo các khoản đầu tư của cổ đông, nhà đầu tư được sinh lời.
- Cam kết bảo mật thông tin của cổ đông, nhà đầu tư.

ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG

- Chung tay cùng các tổ chức và đoàn thể chia sẻ khó khăn với cộng đồng thông qua các hoạt động như hiến máu nhân đạo, đóng góp cứu trợ thiên tai, bão lụt, xây dựng nhà tình thương,...
- Cam kết giảm thiểu tối đa những ảnh hưởng bất lợi đến cộng đồng và môi trường xung quanh.

**ĐỐI VỚI CHÍNH QUYỀN,
CƠ QUAN NHÀ NƯỚC**

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về thuế, bảo vệ môi trường, an toàn lao động,...
- Đẩy mạnh quan hệ với các cơ quan chức năng nhưng không lợi dụng những mối quan hệ này để thực hiện hành vi hối lộ nhằm đạt lợi bất chính.
- Tăng cường thu thập, xử lý thông tin, phối hợp với các cơ quan chức năng để xử lý các cơ sở làm hàng giả, hàng nhái.

ĐỐI VỚI BÁO CHÍ

- Quan hệ với các cơ quan truyền thông, báo chí trên nguyên tắc bình đẳng, minh bạch và hợp pháp.
- Các thông điệp, thông tin cung cấp luôn đảm bảo tính chính xác, rõ ràng, đầy đủ và khách quan.
- Đưa ra các phân tích, đánh giá về xu hướng ngành nhựa giúp báo chí có thông tin tổng quan về ngành.
- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan truyền thông báo chí tuyên truyền tình trạng hàng giả.



CƠ CHẾ TIẾP NHẬN Ý KIẾN CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Với phương châm trung thực, công khai và minh bạch trong mọi hoạt động, ngay từ ngày đầu thành lập, Nhựa Bình Minh đã chủ động nghiên cứu, xây dựng cơ chế hợp lý để các bên liên quan tham gia ý kiến. Từ đó đưa

ra những giải pháp thiết thực, các định hướng phát triển mang tầm chiến lược góp phần hoàn thiện cách thức quản lý và vận hành các hoạt động của Công ty, hướng tới mục tiêu mang lại chuỗi giá trị lâu dài cho tất cả các bên.

ĐỐI TƯỢNG		CÁCH TIẾP CẬN
KHÁCH HÀNG		- Tư vấn và giải quyết thắc mắc thông qua việc tiếp nhận thông tin trên mạng xã hội, trên chuyên mục Hỏi - Đáp của website Công ty; gặp gỡ trực tiếp hoặc trao đổi qua điện thoại, email của các bộ phận có liên quan. - Tư vấn và giải quyết thắc mắc thông qua khảo sát ý kiến người tiêu dùng tại các kỳ hội chợ, ghi nhận ý kiến từ các cửa hàng bán sản phẩm. - Cập nhật thông tin trên trang mạng xã hội, website. - Tổ chức và tham gia triển lãm, hội nghị, hội thảo, tọa đàm,... Hội thảo Hướng dẫn sử dụng các sản phẩm của Công ty...
NGƯỜI LAO ĐỘNG		- Gặp gỡ, trao đổi trực tiếp với Lãnh đạo Công ty, tổ chức công đoàn; - Khảo sát ý kiến nhân viên về an toàn lao động, môi trường làm việc, chính sách, phúc lợi xã hội,... thông qua email, điện thoại, mạng xã hội; - Tổ chức các chương trình đào tạo nội bộ; - Tổ chức hội thao, hội nghị sơ kết, tổng kết năm, các ngày lễ truyền thống của Công ty, du lịch, dã ngoại,...
ĐỐI TÁC		- Gặp gỡ và trao đổi trực tiếp; - Tiếp nhận và giải quyết thắc mắc thông qua trả lời email, điện thoại, fax,... - Công khai minh bạch số liệu tài chính. - Tham dự hội chợ, triển lãm, diễn đàn kinh tế (Đại hội Chi hội Cấp nước miền Nam, triển lãm VietBuild, Hội chợ HVNCLC,...). - Thông qua các quy chế đấu thầu, hợp đồng hợp tác, quy chế mua hàng,... - Tham dự các hội thảo, diễn đàn ngành nhựa để chia sẻ thông tin và chuyển qua đối tác cơ hội mở rộng đầu tư.

CỔ ĐỒNG - NHÀ ĐẦU TƯ

- Tổ chức cuộc họp định kỳ hàng tháng, quý và theo yêu cầu; công bố lịch họp trên website Công ty.
- Tiếp nhận và giải quyết thắc mắc thông qua trả lời email, điện thoại, fax,...
- Tổ chức Đại hội cổ đông, các cuộc họp định kỳ và bất thường, thông báo BCTC chi tiết trên các phương tiện truyền thông đại chúng.
- Công bố thông tin theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

CỘNG ĐỒNG

- Tham gia các cuộc vận động về hiến máu nhân đạo, các hoạt động từ thiện vì người nghèo, hỗ trợ nhân dân các vùng thiên tai, lũ lụt, ...
- Tổ chức thăm hỏi các đối tượng chính sách.

**CHÍNH QUYỀN,
CƠ QUAN NHÀ NƯỚC**

- Tiếp nhận ý kiến đóng góp của các cơ quan chức năng thông qua các buổi kiểm tra đột xuất, định kỳ hằng năm.
- Tham gia các hội nghị, hội thảo chuyên ngành do Chính phủ, các bộ ngành tổ chức.
- Tham gia các hoạt động của các tổ chức, hiệp hội liên quan: Hiệp hội Doanh nghiệp TP. HCM, Hội Doanh nhân trẻ; Hiệp hội Cấp thoát nước Việt Nam, Hiệp hội Nhựa Việt Nam.
- Báo cáo thuế và phí theo quy định.
- Tích cực phối hợp với các cơ quan chức năng trong công tác phòng chống hàng giả.

BÁO CHÍ

- Công khai, minh bạch thông tin và trả lời phỏng vấn các cơ quan báo đài trên các phương tiện thông tin đại chúng.
- Thực hiện thông cáo báo chí khi có sự kiện và gửi đến các cơ quan truyền thông nhằm công bố thông tin.
- Cập nhật thường xuyên các thông tin quan trọng trên website Công ty, mạng xã hội.



ĐÁNH GIÁ CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU

NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU

Việc đánh giá và xác định đúng các vấn đề trọng yếu có mối liên hệ giữa kinh tế, xã hội và môi trường với các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là yếu tố quan trọng để đảm bảo tốt nhất lợi ích cho các bên liên quan. Do đó, dựa trên bối cảnh thị trường ngành nhựa trong nước và thế giới cũng như những thông tin phản hồi và ý kiến các bên liên quan, chúng tôi đưa ra những vấn đề trọng yếu mà các bên quan tâm được ưu tiên thực hiện trong năm 2016.

CƠ SỞ XÁC ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm của BMP.
- Kết quả đánh giá hoạt động của các phòng ban chức năng.
- Kết quả đánh giá từ các báo cáo giám sát, các báo cáo kiểm toán, kết quả kiểm tra, thanh tra định kỳ và đột xuất.
- Các phản hồi, đánh giá từ khách hàng, tổ chức tư vấn.
- Tham khảo các báo cáo về dự báo tình hình kinh tế chung và sự phát triển của thị trường ngành nhựa.

QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ VÀ XÁC ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU

- Bước 1: Đánh giá thị trường ngành nhựa, xem xét chiến lược phát triển bền vững của Công ty.
- Bước 2: Phân tích các vấn đề có ảnh hưởng đến chiến lược phát triển bền vững của Công ty.
- Bước 3: Xác định các vấn đề quan trọng có ảnh hưởng đến chiến lược kinh doanh của Công ty, có tác động đến kinh tế, môi trường, xã hội.
- Bước 4: Đánh giá mức độ kiểm soát các hoạt động.
- Bước 5: Lựa chọn các lĩnh vực trọng yếu để báo cáo.

MỘT SỐ CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU ĐÃ ĐƯỢC CÔNG TY XÁC ĐỊNH BAO GỒM

Kinh tế

- Hiệu quả kinh tế
- Thực hiện chính sách thuế đối với Nhà nước
- Lợi ích cho cổ đông

Môi trường

- Vật liệu
- Năng lượng
- Nước
- Phát thải
- Nước thải và chất thải
- Thông tin nhân sản phẩm và dịch vụ
- Cải thiện môi trường làm việc
- Ứng phó tình huống khẩn cấp

Xã hội

- Việc làm
- An toàn và sức khỏe nghề nghiệp
- Giáo dục và đào tạo
- Quyền con người
- Thỏa ước lao động tập thể
- Trách nhiệm đối với sản phẩm
- Các hoạt động cộng đồng
- Đánh giá nhà cung ứng

Tiêu chuẩn ngành

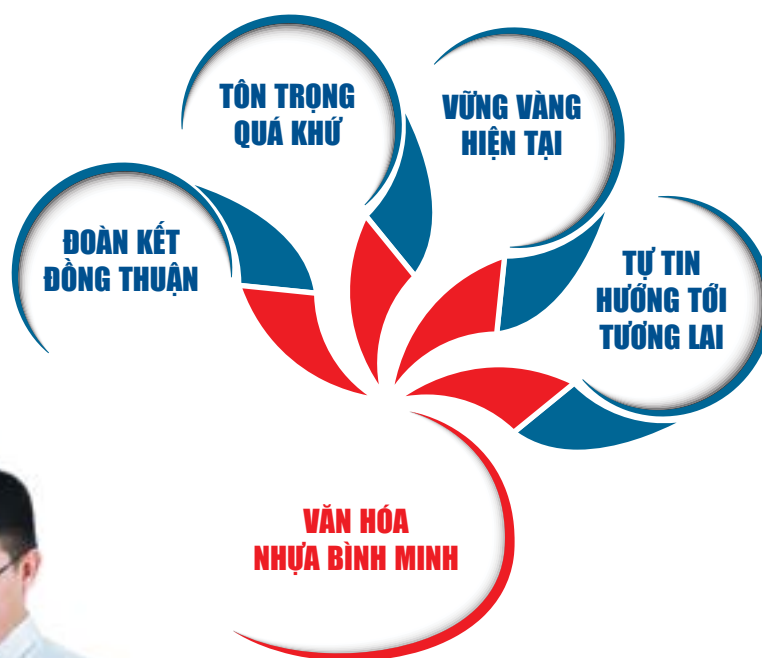
- Tuân thủ

ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CAO - THẤP VỀ “TẦM QUAN TRỌNG ĐỐI VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN” VÀ “TẦM QUAN TRỌNG ĐỐI VỚI BMP”

STT	LĨNH VỰC	CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU	MỨC ĐỘ TRỌNG YẾU ĐỐI VỚI BMP	MỨC ĐỘ TRỌNG YẾU ĐỐI VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN
1	Kinh tế	Hiệu quả kinh tế	8,5	8
2		Thực hiện chính sách thuế đối với Nhà nước	8	7,5
3		Lợi ích cho cổ đông	8	8
4	Môi trường	Vật liệu	7,5	7,5
5		Năng lượng	7	7
6		Nước	6,5	6,5
7		Phát thải	6,5	6,5
8		Nước thải và chất thải	6,5	6,5
9		Thông tin nhân sản phẩm và dịch vụ	8	8
10		Cải thiện môi trường làm việc	7	7
11		Ứng phó tình huống khẩn cấp	7	7
12	Xã hội	Việc làm	7	7
13		An toàn và sức khỏe nghề nghiệp	6,5	7
14		Giáo dục và đào tạo	7	7
15		Quyền con người	7	7
16		Thỏa ước lao động tập thể	7,5	8
17		Trách nhiệm đối với sản phẩm	7,5	8
18		Các hoạt động cộng đồng	6,5	7
19		Đánh giá nhà cung ứng	7	6
20	Tiêu chuẩn ngành	Tuân thủ	8,5	9



VĂN HÓA NHỰA BÌNH MINH



“ Trong bất cứ hoàn cảnh nào, sự tự tin luôn thể hiện rất rõ trong Ban Lãnh đạo của Nhựa Bình Minh. Những người Lãnh đạo luôn củng cố niềm tin của CBCNV bằng định hướng đúng đắn, tiên phong trong ứng dụng công nghệ mới, phương pháp quản lý mới, bằng những kế hoạch chu đáo về cơ sở hạ tầng, điều kiện vật chất và đặc biệt là nguồn nhân lực để Công ty ngày một phát triển hơn tại thị trường Việt Nam và từng bước chinh phục các nước trong khu vực và trên thế giới. ”



Văn hóa Nhựa Bình Minh được nhen nhóm ngay từ những ngày đầu thành lập Công ty. Đó là sự tận tụy với công việc, sự giản dị, chân thành trong quan hệ giữa Ban Lãnh đạo với toàn thể CBCNV trong những giai đoạn khó khăn nhất của Công ty. Trải qua các thời kỳ phát triển, văn hóa Nhựa Bình Minh ngày càng được bồi đắp và định hình một cách rõ nét hơn cho đến khi trở thành giá trị cốt lõi, là nền tảng để Nhựa Bình Minh có được những bước phát triển vượt bậc và vững vàng ở vị trí hàng đầu trong ngành nhựa Việt Nam. Văn hóa Nhựa Bình Minh như một dòng chảy, luôn tồn tại trong tâm thức của các thế hệ CBCNV Công ty.

ĐOÀN KẾT - ĐỒNG THUẬN

Đây là điều mà khi nhắc đến Nhựa Bình Minh ai cũng nghĩ ngay đến và đều cảm thấy tự hào. Ở đây, mọi người vẫn luôn đấu tranh cho cái đúng, tranh luận, thuyết phục nhau để đạt đến sự đồng thuận, từ đó cùng nhau thực hiện công việc một cách đồng lòng.

TÔN TRỌNG QUÁ KHỨ

“Ôn cố tri tân” là những điều luôn được nhắc đến tại Nhựa Bình Minh. Những bài học kinh nghiệm thế hệ trước để lại luôn là hành trang không thể thiếu cho thế hệ sau. Mỗi công sức, mỗi thành quả của thế hệ trước đều được thế hệ sau trân trọng biết ơn. Nhờ đó, nhịp cầu nối giữa

quá khứ và hiện tại trở nên vững bền, đạo lý “uống nước nhớ nguồn” luôn thấm đẫm trong từng thành viên Nhựa Bình Minh.

VỮNG VÀNG HIỆN TẠI

Ban Lãnh đạo và toàn thể CBCNV là những người đã được rèn luyện và trưởng thành qua nhiều năm tại Công ty, có đầy đủ bản lĩnh, năng lực trong việc giải quyết những bài toán hóc búa hiện tại: Phát triển sản xuất, bồi đắp cho thương hiệu, phát triển thị trường,... để Nhựa Bình Minh luôn vững vàng ở vị thế thương hiệu nhựa hàng đầu Việt Nam. Khách hàng, nhà cung ứng luôn tìm thấy ở Nhựa Bình Minh một đối tác tin cậy, biết tôn trọng, bình đẳng và đặc biệt là luôn luôn lắng nghe, đồng hành và chia sẻ để ngày càng gắn bó hơn.

TỰ TIN HƯỚNG TỚI TƯƠNG LAI

Trong bất cứ hoàn cảnh nào, sự tự tin luôn thể hiện rất rõ trong Ban Lãnh đạo của Nhựa Bình Minh. Những người Lãnh đạo luôn củng cố niềm tin của CBCNV bằng định hướng đúng đắn, tiên phong trong ứng dụng công nghệ mới, phương pháp quản lý mới, bằng những kế hoạch chu đáo về cơ sở hạ tầng, điều kiện vật chất và đặc biệt là nguồn nhân lực để Công ty ngày một phát triển hơn tại thị trường Việt Nam và từng bước chinh phục các nước trong khu vực và trên thế giới.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC NHÂN SỰ, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ



Nhằm đảm bảo mối quan hệ hài hòa giữa người lao động và Công ty, Nhựa Bình Minh luôn chú trọng việc xem xét và điều chỉnh Thỏa ước Lao động với các nội dung ngày một có lợi cho người lao động. Bên cạnh đó, Công ty còn ban hành Quy chế Dân chủ - Đối thoại để giải đáp vướng mắc, đảm bảo quyền tự do, bình đẳng, giúp người lao động yên tâm làm việc.



TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Quan hệ lao động

Nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động cũng như của người sử dụng lao động, Thỏa ước Lao động tập thể thường xuyên được soát xét để tìm ra những điểm không còn phù hợp. Ngày 01/10/2016, Công ty đã điều chỉnh lại Thỏa ước Lao động với các nội dung liên quan sao cho phù hợp quy định mới về hệ thống thang bảng lương.

Hiện tại, Thỏa ước Lao động tập thể tại Công ty có những thỏa thuận có lợi hơn cho NLĐ so với Bộ luật Lao động, ví dụ như:

- Tất cả hình thức hợp đồng lao động đều được ký dưới dạng văn bản, kể cả hợp đồng dưới 3 tháng;
- Không bố trí lao động nữ làm việc theo ca khi con dưới 18 tháng tuổi, trong trường hợp 2 vợ chồng cùng làm việc theo ca;
- Khi nhận nuôi con nuôi sơ sinh hợp pháp, vẫn được hưởng các quyền như khi sinh con ruột;
- Lao động nam được hưởng chế độ thai sản khi vợ sinh con trong khoảng thời gian 30 ngày đầu,...

Tham gia ký kết Thỏa ước Lao động tập thể có một bên là Tổng Giám đốc Công ty - đại diện người sử dụng lao động và một bên là Chủ tịch Công đoàn Công ty - đại diện NLĐ.

Nhờ thực hiện nghiêm túc Thỏa ước Lao động tập thể, hiện nay, 100% NLĐ trong Công ty đều được ký kết hợp đồng lao động dưới dạng văn bản.



Bên cạnh Thỏa ước Lao động tập thể, còn có một văn bản quan trọng khác quy định mối quan hệ lao động giữa các bên đó là Quy chế Dân chủ - Đối thoại được ban hành từ năm 2015. Theo Quy chế này, hàng năm, Tổng Giám đốc tổ chức đối thoại định kỳ với NLĐ 4 lần theo các quý, trong đó có một lần tại Hội nghị Người lao động tổ chức vào Quý I. Trong hoạt động đối thoại, Tổng Giám đốc có trách nhiệm thông tin chính xác tình hình và kết quả sản xuất kinh doanh theo quý hoặc năm; thông tin về kết quả thực hiện Thỏa ước Lao động; chế độ chính sách lương thưởng, thi đua; giải đáp các vướng mắc, kiến nghị của NLĐ; thông tin về việc giải quyết các kiến nghị từ đối thoại trước;... nhằm đảm bảo mối quan hệ hài hòa giữa NLĐ và Công ty.

Ngoài ra, Công ty cam kết tuyệt đối không sử dụng lao động trẻ em hoặc lao động cưỡng bức dưới mọi hình thức.

An toàn và sức khỏe nghề nghiệp

Các biện pháp về an toàn lao động đã được thực hiện trong năm 2016:

Biện pháp y tế, chăm sóc sức khỏe người lao động

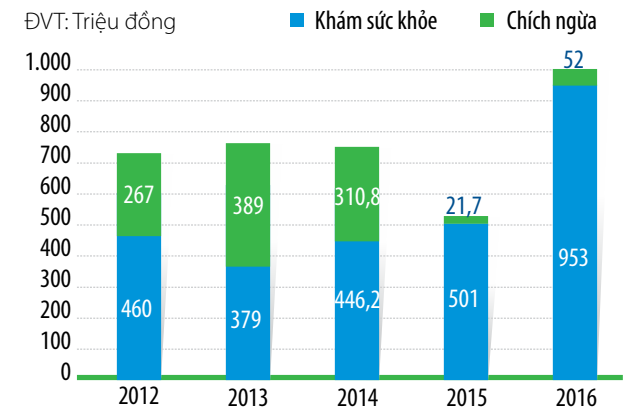
- Định kỳ hàng năm, Công ty thực hiện việc khám sức khỏe cho NLD với tiêu chuẩn khám cao hơn rất nhiều so với quy định của pháp luật. Năm 2016, Công ty đã thực hiện phân loại lao động theo độ tuổi, môi trường làm việc để chỉ định khám chuyên khoa, giúp phát hiện và điều trị bệnh kịp thời cho NLD.
- Công ty cũng tổ chức bữa ăn tập thể theo đúng tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, đảm bảo không xảy ra tình trạng ngộ độc thực phẩm. Chất lượng bữa ăn thường xuyên được kiểm tra, đánh giá để kịp thời nâng cao hàm lượng dinh dưỡng trong bữa ăn cho CBCNV. Hàng ngày, ngoài bữa cơm trưa các công nhân đều được bồi dưỡng thêm các thức ăn, thức uống bổ dưỡng, giải khát như: sữa tươi, sữa chua, nước chanh đường...
- Tại các nhà máy, Công ty đều trang bị phòng y tế và có y sĩ túc trực để kịp thời chăm sóc sức khỏe, giúp NLD an tâm làm việc.
- Hàng năm, Công ty mời các cán bộ Trung tâm Y tế - Môi trường lao động công nghiệp tiến hành đo kiểm môi trường định kỳ tại các Nhà máy. Thông qua kết quả đo kiểm, Công ty có những cải thiện kịp thời cho môi trường làm việc của NLD.

Biện pháp kỹ thuật

- Thực hiện che chắn, cảnh báo khu vực nguy hiểm.
- Lắp đặt các bệ đỡ để giảm tiếng ồn, độ rung của máy móc.
- Đảm bảo các máy móc thiết bị luôn trong tình trạng tốt.
- Các hoạt động đo lường các yếu tố vi khí hậu được thực hiện đúng thời hạn nhằm đảm bảo an toàn và sức khỏe cho NLD.



BIỂU ĐỒ CHI PHÍ CHĂM SÓC SỨC KHỎE QUA CÁC NĂM



Biện pháp trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân

An toàn lao động luôn được Công ty quan tâm hàng đầu, ngoài việc cấp phát trang thiết bị bảo hộ lao động đầy đủ và đúng tiêu chuẩn cho NLD theo từng vị trí làm việc như: giày cách điện, bít tai chống ồn, khẩu trang than hoạt tính, găng tay, kính bảo hộ, dép chống trơn trượt, đai bảo hộ khi làm việc trên cao, nón bảo hộ lao động... Công ty còn có các an toàn viên tại các bộ phận luôn theo dõi, giám sát và nhắc nhở NLD sử dụng phương tiện bảo hộ lao động đúng lúc, đúng quy cách và đúng mục đích công việc.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC NHÂN SỰ, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ



Biện pháp tuyên truyền, huấn luyện

Công ty tổ chức tuyên truyền về an toàn vệ sinh lao động (ATVSLĐ), PCCC bằng các hình thức như:

- Mời giảng viên của Sở Lao động Thương binh và Xã hội TP. HCM đến nói chuyện về chuyên đề ATVSLĐ.
- Tổ chức các buổi tuyên truyền về ATVSLĐ, PCCC nội bộ qua các buổi sinh hoạt an toàn viên, các buổi họp tổ/ họp nhà máy định kỳ hàng quý, hàng 6 tháng đầu năm và cuối năm.
- Thực hiện in và treo các tranh áp phích, pano, băng rôn cổ động tuyên truyền về ATVSLĐ và PCCC tại Công ty.

Biện pháp phòng cháy chữa cháy

- Tổ chức thực hiện tốt các yêu cầu về PCCC theo quy định của Nhà nước.
- Tuyên truyền ý thức chấp hành công tác PCCC cho toàn thể NLĐ.
- Thành lập Đội PCCC tại mỗi khu vực, chịu trách nhiệm và thực hiện công tác PCCC.
- Tổ chức mời cảnh sát PCCC đến Công ty đào tạo, huấn luyện, tuyên truyền và phối hợp diễn tập PCCC, cứu nạn, cứu hộ.
- Tổ chức mạng lưới an toàn viên để thực hiện việc kiểm tra công tác ATVSLĐ và PCCC hằng ngày trong ca làm việc.
- Lập Ban kiểm tra cấp Công ty để kiểm tra công tác ATVSLĐ và PCCC đột xuất và định kỳ mỗi quý.
- Kiểm tra định kỳ các trang thiết bị PCCC và ứng phó tình huống khẩn cấp
- Đầu tư và mua mới các trang thiết bị phục vụ công tác PCCC.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CHÍNH SÁCH NGUỒN NHÂN LỰC

Nguồn nhân lực là tài sản vô giá của mỗi doanh nghiệp. Ý thức được điều này, Công ty luôn chú trọng đến các chế độ, chính sách chăm lo cho NLĐ. Ngoài những chính sách chế độ theo quy định của Nhà nước, Công ty còn áp dụng các chính sách riêng có lợi cho NLĐ, được quy định cụ thể trong Thỏa ước Lao động tập thể như chính sách lương khi nghỉ thai sản, ốm đau, hiếu hỉ, chính sách nghỉ dưỡng du lịch hàng năm,... tạo động lực giúp NLĐ yên tâm công tác.

Chính sách lương, thưởng

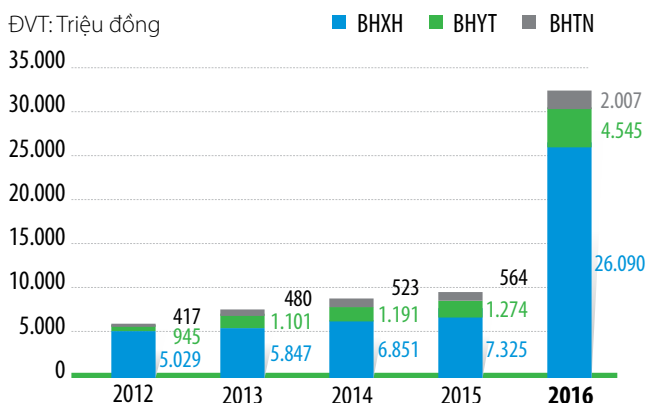
Công ty luôn duy trì mức thu nhập ổn định đảm bảo cuộc sống cho người lao động, thu nhập bình quân nằm trong топ cao so với các đơn vị trong ngành, tạo động lực cho người lao động cống hiến và yên tâm gắn bó lâu dài với Công ty. Trong năm 2016, Công ty đã điều chỉnh hệ thống thang bảng lương theo quy định mới của Bộ Luật lao động. Mặc dù áp dụng hệ thống thang bảng lương mới, làm cho phần trích nộp BHXH của Công ty tăng gấp nhiều lần so với trước đây nhưng Công ty vẫn đảm bảo thu nhập của người lao động không bị giảm, các khoản phụ cấp, thù lao, bồi dưỡng của người lao động vẫn được hưởng như trước đây. Cụ thể:

- Các mức thù lao, bồi dưỡng được Lãnh đạo Công ty điều chỉnh tăng lên khoảng 40% và mở rộng đối tượng được hưởng hơn so với trước đây.
- Chế độ lương thai sản: Để các lao động nữ yên tâm nuôi con nhỏ trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài tiền lương do BHXH chi trả, hàng tháng Công ty trả thêm 100% lương vùng.
- Chế độ lương ốm: Để tạo điều kiện tốt nhất cho người lao động chữa bệnh, ngoài tiền lương do BHXH chi trả, NLĐ còn được Công ty được hưởng thêm 100% lương vùng.

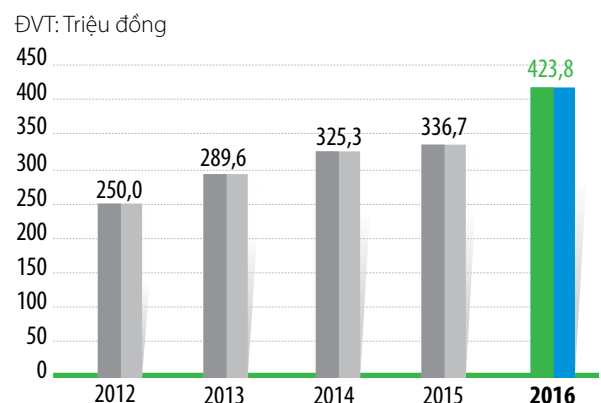
Chế độ bảo hiểm

- Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm theo quy định như Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp cho toàn bộ NLĐ.
- Duy trì các loại hình bảo hiểm không bắt buộc nhằm tăng thêm chế độ cho NLĐ như mua bảo hiểm tai nạn rủi ro 24/24, bảo hiểm sức khỏe toàn diện cho đối tượng là cán bộ quản lý của Công ty, bảo hiểm trách nhiệm quản lý.

BIỂU ĐỒ BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM Y TẾ VÀ BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP QUA CÁC NĂM



CHI PHÍ BẢO HIỂM KHÔNG BẮT BUỘC





NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC NHÂN SỰ, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Chính sách huấn luyện, đào tạo

Công tác đào tạo tại Nhựa Bình Minh luôn được quan tâm hàng đầu. Các nội dung đào tạo chủ yếu chuyên sâu vào công tác quản lý, chuyên môn của từng phòng ban, nhà máy.

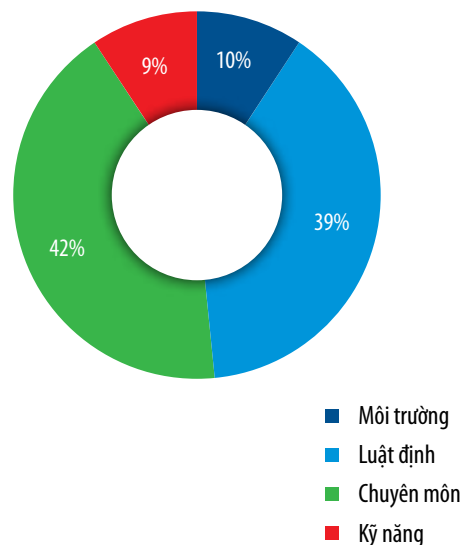
Đối với công nhân, Công ty chú trọng đến việc đào tạo tay nghề. Các kỹ sư của Công ty đứng ra đào tạo cho công nhân. Hình thức này sẽ giúp NLĐ hiểu và nắm bắt công việc dễ dàng hơn.

Đối với nhân viên nghiệp vụ, công tác bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ được thực hiện theo chuyên đề phù hợp với từng vị trí công việc, đảm bảo NLĐ luôn được cập nhật các kiến thức mới nhất.

Đối với lực lượng quản lý, Công ty tạo điều kiện để tham dự các khóa học trong nước và ngoài nước, nhằm nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cũng như phát triển các kỹ năng khác.

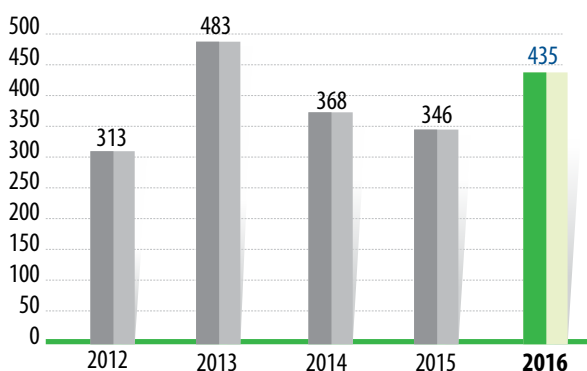
Tổ chức các buổi thảo luận, tọa đàm về văn hóa Công ty, kỹ năng giao tiếp, ứng xử... giúp NLĐ thấu hiểu và ngày càng gắn bó với Công ty.

BIỂU ĐỒ CƠ CẤU ĐÀO TẠO
NĂM 2016



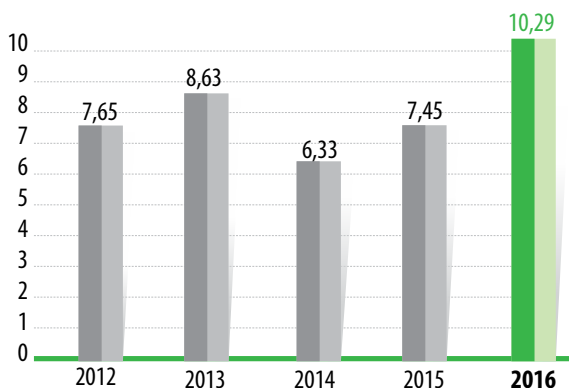
BIỂU ĐỒ CHI PHÍ ĐÀO TẠO
QUA CÁC NĂM

ĐVT: Nghìn đồng/người



BIỂU ĐỒ THỜI GIAN ĐÀO TẠO
QUA CÁC NĂM

ĐVT: Giờ/người



Chính sách cán bộ quản lý tập sự

Nhằm tạo nguồn cán bộ quản lý kế cận chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu ngày càng phát triển và mở rộng của Công ty trong tương lai, Công ty đã ban hành quy chế cán bộ quản lý tập sự. Trong nhiều năm qua, chế độ tập sự đã hỗ trợ rất tốt trong công tác quy hoạch đào tạo và bổ nhiệm cán bộ điều hành các cấp.

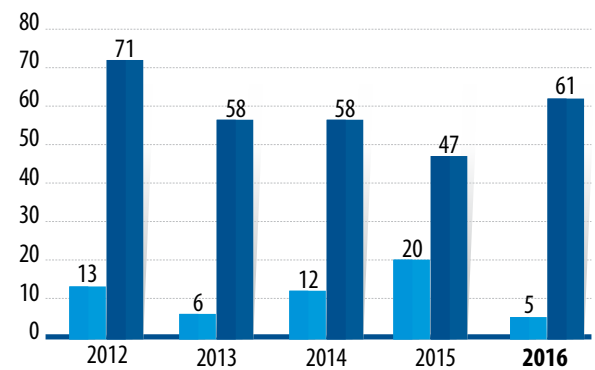
Chính sách khác

- Cấp học bổng Nguyễn Đức Cảnh và tổ chức các chương trình trại hè hằng năm cho con em CBCNV đạt thành tích cao trong học tập.
- Tặng quà ngày Tết thiếu nhi, trung thu cho toàn thể con em CBCNV Công ty.
- Tặng quà ngày 08/3, ngày 20/10 cho các CBCNV nữ.

BIỂU ĐỒ CƠ CẤU CÁN BỘ QUẢN LÝ QUA CÁC NĂM

■ Cán bộ quản lý tập sự ■ Cán bộ quản lý được bổ nhiệm

ĐVT: Người



- Tặng quà ngày 22/12 cho CBCNV từng là quân nhân của các lực lượng vũ trang.
- Ưu tiên tuyển dụng thân nhân NLĐ tại Công ty đạt yêu cầu công việc.
- Tặng quà và hỗ trợ tiền cho CBCNV các dịp hiếu, hỉ, sinh nhật, đau ốm, có người nhà đau ốm, sinh con, các dịp lễ, Tết do Nhà nước quy định.





BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI



Công ty đã thực hiện các hoạt động quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2004. Các hoạt động quản lý này đã giúp Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về môi trường.



QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN LIỆU

Năm 2016, tổng nguyên vật liệu được toàn Công ty sử dụng là 90.024 tấn. Trong đó, BMP là 79.823 tấn và NBM là 10.201 tấn.

Các loại nguyên liệu chính được sử dụng gồm nhựa PVC, HDPE, PP... được mua từ những nhà sản xuất nổi tiếng trên thế giới như: TPC Vina, ACVN, Borouge, Sabic, Basell... Những nhà sản xuất nguyên liệu này đều tuân thủ hoạt động quản lý chất lượng theo ISO 9001:2008 và quản lý môi trường theo ISO 14001:2004.

Tại Công ty, các loại sản phẩm chỉ được sản xuất từ nguyên liệu chính phẩm, không sử dụng phế liệu; một số ít sản phẩm không phù hợp được đưa vào tái sản xuất với tỷ lệ nhất định cho đến khi hết hoàn toàn. Điều này góp phần hạn chế tối đa sự phát sinh phế liệu trong quá trình sản xuất tại Nhựa Bình Minh.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Nhằm giảm suất tiêu thụ điện năng, góp phần gián tiếp làm giảm hiệu ứng nhà kính, Công ty đã lập kế hoạch, triển khai thực hiện các giải pháp như sau:

- Kiểm toán năng lượng tại các khu vực.
- Đào tạo nhận thức về tiết kiệm năng lượng cho toàn Công ty.
- Giảm tỷ lệ phế liệu.
- Đánh giá suất tiêu hao điện của các máy nhỏ, trung, lớn và các cỡ ống, nhằm tham vấn kế hoạch sản xuất kiểm soát được tăng giảm suất tiêu hao điện.
- Lắp đặt thiết bị đo đếm và triển khai ghi nhận số liệu để có cơ sở tách riêng số liệu suất tiêu hao cho từng nhóm sản phẩm: phụ tùng, bình xịt, keo dán nhằm thực hiện tiếp tục các giải pháp kỹ thuật.
- Lắp biến tần và servo cho động cơ chính thiết bị sản xuất.
- Đầu tư các thiết bị sản xuất có sử dụng công nghệ servo tiết kiệm điện.
- Kiểm soát máy làm lạnh nước các hồ tuần hoàn trong quá trình sản xuất.

Quá trình thực hiện được ghi nhận xem xét phân tích và đánh giá, so sánh với các năm trước như sau:

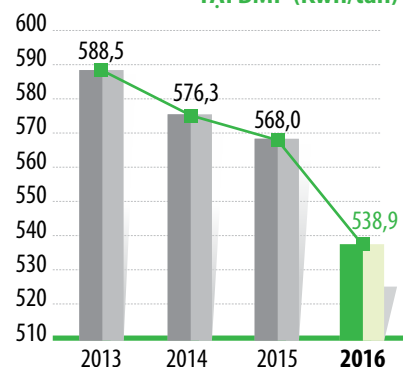
Tại BMP

NĂM	2013	2014	2015	2016
Sản lượng sản xuất (tấn)	50.514	59.137	69.711	75.829
Lượng điện tiêu thụ (1.000 Kwh)	29.730	34.078	39.593	40.863
Tỷ suất tiêu thụ điện (Kwh/tấn)	588,5	576,3	568,0	538,9

TỔNG NGUYÊN VẬT LIỆU SỬ DỤNG

90.024
TẤN

**TỶ SUẤT TIÊU THỤ ĐIỆN NĂNG
TẠI BMP (Kwh/tấn)**



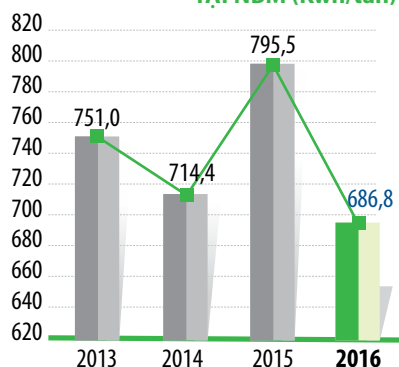
Sản lượng sản xuất tại BMP năm 2016 tăng đến 8,8% so với cùng kỳ nhưng lượng điện tiêu thụ chỉ tăng có khoảng 3,2% so với cùng kỳ năm 2015.

So với 2015, suất tiêu thụ điện năm 2016:

- Giảm được khoảng 5,12%,
- Tương đương lượng điện tiết giảm được: 2.204.523 Kwh.

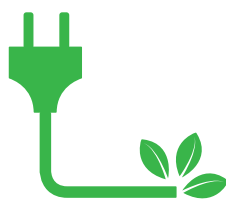
Như vậy, tính theo đơn giá điện bình quân 1.636 đồng/Kwh, năm 2016 BMP đã tiết kiệm được hơn 3.527.200.000 đồng.

**TỶ SUẤT TIÊU THỤ ĐIỆN NĂNG
TẠI NBM (Kwh/tấn)**



Tại NBM

NĂM	2013	2014	2015	2016
Sản lượng sản xuất (tấn)	4.389	6.807	7.684	9.916
Lượng điện tiêu thụ (1.000 Kwh)	3.296.180	4.863.264	6.112.842	6.810.451
Tỷ suất tiêu thụ điện (Kwh/tấn)	751,0	714,4	795,5	686,8



3.282.415

Kwh

**LƯỢNG ĐIỆN TOÀN CÔNG TY
TIẾT GIẢM NĂM 2016**

Sản lượng sản xuất năm 2016 tại NBM tăng đến 29,0% so với cùng kỳ nhưng lượng điện tiêu thụ chỉ tăng có khoảng 11,4% so với cùng kỳ năm 2015.

So với 2015, suất tiêu thụ điện năm 2016 đã được:

- Giảm khoảng 13,66%,
- Tương đương lượng điện tiết giảm: 1.077.892 Kwh.

Như vậy, tính theo đơn giá điện bình quân 1.636 đồng/Kwh, năm 2016 NBM tiết kiệm được hơn 1.763.400.000 đồng.

Toàn Công ty

Năm 2016, toàn Công ty đã tiết giảm được 3.282.415 Kwh so với 2015, tương đương với số tiền tiết kiệm được là 5.290.600.000 đồng.

Nhìn chung, sự thành công trong các hoạt động tiết giảm điện năng tiêu thụ là nhờ vào ý thức sử dụng điện tiết kiệm của CBCNV tăng cao cũng như tính hiệu quả trong việc đầu tư thiết bị sản xuất tiên tiến với năng suất cao và tỷ suất tiêu thụ điện năng thấp.

TƯƠNG ĐƯƠNG

5.290.600.000

VND





BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

TIÊU THỤ NƯỚC

Với ý thức nguồn nước sạch không phải là vô hạn, Nhựa Bình Minh sớm triển khai thực hiện các giải pháp tiết kiệm nước trong năm 2016 như sau:

- Lắp các sơ đồ hệ thống nước cấp cho từng khu vực.
- Lắp đặt các đồng hồ đo, van đóng mở tổng nhằm kiểm soát lượng nước tiêu thụ theo mục đích sử dụng và theo từng khu vực.
- Ghi nhận và phân tích số liệu trên các thiết bị đo nhằm phát hiện ra các trường hợp thất thoát nước và tiến hành khắc phục.
- Nguồn nước được Công ty sử dụng với mục đích giải nhiệt cho thiết bị và sản phẩm được tuần hoàn tái sử dụng, nhằm hạn chế tối đa lượng nước sử dụng.

Các giải pháp này đã mang lại hiệu quả cao trong năm 2016, tỷ suất nước tiêu thụ theo sản lượng của toàn Công ty được ghi nhận như sau:

Tại BMP

Năm	2013	2014	2015	2016
Sản lượng sản xuất (tấn)	50.514	59.137	69.711	75.829
Lượng nước tiêu thụ (m ³)	116.082	92.320	109.324	105.548
Tỷ suất tiêu thụ nước (m ³ /tấn)	2.298	1.561	1.568	1.392

Sản lượng sản xuất năm 2016 tăng đến 8,8% so với cùng kỳ 2015 nhưng lượng nước tiêu thụ năm 2016 lại giảm đến 3,45% so với cùng kỳ năm 2015.

So với 2015, tỷ suất nước tiêu thụ năm 2016 đã được:

- Tiết giảm khoảng 11,22%.
- Tương đương lượng nước tiết giảm: 13.351 m³.

Như vậy, tính theo đơn giá nước bình quân 11.355 đồng/m³, năm 2016 BMP tiết kiệm được hơn 151.600.000 đồng.

Tại NBM

Năm	2013	2014	2015	2016
Sản lượng sản xuất (tấn)	4.389	6.807	7.684	9.916
Lượng nước tiêu thụ (m ³)	18.741	18.584	22.131	26.873
Tỷ suất tiêu thụ nước (m ³ /tấn)	4.270	2.730	2.880	2.710

Sản lượng sản xuất năm 2016 tăng đến 29% so với cùng kỳ 2015 nhưng lượng nước tiêu thụ năm 2016 chỉ tăng 21,4% so với cùng kỳ năm 2015.

So với 2015, tỷ suất nước tiêu thụ năm 2016 đã được:

- Tiết giảm khoảng 5,90%.
- Tương đương lượng nước tiết giảm: 1.686 m³.

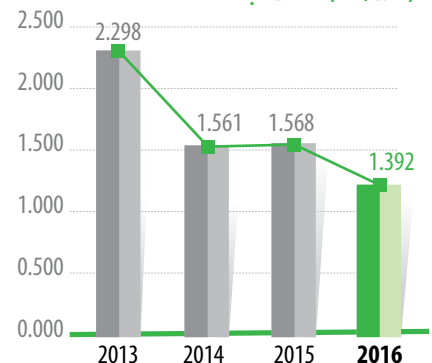
Như vậy, tính theo đơn giá nước bình quân 11.355 đồng/m³, năm 2016 NBM tiết kiệm được hơn 19.100.000 đồng.



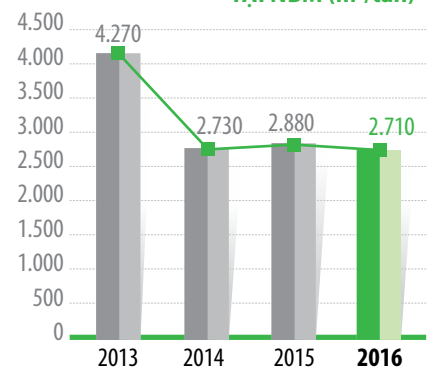
LƯỢNG NƯỚC TIẾT GIẢM
NĂM 2016

15.037 m³

TỶ SUẤT TIÊU THỤ NƯỚC TẠI BMP (m³/tấn)



TỶ SUẤT TIÊU THỤ NƯỚC TẠI NBM (m³/tấn)



TOÀN CÔNG TY

Năm 2016, toàn Công ty đã tiết giảm được 15.037 m³ nước, tương đương với số tiền tiết kiệm là 170.700.000 đồng.

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, KIỂM SOÁT PHÁT THẢI VÀ CHẤT THẢI

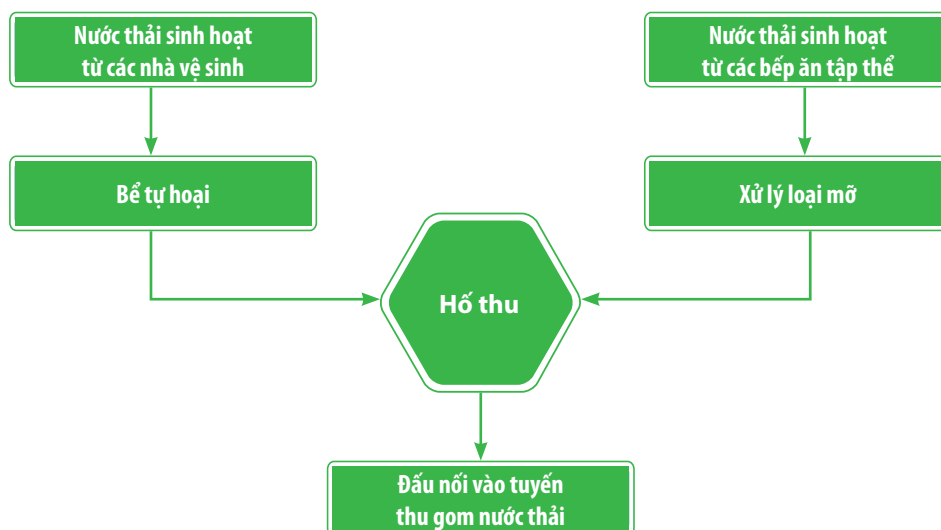
Kiểm soát nước thải

Xử lý nước thải

Do nước sử dụng trong quá trình sản xuất tại Nhựa Bình Minh được hoàn lưu tái sử dụng nên lượng nước thải phát sinh chủ yếu từ nước thải sinh hoạt và nước mưa chảy tràn. Toàn bộ lượng nước thải tại các khu vực được đo đạc, kiểm soát và giám sát theo định kỳ 6 tháng. Tổng chi phí hàng năm thực hiện cho các hoạt động đo đạc giám sát này khoảng hơn 50.000.000 đồng.

Lượng nước thải phát sinh của Công ty được xử lý như sau:

- Tại Khu vực 1 - Số 240 đường Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh: Nước thải sinh hoạt được xử lý thông qua hệ thống xử lý bằng vi sinh để đạt các kết quả theo quy định QCVN 14:2008/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt) trước khi vào hệ thống nước thải chung của Thành phố.
- Tại Nhà máy 2 (KCN Sóng Thần - Bình Dương), Nhà máy Bình Minh Long An (KCN Vĩnh Lộc 2 - Long An), Nhựa Bình Minh Miền Bắc (KCN Phố Nối A - Hưng Yên): Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt được dẫn về trung tâm xử lý chung để tiến hành xử lý tập trung theo quy định của từng khu công nghiệp.



Hệ thống nước thải từ các nhà vệ sinh được qua các bể tự hoại nhằm lọc giữ lại chất rắn và xử lý vi sinh. Đồng thời, nước thải từ các nhà ăn tập thể được qua hệ thống xử lý mỡ nhằm loại bỏ lượng mỡ dư trong nước thải. Sau đó, các nguồn nước thải sau xử lý được thu gom về hố thu chính và thông qua hệ thống cống rãnh chính để tập trung đầu nối với hệ thống thu gom nước thải bên ngoài.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Phương tiện, phương pháp và kết quả giám sát nước thải

Định kỳ 6 tháng tại mỗi khu vực, nước thải được lấy mẫu ngẫu nhiên bởi một đơn vị độc lập để đo đạc kiểm tra.

Bảng thông tin về thiết bị thí nghiệm

STT	TÊN THIẾT BỊ	MODEL THIẾT BỊ	XUẤT XỨ	THỜI GIAN HIỆU CHUẨN	TẦN SUẤT HIỆU CHUẨN
1	Máy quang phổ so màu	UVT60	Anh	21/07/2016	1 lần/năm
2	Lò nung	NABERTHERM LE6 LH/8150	Đức	21/07/2016	1 lần/năm
3	Máy cất nước 1 lần	LPH4	Ấn Độ		1 lần/năm
4	Tủ ủ BOD	AQUALYTIC	Đức	21/07/2016	1 lần/năm
5	Máy đo TDS, EC	ADWA AD332	Hungary	04/08/2016	1 lần/năm
6	Máy đo pH	SCHOTT Lab 850	Đức	04/08/2016	1 lần/năm
7	Máy đo độ đục	MICRO TPW	Trung Quốc	04/08/2016	1 lần/năm
8	Máy sắc ký khí	VARIAN 450 - GC	Mỹ	08/08/2016	1 lần/năm
9	Tủ sấy	MEMMERT 100 - 800 UNB	Đức	21/07/2016	1 lần/năm
10	Lò nung phá mẫu Nito	-	Việt Nam	21/07/2016	1 lần/năm
11	Bộ phá mẫu COD	-	Việt Nam	21/07/2016	1 lần/năm
12	Cân phân tích 4 số lẻ OHAUS PA214	TBPTN15 - CPT4S	Mỹ	04/08/2016	1 lần/năm
13	Tủ ẩm	MEMMERT IN55	Đức	21/07/2016	1 lần/năm

Một trong những kết quả đo tại khu vực của Nhựa Bình Minh có giá trị cao nhất được ghi nhận.

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ	TIÊU CHUẨN KCN	PHƯƠNG PHÁP ĐO
1	pH	-	7.25	5-9	TCVN 6492:2011
2	TSS	Mg/l	62	500	SMEWW 2540d:2012
3	COD	Mg/l	112	600	SMEWW 5220C:2012
4	BOD5	Mg/l	40	400	TCVN 6001-1:2008
5	Tổng N	Mg/l	8,58	60	TCVN 6638:2000
6	Tổng P	Mg/l	3,96	4	TCVN 6202:2008
7	Amoni	Mg/l	7,52	15	TCVN 6179-1:1996
8	Dầu khoáng	Mg/l	1,1	10	TCVN 5070:1995
9	Tổng Coliform	MPN/100ml	4.000	10.000	TCVN 6187-2:2009

Kiểm soát chất thải rắn

Chất thải rắn Công ty được phân loại làm 4 loại như sau:

- Chất thải sinh hoạt.
- Chất thải tái chế.
- Chất thải nguy hại.
- Chất thải y tế.

Toàn bộ các nhà máy thuộc Nhựa Bình Minh đã thực hiện:

- Đào tạo về việc phân loại rác thải, nhận thức về giữ gìn vệ sinh chung cho toàn thể CBCNV, ban hành các nội quy về bảo vệ môi trường.
- Lắp đặt các thùng rác tại khu vực văn phòng, nhà xưởng và tại khuôn viên xung quanh Công ty để CBCNV phân loại trước khi bỏ rác vào thùng rác.
- Kiểm tra định kỳ việc phân loại rác thải.
- Các chất thải được các đơn vị thu gom theo định kỳ và chuyển về nơi xử lý theo pháp luật quy định.
- Các đơn vị thu gom chất thải được xem xét đánh giá và tái ký hợp đồng theo định kỳ hàng năm.

Kiểm soát bụi, khí thải và điều kiện vi khí hậu

Các biện pháp khắc phục

Để hạn chế, khắc phục ô nhiễm do bụi, khí thải, các yếu tố vi khí hậu Công ty đã thực hiện các giải pháp sau:

Đối với bụi phát sinh từ quá trình sản xuất

- Bụi phát sinh từ quá trình sản xuất được hạn chế tối đa bằng cách tập trung các khâu sản xuất sinh ra bụi vào một khu vực nhất định, các điểm phát sinh nhiều bụi được bao phủ, che chắn để hạn chế bụi phát tán ra xung quanh.
- Lắp đặt thiết bị thu gom bụi tự động tại khu vực trộn bột.
- Thường xuyên quét dọn thu gom bụi.
- Đầu tư và lắp đặt hệ thống cấp liệu tự động, dây chuyền khép kín từ nguyên liệu đến bột sau trộn, hạn chế tối đa bụi phát tán ra ngoài.
- Mặt khác, đối với tất cả các khâu sản xuất của Công ty, nhằm giảm thiểu các tác động tiêu cực của bụi tới sức khỏe của công nhân, Công ty đã chú trọng đến

vấn đề bảo hộ lao động bằng cách trang bị khẩu trang chống bụi chuyên dụng cho công nhân khi làm việc trong khu vực sản xuất có phát sinh ra bụi.

- Các hoạt động kiểm tra được thực hiện thường xuyên bởi các An toàn Vệ sinh viên nhằm đảm bảo công tác an toàn lao động và đưa ra các biện pháp xử lý thích hợp, kịp thời.

Đối với khí thải từ quá trình sản xuất

- Tại các khu vực có phát sinh khí thải như trong quá trình sản xuất keo dán ống, hệ thống không khí tại đây được làm tươi liên tục bằng hệ thống thông gió bằng quạt hút.
- Ngoài ra, Nhựa Bình Minh cũng đã trang bị cho các công nhân làm việc tại khu vực này các khẩu trang chuyên dụng để bảo hộ trong quá trình làm việc.

Đối với khí thải từ máy phát điện

- Hệ thống máy phát điện được đặt trong phòng kín có cách âm và ngăn bụi, khí thải được thải thông qua ống khói cao đến 16 m nên không làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.
- Hệ thống máy phát điện chỉ hoạt động khi hệ thống điện lưới bị mất điện. Theo số liệu thống kê của Kiểm toán năng lượng, sản lượng điện do máy phát điện năm 2016 chỉ chiếm khoảng 0,14% tổng sản lượng đã tiêu thụ, nên ảnh hưởng khí thải từ máy phát điện là không đáng kể.

Đối với bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển

- Phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm và phương tiện đi lại của mọi người trong Công ty chủ yếu là xe nâng hàng, xe máy và xe tải nhỏ, số lượng không nhiều và chủ yếu sử dụng nhiên liệu là xăng nên khí thải và bụi phát sinh ô nhiễm là rất thấp nên có thể bỏ qua.
- Ngoài ra, mặt đường nội bộ trong khuôn viên Công ty đều được bê tông hóa và thường xuyên được quét dọn nên khả năng sinh và phát tán bụi rất ít, không ảnh hưởng nhiều đến môi trường xung quanh.

Đối với sự thông thoáng và nhiệt độ

Công ty đã áp dụng một số biện pháp để hạn chế tối đa các ảnh hưởng của các yếu tố vi khí hậu đến sức khỏe của công nhân và tạo điều kiện cho công nhân làm việc tốt hơn.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Các biện pháp cụ thể như sau:

- Xây dựng, sắp xếp bố trí lại nhà xưởng khoa học, sử dụng vật liệu chống nóng, đảm bảo nhiệt độ và sự thông thoáng cần thiết.
- Trên mái nhà xưởng lắp đặt các thiết bị thông gió, đồng thời trang bị thêm các quạt công nghiệp cục bộ và quạt thông gió tại các nhà xưởng nhằm tăng cường sự thông thoáng, giảm nhiệt độ và độ ẩm trong xưởng sản xuất.
- Trang bị đầy đủ các trang thiết bị cách nhiệt cần thiết cho người lao động nhằm hạn chế tới mức thấp nhất các tác hại đối với công nhân.

Đối với độ rung, tiếng ồn

Để đảm bảo một môi trường làm việc an toàn, Công ty đã áp dụng các biện pháp hạn chế sự phát tán tiếng ồn

ra môi trường ngoài như sau:

- Khu vực sản xuất có nhiều tiếng ồn được bố trí cách ly.
- Thực hiện các giải pháp giảm tiếng ồn như: lắp các tấm cách âm, lắp đặt các bệ đỡ để giảm ồn, giảm rung cho các máy móc.
- Bảo trì thiết bị máy móc đúng theo kế hoạch, đảm bảo luôn trong tình trạng hoạt động tốt nhằm hạn chế tiếng ồn phát ra do máy móc hoạt động lâu ngày gây nên.
- Trang bị các phương tiện chống ồn (nút bịt tai, mũ, quần áo bảo hộ lao động,...) cho người lao động.
- Kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động.
- Tự động hóa đến mức tối đa các khâu sản xuất phát sinh tiếng ồn cường độ lớn nhằm giảm thời gian và số người tiếp xúc với môi trường này.

Phương tiện và kết quả đo mẫu môi trường

Công tác đo đặc bụi, khí thải và điều kiện vi khí hậu luôn được thực hiện định kỳ hàng năm.

Bảng thông tin về thiết bị quan trắc

STT	TÊN THIẾT BỊ	MODEL THIẾT BỊ	XUẤT XỨ	THỜI GIAN HIỆU CHUẨN	TẦN SUẤT HIỆU CHUẨN
1	Máy định vị	GARMIN ETREX 20	Đài Loan	-	-
2	Máy đo hàm lượng bụi	HAZDUST EPAM-5000	Mỹ	30/12/2016	1 lần/năm
3	Máy đo ồn	EXTECH 407730-06	Mỹ	20/07/2016	1 lần/năm
4	Máy đo ồn giải tần	ACO TYPE 6236	Nhật Bản	20/07/2016	1 lần/năm
5	Máy bơm pin chân không	F&JECOOAIR	Mỹ	20/07/2016	1 lần/năm
6	Máy bơm chân không	TW 1.5A	Nhật	20/07/2016	1 lần/năm
7	Máy đo khí thải	TESTO350	Đức	28/02/2016	1 lần/năm
8	Thiết bị lấy mẫu bụi, khí	ISO KINETIC C-5000	Mỹ	-	-
9	Máy đo nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng, gió EBRO TFH 610-2	TBQT-NA-14	Đức	20/07/2016	1 lần/năm

Kết quả đo đặc bụi, khí thải và điều kiện vi khí hậu luôn đạt các yêu cầu theo Quy định 3733/2002/QĐ-BYT do Bộ Y tế ban hành, được thể hiện như sau:

TẠI BMP

Nhà máy 1 - 240 Hậu Giang, P.9, Q.6, TP. HCM

Bảng kết quả đo vi khí hậu, tiếng ồn

THÔNG SỐ ĐO	KẾT QUẢ ĐO TẠI CÔNG TY				TIÊU CHUẨN VỆ SINH LAO ĐỘNG THEO QĐ 3733/2002/QĐ-BYT
	NĂM 2013	NĂM 2014	NĂM 2015	NĂM 2016	
Cường độ ồn (dBA)	76	76	76	76	≤ 85
Nhiệt độ (°C)	30,5	30	28,8	30,2	≤ 32
Độ ẩm (%)	68,4	79,4	72,8	70,3	≤ 80

Bảng kết quả phân tích bên trong và khu vực xung quanh

THÔNG SỐ ĐO	KẾT QUẢ ĐO TẠI CÔNG TY				TIÊU CHUẨN VỆ SINH LAO ĐỘNG THEO QĐ 3733/2002/QĐ-BYT
	NĂM 2013	NĂM 2014	NĂM 2015	NĂM 2016	
Bụi (mg/m ³)	0,41	0,46	0,48	0,49	6
CO (mg/m ³)	4,35	6,91	5,22	5,82	20
SO ₂ (mg/m ³)	0,112	0,067	0,060	0,075	5
NO ₂ (mg/m ³)	0,097	0,03	0,035	0,046	5
VOC (mg/m ³)	9,3			26,6	300

(Nguồn: Kết quả đo kiểm môi trường của Trung tâm Tư vấn Công nghệ và An toàn vệ sinh lao động).

Nhà máy 2 - số 7 đường số 2, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, tỉnh Bình Dương

Bảng kết quả đo vi khí hậu, tiếng ồn

THÔNG SỐ ĐO	KẾT QUẢ ĐO TẠI CÔNG TY				TIÊU CHUẨN VỆ SINH LAO ĐỘNG THEO QĐ 3733/2002/QĐ-BYT
	NĂM 2013	NĂM 2014	NĂM 2015	NĂM 2016	
Cường độ ồn (dBA)	81	76	84	74	≤ 85
Nhiệt độ (°C)	30,2	30,2	31,8	31,8	≤ 32
Độ ẩm (%)	-	80	69,9	78,1	≤ 80

Bảng kết quả phân tích bên trong và khu vực xung quanh

THÔNG SỐ ĐO	KẾT QUẢ ĐO TẠI CÔNG TY				TIÊU CHUẨN VỆ SINH LAO ĐỘNG THEO QĐ 3733/2002/QĐ-BYT
	NĂM 2013	NĂM 2014	NĂM 2015	NĂM 2016	
Bụi (mg/m ³)	0,42	0,47	0,41	0,52	6
CO (mg/m ³)	5,16	3,28	4,05	5,98	20
SO ₂ (mg/m ³)	0,050	0,070	0,100	0,082	5
NO ₂ (mg/m ³)	0,03	0,05	0,08	0,06	5

(Nguồn: Kết quả đo kiểm môi trường của Trung tâm Tư vấn Công nghệ và An toàn vệ sinh lao động).



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Nhà máy Bình Minh Long An

Bảng kết quả đo vi khí hậu, tiếng ồn

THÔNG SỐ ĐO	KẾT QUẢ ĐO TẠI CÔNG TY				TIÊU CHUẨN VỆ SINH LAO ĐỘNG THEO QĐ 3733/2002/QĐ-BYT
	NĂM 2013	NĂM 2014	NĂM 2015	NĂM 2016	
Cường độ ồn (dBA)	-	-	-	76	≤ 85
Nhiệt độ (°C)	-	-	-	31,8	≤ 32
Độ ẩm (%)	-	-	-	63,1	≤ 80

Bảng kết quả phân tích bên trong và khu vực xung quanh

THÔNG SỐ ĐO	KẾT QUẢ ĐO TẠI CÔNG TY				TIÊU CHUẨN VỆ SINH LAO ĐỘNG THEO QĐ 3733/2002/QĐ-BYT
	NĂM 2013	NĂM 2014	NĂM 2015	NĂM 2016	
Bụi (mg/m ³)	-	-	-	0,19	6
CO (mg/m ³)	-	-	-	5,42	20
SO ₂ (mg/m ³)	-	-	-	0,063	5
NO ₂ (mg/m ³)	-	-	-	0,20	5

(Nguồn: Kết quả đo kiểm môi trường của Trung tâm Tư vấn Công nghệ và An toàn vệ sinh lao động).

Tại Nhựa Bình Minh Miền Bắc (NBM)

Bảng kết quả đo vi khí hậu, tiếng ồn

THÔNG SỐ ĐO	KẾT QUẢ ĐO TẠI CÔNG TY				TIÊU CHUẨN VỆ SINH LAO ĐỘNG THEO QĐ 3733/2002/QĐ-BYT
	NĂM 2013	NĂM 2014	NĂM 2015	NĂM 2016	
Cường độ ồn (dBA)	80,4	80,4	79,0	79,2	≤ 85
Nhiệt độ (°C)	20,9	16,6	25,8	25,6	≤ 32
Độ ẩm (%)	40,3	56,5	82,6	79,7	≤ 80

Bảng kết quả phân tích bên trong và khu vực xung quanh

THÔNG SỐ ĐO	KẾT QUẢ ĐO TẠI CÔNG TY				TIÊU CHUẨN VỆ SINH LAO ĐỘNG THEO QĐ 3733/2002/QĐ-BYT
	NĂM 2013	NĂM 2014	NĂM 2015	NĂM 2016	
Bụi (mg/m ³)	0,381	0,356	0,347	0,894	6
CO (mg/m ³)	0,440	0,633	0,641	0,486	20
SO ₂ (mg/m ³)	0,125	0,117	0,149	0,127	5
NO ₂ (mg/m ³)	0,038	0,034	0,037	0,038	5

(Nguồn: Kết quả quan trắc môi trường của Viện Nghiên cứu Khoa học Kỹ thuật Bảo hộ lao động).



NHỰA BÌNH MINH®





TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI SẢN PHẨM



Chất lượng sản phẩm là yếu tố hàng đầu của Nhựa Bình Minh. Đây là nguyên tắc tạo nên thương hiệu Nhựa Bình Minh trong suốt 39 năm hoạt động.



SÁNG KIẾN
ĐƯỢC ĐĂNG KÝ NĂM 2016



SỞ HỮU TRÍ TUỆ VÀ ĐẦU TƯ THƯƠNG HIỆU, PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI ĐỘC QUYỀN

Sở hữu trí tuệ và đầu tư thương hiệu

Năm 2016, Công ty đã gia hạn chứng nhận bảo hộ thương hiệu tại Lào, Campuchia, đồng thời thực hiện việc đăng ký bảo hộ nhãn hiệu ra nước ngoài. Trong đó, đăng ký bảo hộ nhãn hiệu theo Hiệp định Madrid (VPQT) tại các nước: Trung Quốc, Nga, Úc, Singapore, Philippines, Hoa Kỳ; đăng ký thêm tại các nước: Malaysia, Thái Lan, Indonesia, Kuwait, Ả Rập Saudi, Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất, Myanmar.

Phát triển sản phẩm mới

Năm 2016, toàn Công ty có 31 sáng kiến được đăng ký, bao gồm các sáng kiến về sản phẩm mới và cải tiến nhằm hợp lý hóa trong quá trình sản xuất, cụ thể: Công nhận hợp lý hóa: 16; Công nhận sáng kiến: 5; Thù lao trả cho tác giả: 74.000.000 đồng.

Một số sáng kiến, chủ yếu là các sáng kiến về cải tiến quy trình sản xuất, được Ban Lãnh đạo Công ty xem xét, đưa vào áp dụng thực tế và đã mang lại hiệu quả nhất định với tổng giá trị làm lợi là 5.856.890.000 đồng. Giá trị làm lợi này chưa bao gồm các giá trị khác như: tăng năng suất, môi trường làm việc thông thoáng, chuyên nghiệp, các thao tác trong công việc hằng ngày được hợp lý hóa, tiết kiệm sức lao động.

CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM

Thông tin trên nhãn, bao bì và trên chữ in sản phẩm của Nhựa Bình Minh đảm bảo tuân thủ luật pháp và đầy đủ thông tin cho khách hàng. Các thông tin bao gồm:

- Thông tin về Công ty (logo, thương hiệu, địa chỉ sản xuất,...)
- Tên sản phẩm
- Vật liệu chế tạo
- Các thông số kỹ thuật của sản phẩm
- Công dụng sản phẩm và các khuyến cáo

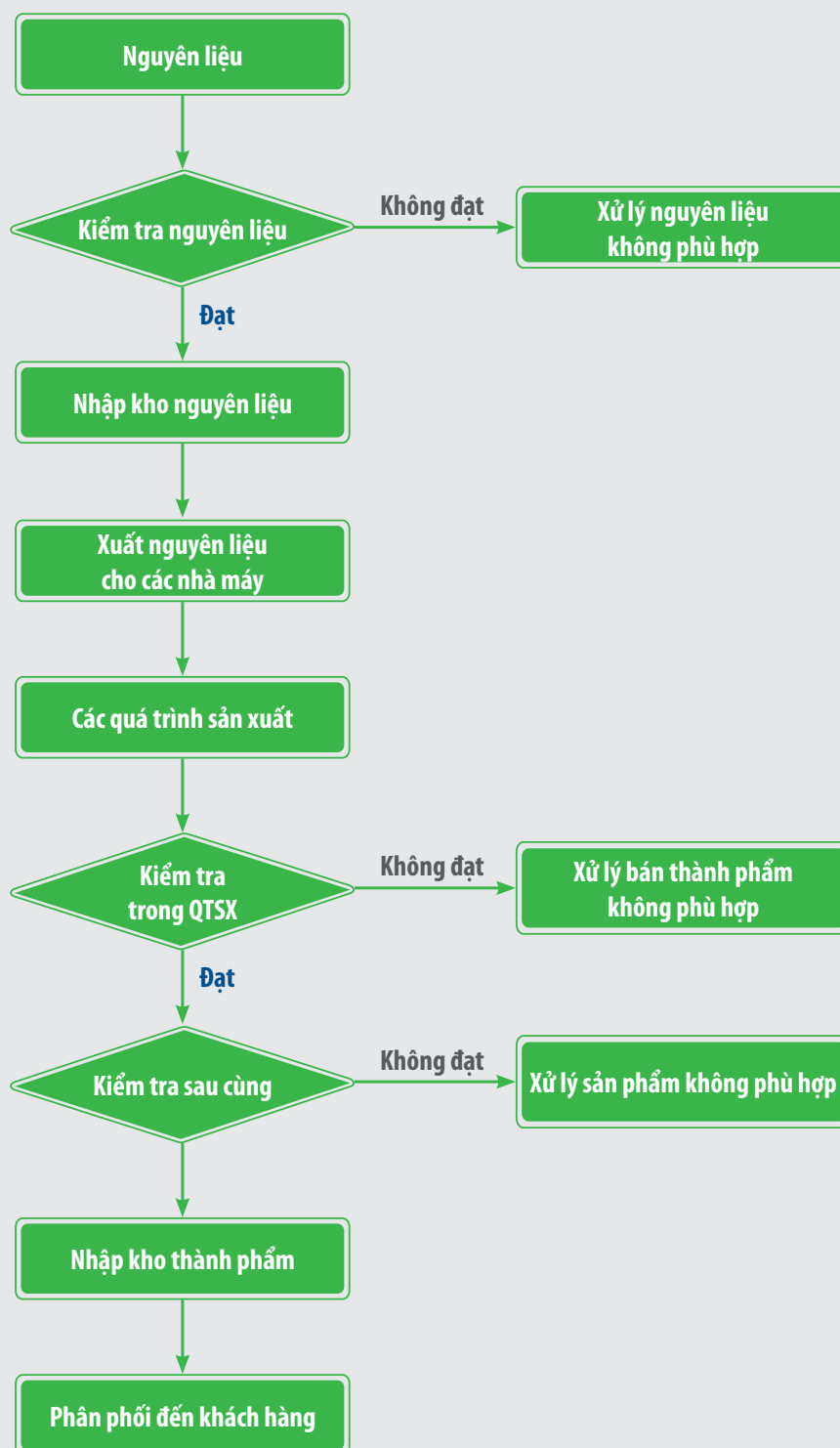
Những thông tin này không những nhằm mục đích cung cấp thông tin cho khách hàng mà còn để Nhựa Bình Minh kiểm soát chất lượng thông qua truy tìm nguồn gốc sản phẩm khi có khiếu nại khách hàng.

CAM KẾT CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Liên tục từ nhiều năm qua, sản phẩm Nhựa Bình Minh luôn được Trung tâm Kỹ thuật Đo lường Chất lượng 3 giám sát, đánh giá và chứng nhận phù hợp với các tiêu chuẩn:

1. ISO 1452:2009/TCVN 8491:2011 đối với ống và phụ tùng ống uPVC.
2. ISO 4427:2007/TCVN 7305:2008 đối với ống và phụ tùng ống HDPE.
3. ISO 15874-2:2003 đối với ống PP-R.
4. DIN 8077:2007/DIN 8078:2007 đối với ống PP-R.
5. ISO 4437:2007 đối với ống HDPE dẫn gas.
6. QCVN 16:2014/BXD đối với ống uPVC.



Quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm



TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI SẢN PHẨM

Thuyết minh quy trình

Nguyên liệu đầu vào

- Nguyên liệu cho sản xuất ống và phụ kiện của Nhựa Bình Minh được cung cấp bởi các nhà sản xuất uy tín hàng đầu trong và ngoài nước như Borouge, Sabic, TPC Vina, ACVN, Sun Ace...
- Các lô nguyên liệu khi nhập vào Nhựa Bình Minh đều phải có giấy chứng nhận chất lượng về các chỉ tiêu hóa lý, sau đó phải được kiểm tra chất lượng một lần nữa tại phòng thí nghiệm của Nhựa Bình Minh trước khi nhập kho nguyên liệu.
- Nguyên liệu có kết quả kiểm tra không đạt yêu cầu chất lượng của Nhựa Bình Minh sẽ được cách ly và đổi trả với nhà sản xuất.

Sản phẩm trong quá trình sản xuất

- Sau khi có thông báo sản xuất, các kho xuất nguyên liệu đến nhà máy để tiến hành sản xuất.
- Tại nhà máy, các chi tiết của sản phẩm sẽ được kiểm tra chất lượng ở mỗi công đoạn bởi công nhân và kỹ thuật viên công nghệ.
- Chỉ có những sản phẩm đạt hoàn toàn các yêu cầu theo quy định mới được duyệt thành sản phẩm chờ kiểm tra sau cùng.

- Những sản phẩm không phù hợp sẽ được tiến hành xử lý theo phê duyệt.

Sản phẩm đầu ra

- Sản phẩm được kiểm tra nghiêm ngặt lại một lần nữa toàn bộ các chỉ tiêu chất lượng theo quy định bởi các nhân viên QC của Phòng Đảm bảo Chất lượng. Các nhân viên QC hoàn toàn độc lập với nhà máy để đảm bảo rằng sản phẩm được kiểm tra thử nghiệm một cách khách quan và chính xác, hoàn toàn đạt chất lượng như đã công bố trước khi đến tay khách hàng.
- Các chỉ tiêu cơ lý hóa của nguyên liệu và sản phẩm được kiểm tra thử nghiệm tại phòng thí nghiệm bằng các thiết bị hiện đại có xuất xứ từ châu Âu, Hoa Kỳ, Nhật Bản,... như máy đo chỉ số chảy Dynisco (Hoa Kỳ), thiết bị thử áp IPT (Đức), thử độ bền kéo nén Shimadzu (Nhật)...
- Ngoài ra, các sản phẩm của Nhựa Bình Minh còn được kiểm tra định kỳ độc lập tại các trung tâm thử nghiệm quốc gia như: Trung tâm Kỹ thuật Đo lường Chất lượng 3 về các chỉ tiêu cơ lý cũng như các chỉ tiêu liên quan đến an toàn sức khỏe người sử dụng.

Với quy trình kiểm tra thử nghiệm này, Nhựa Bình Minh mong muốn đem đến cho khách hàng những sản phẩm chất lượng tốt nhất.

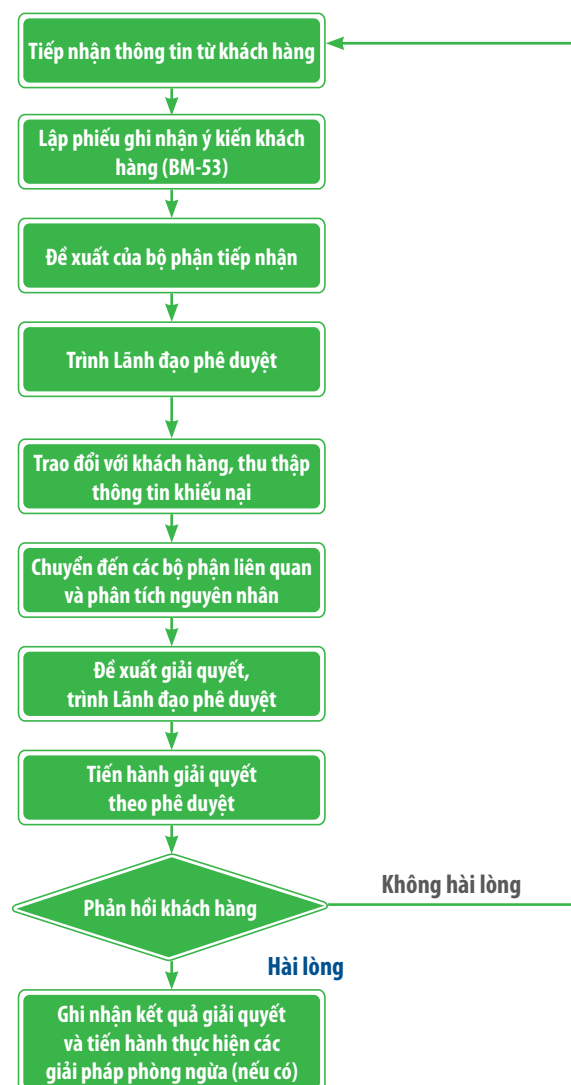


GIẢI QUYẾT PHẢN HỒI, KHIẾU NẠI KHÁCH HÀNG

Nhựa Bình Minh luôn xem các phản hồi, khiếu nại của khách hàng là sự quan tâm của khách hàng dành cho Nhựa Bình Minh, là nguồn thông tin đầu vào quý giá để Nhựa Bình Minh cải tiến liên tục.

Trên cơ sở đó, Nhựa Bình Minh đã thiết lập và duy trì các kênh thông tin trực tiếp tại các cửa hàng đại lý hoặc qua email, điện thoại để tiếp nhận tất cả ý kiến, phản hồi của khách hàng, đặc biệt đối với vấn đề chất lượng sản phẩm. Tất cả khiếu nại của khách hàng được Nhựa Bình Minh ghi nhận và trao đổi, giải quyết với khách hàng trên quan điểm thỏa mãn khách hàng và cải tiến hoạt động.

QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI CỦA KHÁCH HÀNG



CÁC CHỈ SỐ ĐO LƯỜNG VỀ TRÁCH NHIỆM SẢN PHẨM

STT	TIÊU CHÍ	MỨC ĐỘ
1	Tỷ lệ các sản phẩm không sử dụng hóa chất không an toàn cho sức khỏe / Tổng sản phẩm	100%
2	Nhà máy có chứng nhận về ISO 9001:2008 và ISO 14001:2004	100%
3	Số vụ vi phạm về nhãn hiệu, công bố thông tin sản phẩm	0
4	Số vụ phải thu hồi sản phẩm do không đảm bảo chất lượng	0
5	Tổng sự cố không tuân thủ các quy định và các chuẩn mực liên quan đến sự tác động về sức khỏe và an toàn của sản phẩm và dịch vụ trong suốt vòng đời	0
6	Tổng sự cố không tuân thủ các quy định và quy tắc tự nguyện liên quan đến thông tin sản phẩm và dịch vụ và việc ghi nhận	0
7	Bán sản phẩm bị cấm và đang tranh chấp	0
8	Tổng số vụ không tuân thủ các quy định và bộ luật tự nguyện về truyền thông tiếp thị	0
9	Tổng số khiếu nại có chứng cứ về hành vi vi phạm quyền riêng tư của khách hàng và việc mất dữ liệu khách hàng	0
10	Giá trị bằng tiền của các khoản tiền phạt đáng kể cho việc không tuân thủ luật pháp và các quy định về việc cung cấp, sử dụng sản phẩm và dịch vụ	0



HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI



Tặng quà Tết nhà giàn DK1

Với tâm niệm thành công luôn song hành cùng trách nhiệm xã hội, nhiều năm qua ngoài việc phát triển các hoạt động kinh doanh và sản xuất, Công ty còn tích cực phối hợp chặt

chẽ với các tổ chức đoàn thể Công đoàn, Đoàn thanh niên tổ chức và tham gia nhiều chương trình công tác xã hội thiết thực hướng đến cộng đồng.

1,962

TỶ ĐỒNG
ĐẦU TƯ HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI

“ Năm 2016, toàn Công ty đã đầu tư 1,962 tỷ đồng cho các hoạt động hướng đến cộng đồng. So sánh với năm 2015, con số này đã tăng hơn 67%. ”



CÓ THỂ PHÂN LOẠI CÁC HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI THEO 4 MẢNG CHÍNH

Hoạt động chia sẻ khó khăn cùng cộng đồng

Hoạt động chăm lo thế hệ trẻ

Hoạt động đền ơn đáp nghĩa

Hoạt động khác vì một xã hội công bằng văn minh



CHI TIẾT GIÁ TRỊ THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG VÌ CỘNG ĐỒNG TRONG NĂM 2016 NHƯ SAU:

LĨNH VỰC - NỘI DUNG ĐÓNG ĐÓNG GÓP	QUY GIÁ TRỊ THỰC HIỆN (TRIỆU ĐỒNG)
I. Chia sẻ khó khăn cùng cộng đồng	1.014
• Hỗ trợ 175 gia đình công nhân bị ảnh hưởng khó khăn do thiên tai, tai nạn, bệnh tật,...	369
• Hỗ trợ xây dựng, sửa chữa 4 căn nhà tình thương cho 4 hộ nghèo theo chính sách.	140
• Đóng góp Quỹ vì người nghèo của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam TP. HCM.	50
• Đóng góp cho chương trình cứu trợ đồng bào 4 tỉnh Bắc Trung Bộ bị lũ lụt của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam TP. HCM.	320
• Ủng hộ quỹ hỗ trợ nhân dân các tỉnh khắc phục thiệt hại do ảnh hưởng thiên tai do Công đoàn Công thương Việt Nam kêu gọi.	30
• Đóng góp vào Quỹ Công tác xã hội của Công đoàn Công thương.	30
• Tặng quà Tết cho đồng bào nghèo tại địa phương do UBMTTQVN Quận 6 tổ chức.	25
• Tài trợ chương trình “Đưa nước ngọt về các xã ngập mặn tại Bến Tre” của Chi hội Cấp nước miền Nam.	50
II. Chăm lo thế hệ trẻ	494
• Cấp dưỡng hàng năm cho 1 con công nhân bị bệnh mắt.	8
• Tài trợ cho 6 học sinh giỏi tham gia “Trại hè Thanh Đa” .	12
• Thực hiện chương trình “Học bổng Nguyễn Đức Cảnh” cho sinh viên, học sinh có thành tích học tập tốt.	220
• Tặng học bổng cho học sinh nghèo học giỏi tại Trường THCS Thới Long, Ô Môn, Cần Thơ.	10
• Tài trợ Chiến dịch “Kỳ nghỉ hồng 2016” của Thành đoàn TNCS TP. HCM.	50
• Ủng hộ Chiến dịch “Mùa hè Xanh” 2016 tại mặt trận Tân Trụ, Long An.	10
• Tặng quà cho thanh niên trúng tuyển nghĩa vụ quân sự tại Phường 9, Quận 6, TP. HCM.	5
• Đóng góp chương trình “Kết nối những vòng tay” do Báo Lao động và Xã hội tổ chức nhằm giúp đỡ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.	10
• Hỗ trợ tiếp sức đến trường cho em Huỳnh Tấn Khang - Trường Tiểu học An Khánh, Quận 2.	2
• Ủng hộ Nhà Văn hóa Lao động TP. HCM tổ chức “Ngày hội trẻ em khuyết tật lần thứ 20” .	3
• Hỗ trợ kinh phí sửa chữa Trường Tiểu học Trà Quân, Huyện Tây Trà, Tỉnh Quảng Ngãi.	10
• Tặng quà cho sinh viên đón Tết xa nhà do Hội DN Hàng Việt Nam chất lượng cao tổ chức.	33
• Hỗ trợ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn đón Tết 2016 theo chương trình của Hội Doanh nghiệp TP. HCM.	50
• Hỗ trợ chương trình “Ngày hội việc làm cho sinh viên” do Trường Cao đẳng Công Thương thực hiện.	5
• Tặng học bổng cho trẻ em nghèo học giỏi tại Tỉnh Bình Định.	20
• Tặng quà Trung thu cho các em thiếu nhi Huyện Đất Mũi, Tỉnh Cà Mau.	6
• Hỗ trợ Hội Thanh niên khuyết tật TP. HCM.	10
• Tặng học bổng cho sinh viên Đại học Xây dựng miền Tây.	30



HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

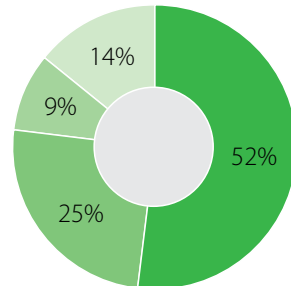
III. Đền ơn - Đáp nghĩa	184
• Phụng dưỡng hàng năm 3 Mẹ Việt Nam Anh hùng - Mẹ Liệt sĩ.	29
• Hỗ trợ xây dựng Tượng đài Liệt sĩ Đặc công tiểu đoàn 582.	10
• Tài trợ chương trình “Tri ân đồng đội” tại Quảng Trị.	100
• Tặng quà Tết 2016 cho Bộ đội Biên Phòng Bình Phước.	40
• Đóng góp Quỹ “Đền ơn đáp nghĩa” do Ban Chỉ huy Quân sự Quận 6 kêu gọi.	5
IV. Các hoạt động xã hội khác	270
• Tài trợ chương trình “Đi bộ vì nạn nhân chất độc màu da cam 2016” do Hội Chữ thập đỏ kêu gọi.	22
• Đóng góp Quỹ từ thiện của Hiệp hội Nhựa Việt Nam tổ chức.	30
• Hỗ trợ Lễ kỷ niệm ngày phòng chống hàng giả do Hiệp hội Phòng chống hàng giả Việt Nam tổ chức.	3
• Chi hỗ trợ hoạt động bảo đảm an ninh trật tự tại địa phương do UBND Xã Long Hiệp, Bến Lức, Long An tổ chức.	10
• Tài trợ chương trình “Hành trình tuổi trẻ vì Biển Đảo quê hương 2016” của Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam	200
• Đóng góp Quỹ “Vi Biển đảo Quê hương - Vì tuyến đầu Tổ Quốc” theo lời kêu gọi của UBMTTQ Phường 9, Quận 6.	5



Cầu lạc bộ hưu trí

Biểu đồ tỷ trọng chi phí hoạt động vì cộng đồng

STT	HOẠT ĐỘNG VÌ CỘNG ĐỒNG	GIÁ TRỊ (TRIỆU ĐỒNG)	TỶ TRỌNG (%)
1	Chia sẻ khó khăn cùng cộng đồng	1.014	51,7
2	Chăm lo thể hệ trẻ	494	25,2
3	Đền ơn - đáp nghĩa	184	9,4
4	Hoạt động khác	270	13,7
Tổng cộng		1.962	100,0

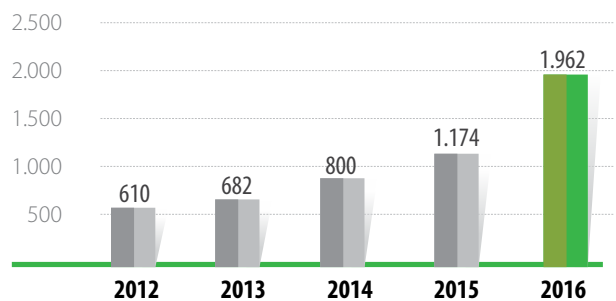


- CHIA SẺ KHÓ KHĂN CÙNG CỘNG ĐỒNG
- CHĂM LO THỂ HỆ TRẺ
- ĐỀN ƠN - ĐÁP NGHĨA
- HOẠT ĐỘNG KHÁC

Biểu đồ giá trị chi phí các hoạt động vì cộng đồng trong 5 năm

NĂM	GIÁ TRỊ (TRIỆU ĐỒNG)
2012	610
2013	682
2014	800
2015	1.174
2016	1.962

ĐVT: Triệu đồng



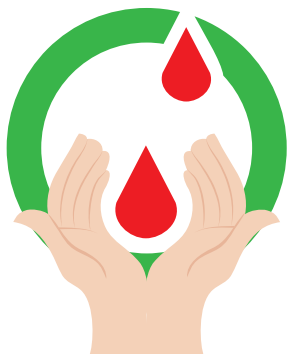
“ Ngoài những hoạt động vì cộng đồng có thể quy thành giá trị ở trên, Công ty còn tổ chức nhiều hoạt động thông qua những hành động cụ thể để đóng góp công sức cho địa phương địa bàn các đơn vị trong Công ty trú đóng như giao lưu văn nghệ thể thao; tham gia phối hợp giữ gìn an ninh, trật tự, vệ sinh, an toàn trên địa bàn; tham gia các lễ mít tinh kỷ niệm, tuyên truyền, thăm hỏi các đối tượng chính sách...”



Đêm hội trăng rằm



HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI



1.455

NGƯỜI
THAM GIA HIẾN MÁU NHÂN ĐẠO

Đặc biệt, phong trào hiến máu nhân đạo vẫn duy trì như một truyền thống tốt đẹp của Công ty trong suốt 13 năm qua. Năm 2016, Công ty đã tập trung vào việc chọn lọc nâng cao chất lượng máu để vận động và tổ chức cho 247 lượt người lao động tham gia hiến máu nhân đạo. Liên tục trong 5 năm gần đây, Nhựa Bình Minh đã vận động và tổ chức cho 1.455 lượt người lao động trong Công ty tham gia hiến máu nhân đạo.

Số lượng người lao động hiến máu nhân đạo trong 5 năm:

NĂM	SỐ LƯỢT NGƯỜI LAO ĐỘNG HIẾN MÁU NHÂN ĐẠO
2012	231
2013	325
2014	347
2015	305
2016	247
Tổng	1.455



Thông qua các hoạt động này, Công ty đã góp phần giải quyết được các vấn đề an sinh xã hội, tạo được nhiều thiện cảm của cộng đồng đối với Công ty. Quan trọng hơn nữa, người lao động trong Công ty tự định hình được cho bản thân những giá trị nhân văn và cảm thấy tự hào khi được là thành viên của Nhựa Bình Minh.



Hiến máu nhân đạo





Áo ấm cho em



Ủng hộ miền Trung



Ủng hộ nạn nhân da cam



BẢNG THAM CHIẾU THEO TIÊU CHUẨN GRI4

Mục tham chiếu	Chỉ số GRI	Nội dung báo cáo	Trang
TIÊU CHUẨN CHUNG			
CHIẾN LƯỢC VÀ PHÂN TÍCH			
G4-1	Đưa ra tuyên bố của người ra quyết định cao nhất của tổ chức, Chủ tịch hoặc vị trí cấp cao về sự liên quan của phát triển bền vững với tổ chức và chiến lược của tổ chức về phát triển bền vững.	Thông điệp Chủ tịch Hội đồng Quản trị.	8-9
		Thông điệp Báo cáo phát triển bền vững.	100-101
G4-2	Đưa ra các mô tả về tác động, rủi ro và cơ hội chính.	Định hướng về hội nhập và cạnh tranh quốc tế.	45
		Phân tích SWOT.	48-49
		Thông tin thị trường sản xuất kinh doanh ngành nhựa.	52-53
		Đặc điểm tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016.	67
		Kế hoạch, định hướng của HĐQT năm 2017.	76-77
		Rủi ro và biện pháp quản trị rủi ro.	96-97
HỒ SƠ TỔ CHỨC			
G4-3	Tên công ty.	Thông tin khái quát.	12
G4-4	Các thương hiệu, sản phẩm và dịch vụ chính.	Ngành nghề kinh doanh.	16
		Danh mục sản phẩm tiêu biểu.	20-21
G4-5	Trụ sở chính.	Thông tin khái quát.	12
G4-6	Số lượng các quốc gia công ty có hoạt động, tên các quốc gia hoặc các khu vực hoạt động chủ yếu hoặc khu vực có liên quan đến vấn đề phát triển bền vững được đề cập trong báo cáo.	Địa bàn hoạt động.	18
		Hệ thống phân phối sản phẩm.	18-19
G4-7	Loại hình sở hữu và hình thức pháp lý.	Thông tin khái quát.	12
		40 năm hình thành và phát triển.	14-15
		Mô hình quản trị Công ty	26
G4-8	Thị trường kinh doanh (theo khu vực địa lý, theo phân khúc thị trường, đối tượng khách hàng).	Hệ thống phân phối sản phẩm.	18-19
G4-9	Quy mô Công ty.	Các nhà máy sản xuất.	18
		Công ty con và công ty liên kết.	27
G4-10	Báo cáo về lực lượng lao động.	Tổng quan lực lượng lao động.	54-57
G4-11	Tỷ lệ phần trăm tổng số người lao động được bao gồm trong các Thỏa ước lao động tập thể.	Quan hệ lao động.	116
G4-12	Mô tả chuỗi cung ứng của tổ chức.	Hệ thống phân phối sản phẩm.	18-19
		Nguyên liệu đầu vào.	134
G4-13	Bất kể thay đổi nào đáng kể trong kỳ báo cáo liên quan đến quy mô, cấu trúc, quyền sở hữu hoặc chuỗi cung ứng.	Xây dựng mở rộng Nhà máy Bình Minh Long An	23
		Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án.	58

CAM KẾT ĐỐI VỚI CÁC SÁNG KIẾN BÊN NGOÀI

G4-14	Báo cáo tổ chức có đưa ra phương pháp phòng ngừa hoặc nguyên tắc phòng ngừa hay không áp dụng xử lý thế nào.	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội.	122-130
G4-15	Liệt kê các điều khoản, nguyên tắc về kinh tế, môi trường, xã hội được phát triển bên ngoài tổ chức hoặc các sáng kiến khác mà tổ chức tán thành và ủng hộ.	Hệ thống quản lý môi trường ISO 9001:2008. Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2004.	104-105 106-107
G4-16	Liệt kê quyền hội viên trong các hiệp hội và các tổ chức vận động trong nước và quốc tế mà tổ chức nắm giữ.	Nhựa Bình Minh hiện là thành viên: Hiệp hội Doanh nghiệp TP. HCM, Hội Doanh nhân trẻ, Hiệp hội Cấp thoát nước Việt Nam, Hiệp hội Nhựa Việt Nam.	111

XÁC ĐỊNH CÁC RANH GIỚI TRỌNG YẾU

G4-17	Liệt kê các đơn vị bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của tổ chức hoặc tài liệu tương đương.	Công ty con.	27
G4-18	Báo cáo về việc một đơn vị nào đó có trong các báo cáo tài chính hợp nhất của tổ chức hoặc tài liệu tương đương không được đề cập trong báo cáo hay không.	Báo cáo tình hình hoạt động của công ty con.	68
G4-19	Giải thích quy trình xác định nội dung báo cáo và ranh giới các lĩnh vực.	Phạm vi báo cáo phát triển bền vững.	103
G4-20	Giải thích cách tổ chức đã triển khai các nguyên tắc báo cáo cho việc xác định nội dung báo cáo như thế nào.	Tổng quan báo cáo phát triển bền vững.	102-103
G4-21	Liệt kê tất cả các lĩnh vực trọng yếu đã xác định trong quy trình xác định nội dung báo cáo.	Đánh giá các vấn đề trọng yếu.	112-113
G4-22	Với mỗi lĩnh vực trọng yếu, báo cáo ranh giới lĩnh vực trọng yếu.	Đánh giá các vấn đề trọng yếu.	112-113
G4-23	Với mỗi lĩnh vực trọng yếu, báo cáo ranh giới lĩnh vực bên ngoài tổ chức.	Đánh giá các vấn đề trọng yếu.	112-113
G4-24	Báo cáo những thay đổi đáng kể về Quy mô và các Ranh giới lĩnh vực so với các giai đoạn báo cáo trước đây.	Tổng quan báo cáo phát triển bền vững.	102-103

SỰ THAM VẤN CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

G4-25	Cung cấp danh sách các nhóm liên quan được tổ chức mời tham gia.	Mối quan hệ bền vững với các bên liên quan.	108-109
G4-26	Báo cáo cơ sở của việc xác định và lựa chọn các bên liên quan để mời tham gia. Xây dựng mối quan hệ bền vững với các bên liên quan.	Mối quan hệ bền vững với các bên liên quan.	108-109
G4-27	Báo cáo phương pháp tiếp cận của tổ chức với sự tham vấn của các bên liên quan.	Cơ chế tiếp nhận ý kiến của các bên liên quan.	110-111
G4-28	Báo cáo các chủ đề và mối quan ngại chính đã được đưa ra thông qua sự tham vấn của các bên liên quan.	Đánh giá các vấn đề trọng yếu.	112-113

HỒ SƠ BÁO CÁO

G4-29	Giai đoạn báo cáo.	Kỳ báo cáo.	103
G4-30	Ngày lập báo cáo trước đây gần nhất.	Tổng quan báo cáo phát triển bền vững.	102-103
G4-31	Chu kỳ báo cáo.	Kỳ báo cáo.	103
G4-32	Thông tin liên hệ nếu có câu hỏi/ thắc mắc liên quan đến báo cáo hay nội dung của báo cáo.	Thông tin liên hệ báo cáo.	103
G4-33	Phương án lựa chọn báo cáo của doanh nghiệp.	Tổng quan báo cáo phát triển bền vững.	102-103



BẢNG THAM CHIẾU THEO TIÊU CHUẨN GRI4

QUẢN TRỊ			
G4-34	Cơ cấu quản trị, quản lý của tổ chức.	Mô hình quản trị.	26
G4-35	Bảo cáo quy trình ủy quyền cho các chủ đề về kinh tế, môi trường và xã hội từ cơ quan quản trị cao nhất đến các Giám đốc Điều hành cấp cao và các nhân viên khác.	Sơ đồ hệ thống quản lý môi trường ISO 9001:2008.	104-105
		Sơ đồ hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2004.	106-107
G4-36	Bảo cáo liệu tổ chức đã chỉ định vị trí cấp điều hành hoặc các vị trí chịu trách nhiệm về các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội hay không, và những người nắm giữ các vị trí đó có báo cáo trực tiếp cho các cơ quan quản trị cao nhất hay không.	Sơ đồ hệ thống quản lý môi trường ISO 9001:2008.	104-105
		Sơ đồ hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2004.	106-107
G4-37	Bảo cáo quy trình tham vấn giữa các bên liên quan và cơ quan quản trị cao nhất về các chủ đề kinh tế, xã hội, môi trường. Nếu việc tham vấn được ủy quyền thì mô tả người được ủy quyền là ai và bất kỳ quy trình phản hồi cho cơ quan quản trị cao nhất nào.	Cơ cấu bộ máy quản lý điều hành.	30-31
		Cơ chế tiếp nhận ý kiến của các bên liên quan.	110-111
G4-38	Báo cáo thành phần của cơ quan quản trị cao nhất và các ủy ban của cơ quan này.	Giới thiệu HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát.	32-43
G4-39	Báo cáo Chủ tịch của cơ quan quản trị cao nhất có phải cũng là Giám đốc Ban Điều hành hay không.	Chủ tịch HĐQT không tham gia điều hành.	32, 40
G4-43	Báo cáo các biện pháp được triển khai để phát triển và tăng cường kiến thức tổng hợp của cơ quan quản trị cao nhất về các chủ đề kinh tế, môi trường và xã hội.	Quản trị rủi ro.	94-97
G4-45	Báo cáo vai trò của cơ quan quản trị cao nhất trong việc xác định và quản trị các tác động, rủi ro và cơ hội về kinh tế, môi trường và xã hội.	Quản trị rủi ro.	94-97
G4-47	Báo cáo tần suất rà soát lại các tác động, rủi ro về cơ hội kinh tế, môi trường và xã hội của cơ quan quản trị cao nhất.	Các cuộc họp của HĐQT.	85
G4-48	Báo cáo ủy ban hoặc người nắm vị trí cao nhất trong việc rà soát và phê duyệt chính thức báo cáo phát triển bền vững của tổ chức và đảm bảo rằng tất cả các Lĩnh vực trọng yếu đều được đề cập trong báo cáo.	Thông điệp báo cáo phát triển bền vững.	100-101
G4-51	Chính sách thù lao cho cơ quan quản trị cao nhất và Giám đốc Điều hành cấp cao.	Lương, thưởng, thù lao và các lợi ích khác của HĐQT, BKS và Ban TGD.	90
ĐẠO ĐỨC VÀ TÍNH CHÍNH TRỰC			
G4-56	Mô tả các giá trị, nguyên tắc, tiêu chuẩn và chuẩn mực hành vi của tổ chức như bộ quy tắc ứng xử và bộ quy tắc đạo đức.	Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi.	6-7
		Văn hóa Nhựa Bình Minh.	114-115
G4-57	Bảo cáo cơ chế nội bộ và bên ngoài tổ chức để có được sự tư vấn về hành vi đạo đức và tuân thủ pháp luật, các vấn đề liên quan đến tính chính trực, như đường dây trợ giúp/đường dây tư vấn.	Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi.	6-7
		Văn hóa Nhựa Bình Minh.	114-115
		Mối quan hệ bền vững với các bên liên quan.	108-109
		Cơ chế tiếp nhận ý kiến các bên liên quan.	110-111

DANH MỤC: KINH TẾ			
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH TẾ			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	Sứ mệnh.	7
		Định hướng phát triển.	44-47
		Định hướng phát triển giai đoạn 2017 – 2018	70
EC1	Giá trị kinh tế trực tiếp tạo ra và phân phối.	Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2016.	53, 67
		Thông điệp báo cáo phát triển bền vững.	100-101
		Báo cáo các hoạt động cộng đồng, đóng góp cho xã hội.	136-141
EC3	Phạm vi trách nhiệm của tổ chức về đáp ứng nghĩa vụ theo kế hoạch phúc lợi đã xác định của tổ chức.	Báo cáo các hoạt động cộng đồng, đóng góp cho xã hội.	136-141
DANH MỤC: MÔI TRƯỜNG			
VẬT LIỆU			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	Quản lý nguồn nguyên liệu.	122
NĂNG LƯỢNG			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	Thông điệp báo cáo phát triển bền vững.	100-101
		Các giải pháp tiết kiệm năng lượng.	122
EN3	Tiêu thụ năng lượng trong tổ chức.	Báo cáo tình hình tiêu thụ năng lượng.	122-123
EN5	Cường độ năng lượng.	Báo cáo tình hình tiêu thụ năng lượng.	122-123
EN6	Giảm tiêu thụ năng lượng.	Báo cáo tình hình tiêu thụ năng lượng.	122-123
EN7	Cắt giảm nhu cầu năng lượng của sản phẩm và dịch vụ.	Các giải pháp tiết kiệm năng lượng.	122
NƯỚC			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	Các giải pháp tiết kiệm nước.	124
EN8	Tổng lượng nước khai thác phân loại theo nguồn.	Báo cáo tình hình tiêu thụ nước.	124
EN10	Phần trăm và tổng khối lượng nước được tái chế và tái sử dụng.	Báo cáo tình hình tiêu thụ nước.	124
PHÁT THẢI			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	Kiểm soát bụi, khí thải và điều kiện vi khí hậu.	127
NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	Kiểm soát nước thải và chất thải rắn.	125-127
EN22	Tổng lượng nước thải theo chất lượng thải và nơi thải.	Báo cáo tình hình xử lý nước thải.	125-126
EN23	Phương pháp xử lý chất thải.	Kiểm soát chất thải rắn.	127
THÔNG TIN VÀ NHÃN SẢN PHẨM DỊCH VỤ			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	Cung cấp thông tin về sản phẩm.	132
TUÂN THỦ			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	Thực hiện các hoạt động quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2004.	122
VẬN CHUYỂN			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	Các biện pháp kiểm soát bụi và khí thải từ phương tiện vận chuyển.	127



BẢNG THAM CHIẾU THEO TIÊU CHUẨN GRI4

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA NHÀ CUNG CẤP

G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	Những nhà cung cấp nguyên liệu cho BMP đều tuân thủ hoạt động quản lý chất lượng theo ISO 9001:2008 và quản lý môi trường theo ISO 14001:2004.	122
---------------	--------------------------------------	--	-----

DANH MỤC: XÃ HỘI

CÁCH ĐỐI XỬ VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM BỀN VỮNG

VIỆC LÀM			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức nhân sự, chính sách, quản lý.	116-121
LA1	Tổng số lượng và tỷ lệ người lao động thuê mới và luân chuyển lao động theo nhóm tuổi, giới tính và khu vực.	Tổng quan lực lượng lao động.	54-57
LA2	Phúc lợi đã cung cấp cho người lao động toàn thời gian không áp dụng cho người lao động tạm thời hoặc bán thời gian, theo địa điểm và hoạt động trọng yếu.	Báo cáo mức lương bình quân của người lao động.	57
		Những cải tiến về chính sách nguồn nhân lực.	116-121
QUAN HỆ QUẢN TRỊ/ LAO ĐỘNG			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	Mối quan hệ bền vững với người lao động.	108
		Quan hệ lao động.	116
LA4	Những thay đổi trong hoạt động được nêu cụ thể trong các thỏa thuận tập thể hay không.	Thỏa ước lao động tập thể.	116
AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	An toàn và sức khỏe nghề nghiệp.	117-118
		An toàn và sức khỏe nghề nghiệp.	117-118
LA8	Các chủ đề về an toàn và sức khỏe được nêu trong các thoả thuận chính thức với công đoàn.	Các biện pháp khắc phục bụi, khí thải và điều kiện vi khí hậu nhằm cải thiện sức khỏe người lao động.	127-128
GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	Chính sách huấn luyện, đào tạo.	120
LA9	Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm cho mỗi nhân viên theo giới tính và theo danh mục người lao động.	Chính sách huấn luyện, đào tạo.	120
LA10	Các chương trình về quản trị kỹ năng và học tập dài hạn hỗ trợ khả năng tiếp tục làm việc của người lao động.	Chính sách huấn luyện, đào tạo	120
SỰ ĐA DẠNG VÀ CÁC CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG VỚI NHAU			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	Mối quan hệ bền vững đối với người lao động.	108
		Quan hệ lao động.	116
LA12	Thành phần các cơ quan quản lý và danh sách chi tiết người lao động trong từng danh mục người lao động theo giới tính, nhóm tuổi, thành viên nhóm thiểu số và các chỉ số về tính đa dạng khác.	Cơ cấu nhân sự.	54-56

QUYỀN CON NGƯỜI

ĐẦU TƯ			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	Những cải tiến về chính sách nguồn nhân lực.	116-121
KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	Mối quan hệ bền vững đối với người lao động.	108
		Quan hệ lao động.	116
TỰ DO LẬP HỘI VÀ THỎA ƯỚC TẬP THỂ			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	Quan hệ lao động.	116
LAO ĐỘNG TRẺ EM			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	Cam kết không sử dụng lao động trẻ em dưới mọi hình thức.	116
LAO ĐỘNG CƯỜNG BỨC HOẶC BẮT BUỘC			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	Cam kết không sử dụng lao động cưỡng bức dưới mọi hình thức.	116
XÃ HỘI			
CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	Hoạt động cộng đồng, xã hội.	136-141
SO1	Tỷ lệ phần trăm các hoạt động được thực hiện với cộng đồng địa phương, đánh giá tác động và các chương trình phát triển.	Hoạt động cộng đồng, xã hội.	136-141
HÀNH VI HẠN CHẾ CẠNH TRANH			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	Tầm nhìn.	6
		Định hướng về hội nhập và cạnh tranh quốc tế.	45
TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI SẢN PHẨM			
AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE CỦA KHÁCH HÀNG			
PR2	Tổng số sự cố không tuân thủ các quy định và các chuẩn mực (tự nguyện tham gia) liên quan đến sự tác động về sức khỏe và an toàn của sản phẩm và dịch vụ trong suốt vòng đời, phân loại theo loại kết quả.	Các chỉ số đo lường về trách nhiệm sản phẩm.	135
THÔNG TIN NHÃN SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	Cung cấp thông tin về sản phẩm.	132
PR4	Tổng số sự cố không tuân thủ các quy định và quy tắc tự nguyện liên quan đến thông tin sản phẩm và dịch vụ và việc ghi nhãn, phân theo loại kết quả.	Các chỉ số đo lường về trách nhiệm sản phẩm.	135
TRUYỀN THÔNG TIẾP THỊ			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	Mối quan hệ bền vững đối với truyền thông, báo chí.	109
PR7	Tổng số vụ không tuân thủ các quy định và bộ luật tự nguyện về truyền thông tiếp thị, bao gồm hoạt động quảng cáo, khuyến mãi và tài trợ theo loại kết quả.	Các chỉ số đo lường về trách nhiệm sản phẩm.	135
QUYỀN RIÊNG TƯ CỦA KHÁCH HÀNG			
PR8	Tổng số khiếu nại có chứng cứ về hành vi vi phạm quyền riêng tư của khách hàng và việc mất dữ liệu khách hàng.	Các chỉ số đo lường về trách nhiệm sản phẩm.	135
TUÂN THỦ			
G4-DMA	Phương pháp tiếp cận quản trị chung.	Trách nhiệm đối với sản phẩm.	132-135
PR9	Giá trị bằng tiền của các khoản tiền phạt đáng kể cho việc không tuân thủ luật pháp và các quy định về việc cung cấp và sử dụng sản phẩm và dịch vụ.	Các chỉ số đo lường về trách nhiệm sản phẩm.	135

BỀN HƠN

Nhựa Bình Minh được đánh giá là công ty hàng đầu trong ngành nhựa với tốc độ tăng trưởng mạnh và ổn định. Để có được thành công như hôm nay, ngoài sự nỗ lực của Công ty còn có sự đồng hành, ủng hộ từ phía các cổ đông, nhà đầu tư chiến lược để từ đó góp phần mang lại lợi ích lâu dài cho các bên, cũng như đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của đất nước.

CHƯƠNG 5: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc • Báo cáo kiểm toán độc lập
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất • Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất • Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất





BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Khái quát

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo quyết định số 209/2003/QĐ-BCN ngày 04 tháng 12 năm 2003 của Bộ Công nghiệp.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002023 ngày 02 tháng 01 năm 2004. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 5 số 0301464823 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 10 năm 2013.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su; thiết kế, chế tạo, kinh doanh khuôn mẫu ngành nhựa, ngành đúc; sản xuất, kinh doanh máy móc thiết bị, vật tư, thiết bị vệ sinh cho ngành xây dựng, trang trí nội thất; tư vấn và thi công các công trình cấp thoát nước, sân bãi, kho tàng; dịch vụ giám định, phân tích, kiểm nghiệm ngành hóa chất; kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên liệu, hóa chất, vật tư, máy móc thiết bị ngành nhựa, cơ khí, xây dựng, cấp thoát nước, thiết bị thí nghiệm; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; quảng cáo.

Trụ sở chính của Công ty tại số 240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Danh sách các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này:

Hội đồng Quản trị:

Ông Lê Quang Doanh	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hoàng Ngân	Phó Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Kim Yến	Thành viên	
Ông Suchai Asathavornvanit	Thành viên	
Bà Nguyễn Hồng Minh	Thành viên	Đến ngày 28/04/2016
Bà Đặng Thị Thu Hà	Thành viên	Từ ngày 28/04/2016

Ban Tổng Giám đốc:

Ông Nguyễn Hoàng Ngân	Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Kim Yến	Phó Tổng Giám đốc	Đến ngày 01/01/2017
Ông Nguyễn Thanh Quan	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc	Từ ngày 01/01/2017

Ban Kiểm soát:

Bà Nguyễn Thị Phương Nga	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Lưu Thùy Minh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thắm	Thành viên





BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tt)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty được trình bày từ trang 154 đến trang 187 kèm theo.

Thay mặt Hội đồng Quản trị

Lê Quang Doanh
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2017

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoàng Ngân
Tổng Giám đốc



**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và Công ty con, được lập ngày 10/03/2017, từ trang 154 đến trang 187, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như thuyết minh tại mục V.5 trang 170, theo quyết định số 889/QĐ-TCT ngày 23/06/2014 của Tổng Cục Thuế và quyết định 3317/QĐ-CT-XP ngày 03/07/2014 của Cục Thuế TP.HCM về việc truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2009 và năm 2010, số thuế TNDN bị truy thu là 71.420.413.472 đồng. Công ty đã nộp và đang tạm hạch toán ở khoản mục phải thu khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01/01/2016 và 31/12/2016. Hiện nay Công ty đang trong quá trình làm việc với Cục Thuế TP.HCM, Tổng Cục thuế, Bộ Tài chính và các Cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan để thống nhất số tiền được hoàn lại theo hướng dẫn của công văn số 14041/BTC-TCT ngày 03 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính. Nếu khoản trên không được hoàn hoặc hoàn thiếu thì khoản mục phải thu ngắn hạn khác và quỹ đầu tư phát triển tại ngày 01/01/2016 và 31/12/2016 trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sẽ giảm tương ứng.



Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh và Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Giám đốc



Nguyễn Minh Tiến

Số giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0547-2013-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2017

Kiểm toán viên

Nguyễn Hồng Nga

Số giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1266-2013-152-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.185.930.163.599	1.886.339.698.958
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	404.984.303.020	370.744.808.359
1. Tiền	111		374.984.303.020	370.744.808.359
2. Các khoản tương đương tiền	112		30.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		490.000.000.000	670.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	490.000.000.000	670.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		810.289.964.598	504.946.400.210
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	462.713.114.907	347.481.136.022
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	170.182.392.794	61.063.630.929
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HDXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	218.899.760.019	136.095.922.964
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(41.686.006.490)	(39.857.399.343)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.7	180.703.368	163.109.638
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	471.566.033.404	332.550.008.993
1. Hàng tồn kho	141		471.566.033.404	332.550.008.993
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.089.862.577	8.098.481.396
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	3.883.235.666	3.814.085.178
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	5.206.626.911	4.284.396.218
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu CP	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		705.145.134.378	551.995.032.118
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tt)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHƯƠNG V: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
II. Tài sản cố định	220		593.845.512.224	281.173.114.173
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	341.426.990.122	253.279.265.034
- Nguyên giá	222		1.047.248.364.219	878.476.258.771
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(705.821.374.097)	(625.196.993.737)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	252.418.522.102	27.893.849.139
- Nguyên giá	228		276.075.787.746	36.421.099.457
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(23.657.265.644)	(8.527.250.318)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		34.015.745.834	9.491.701.757
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	34.015.745.834	9.491.701.757
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	66.565.759.231	13.551.680.747
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		64.371.808.831	11.357.730.347
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4.193.950.400	4.193.950.400
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		10.718.117.089	247.778.535.441
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	-	217.366.699.750
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.18	683.454.877	23.725.659.614
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		10.034.662.212	6.686.176.077
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.891.075.297.977	2.438.334.731.076



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tt)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		593.701.687.314	423.055.647.042
I. Nợ ngắn hạn	310		593.533.958.214	422.719.284.642
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	129.476.100.215	94.450.621.817
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.786.023.112	1.507.686.511
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	49.797.789.009	44.809.037.451
4. Phải trả người lao động	314		45.512.115.448	33.973.971.941
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	152.716.832.474	110.709.980.112
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	93.989.310.013	70.080.963.095
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	105.992.187.000	61.100.187.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.263.600.943	6.086.836.715
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán trái phiếu CP	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		167.729.100	336.362.400
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		167.729.100	336.362.400
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.297.373.610.663	2.015.279.084.034
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	2.297.373.610.663	2.015.279.084.034
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		454.784.800.000	454.784.800.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		454.784.800.000	454.784.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.592.782.700	1.592.782.700
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.255.583.270.948	1.065.824.112.077



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tt)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

CHƯƠNG V: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		44.983.552.000	44.983.552.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		540.429.205.015	448.093.837.257
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.981.681.900	1.146.151.062
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		536.447.523.115	446.947.686.196
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.891.075.297.977	2.438.334.731.076

Người lập biểu

Phùng Hữu Luận

Kế toán trưởng

Hồng Lê Việt

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoàng Ngân

Thành phố Hồ Chí Minh ngày 10 tháng 03 năm 2017



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	3.678.351.052.989	2.970.287.044.650
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	369.607.442.561	178.672.959.542
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	3.308.743.610.428	2.791.614.085.108
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	2.248.176.459.769	1.901.883.604.157
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.060.567.150.659	889.730.480.951
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	48.978.172.732	28.435.306.503
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	41.507.236.190	29.603.449.284
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.396.589.902	4.097.860.403
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24		494.078.484	496.002.385
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7	166.921.964.902	125.938.131.868
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	115.282.371.963	95.995.478.314
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		786.327.828.820	667.124.730.373
12. Thu nhập khác	31	VI.8	384.684.264	2.428.042.076
13. Chi phí khác	32	VI.9	2.727.582.521	4.430.515.011
14. Lợi nhuận khác	40		(2.342.898.257)	(2.002.472.935)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		783.984.930.563	665.122.257.437
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	133.538.242.711	168.986.287.149
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.11	23.042.204.737	(22.764.551.611)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		627.404.483.115	518.900.521.899
18.1 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		627.404.483.115	518.900.521.899
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	13.796	10.317
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	13.796	10.317

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phùng Hữu Luận

Hồng Lê Việt

Nguyễn Hoàng Ngân

Thành phố Hồ Chí Minh ngày 10 tháng 03 năm 2017



NHỰA BÌNH MINH[®] BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016



Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	783.984.930.563	665.122.257.437
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	87.290.025.205	66.049.489.608
- Các khoản dự phòng	03	1.828.607.147	11.778.397.046
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(92.015.072)	(191.878.655)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(48.300.966.554)	(28.831.033.379)
- Chi phí lãi vay	06	3.396.589.902	4.097.860.403
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	828.107.171.191	718.025.092.461
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(132.804.411.928)	(66.099.026.170)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(142.364.510.546)	34.265.616.027
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	32.260.639.603	74.218.955.080
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(69.150.488)	(3.658.782.147)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(3.625.874.758)	(3.536.278.784)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(127.206.014.600)	(151.295.652.185)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(47.523.072.259)	(36.829.741.580)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	406.774.776.215	565.090.182.702
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(315.030.878.853)	(145.595.304.255)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	170.363.104	314.617.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(210.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	180.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(53.040.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	43.265.879.922	28.068.177.665
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(144.634.635.827)	(327.212.509.590)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tt)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	67.562.000.000	30.550.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(22.670.000.000)	(27.870.000.000)
5. Tiền trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(272.870.880.000)	(113.696.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(227.978.880.000)	(111.016.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	34.161.260.388	126.861.473.112
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	370.744.808.359	243.691.456.593
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	78.234.272	191.878.655
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	404.984.303.020	370.744.808.359

Người lập biểu

Phùng Hữu Luận

Kế toán trưởng

Hồng Lê Việt

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hoàng Ngân

Thành phố Hồ Chí Minh ngày 10 tháng 03 năm 2017



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2016

CHƯƠNG V: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo quyết định số 209/2003/QĐ-BCN ngày 04 tháng 12 năm 2003 của Bộ Công nghiệp.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002023 ngày 02 tháng 01 năm 2004. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 5 số 0301464823 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 10 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty tại số 240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su; thiết kế, chế tạo, kinh doanh khuôn mẫu ngành nhựa, ngành đúc; sản xuất, kinh doanh máy móc thiết bị, vật tư, thiết bị vệ sinh cho ngành xây dựng, trang trí nội thất; tư vấn và thi công các công trình cấp thoát nước, sân bãi, kho tàng; dịch vụ giám định, phân tích, kiểm nghiệm ngành hóa chất; kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên liệu, hóa chất, vật tư, máy móc thiết bị ngành nhựa, cơ khí, xây dựng, cấp thoát nước, thiết bị thí nghiệm; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; quảng cáo.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách chi nhánh:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh	Số 7, đường số 2, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh - Chi nhánh Vĩnh Lộc – Bến Lức	Lô C1-6 đến C1-30, KCN Vĩnh Lộc 2, Đường Vĩnh Lộc 2, Ấp Voi Lá, Xã Long Hiệp, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

- Danh sách Công ty con:

Tên công ty	Được thành lập theo	Ngành hoạt động	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH một thành viên Nhựa Bình Minh Miền Bắc	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0504000211 ngày 18/09/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp	Các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su	100%



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Năm 2016

Danh sách Công ty liên kết:

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành hoạt động	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng	371 Trần Cao Vân, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng	Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm, nguyên liệu, thiết bị ngành nhựa	29,05%
Công ty Cổ phần ĐT KD BĐS Bình Minh Việt	240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản. Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	25,26%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm Công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với năm trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở hợp nhất

Công ty con

Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong các báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.



Công ty liên kết

Công ty liên kết là đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không có quyền kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần chi phí và thu nhập của Công ty trong đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi đơn vị này đã thực hiện những điều chỉnh các chính sách kế toán của mình cho phù hợp với các chính sách kế toán của Công ty, kể từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể hoặc đồng kiểm soát đến ngày kết thúc ảnh hưởng đáng kể hoặc đồng kiểm soát. Nếu phần lỗ của công ty vượt quá khoản đầu tư của Công ty trong đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó (bao gồm toàn bộ các khoản đầu tư dài hạn) được ghi giảm xuống bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi Công ty có một nghĩa vụ phải thực hiện hay đã thực hiện các khoản thanh toán thay cho đơn vị nhận đầu tư.

Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất

Các số dư nội bộ và toàn bộ thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ khỏi khoản đầu tư liên quan đến lợi ích của Công ty trong đơn vị nhận đầu tư. Lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra trừ khi giá vốn không thể được thu hồi.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản thì tỷ giá áp dụng là tỷ giá mua ngoại tệ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả thì tỷ giá áp dụng là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Năm 2016

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính theo giá trị sổ sách các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 10 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 08 năm
- Phương tiện vận tải	06 – 08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 – 05 năm
- Quyền sử dụng đất	41 – 50 năm



Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Tài sản cố định là quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh trong năm được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Năm 2016

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

13. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, không bao gồm các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:
 - + Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
 - + Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.



16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách...).

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

18. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

19. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Năm 2016

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền

	31/12/2016 VNĐ	01/01/2016 VNĐ
Tiền mặt	3.103.655.327	1.583.456.548
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	371.880.647.693	369.161.351.811
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng)	30.000.000.000	-
Cộng	404.984.303.020	370.744.808.359



2. Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

Ngắn hạn	31/12/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
Ngắn hạn		
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng	490.000.000.000	490.000.000.000
Cộng	490.000.000.000	490.000.000.000
Dài hạn	31/12/2016	
	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu
<i>i) Đầu tư vào công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng	11.331.808.831	29,05%
Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Bình Minh Việt	53.040.000.000	25,26%
Cộng	64.371.808.831	
	01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	670.000.000.000	670.000.000.000
Cộng	670.000.000.000	670.000.000.000

	31/12/2016			
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ
<i>ii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>				
Công ty Cổ phần Long Hậu	17.317	193.950.400	-	297.852.400
Công ty CP Nhựa Tân Tiến (mệnh giá 100.000 đồng/cổ phiếu)	20.000	4.000.000.000	(2.000.000.000)	2.000.000.000
Cộng		4.193.950.400	(2.000.000.000)	2.297.852.400
	01/01/2016			
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ
	17.317	193.950.400	-	297.852.400
	20.000	4.000.000.000	(2.000.000.000)	2.000.000.000
Cộng		4.193.950.400	(2.000.000.000)	2.297.852.400



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Năm 2016

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2016 VNĐ	01/01/2016 VNĐ
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>		
Công ty Cổ Phần SX và TM Tường Vân	58.595.349.208	62.588.811.467
Công ty TNHH SX TM DV Minh Liêm	47.851.496.881	54.585.652.091
Công ty Cổ phần Xây Dựng Số 5	87.589.516.807	4.577.619.769
Công ty TNHH ĐT TV XD Thép Mới	55.233.829.427	-
Phải thu bán hàng các khách hàng khác	213.442.922.584	225.729.052.695
Cộng	462.713.114.907	347.481.136.022

Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Không có

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2016 VNĐ	01/01/2016 VNĐ
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>		
Công ty TNHH Nhà Thép Tiến Chế Zamil Việt Nam	18.416.521.200	-
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Phan Vũ	20.791.460.140	-
Công ty CP T.B.A	20.447.939.480	-
Battenfeld-Cincinnati Austria	31.095.353.168	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	79.431.118.806	61.063.630.929
Cộng	170.182.392.794	61.063.630.929

Trả trước cho người bán là các bên liên quan: Không có

5. Phải thu khác

	31/12/2016 VNĐ	01/01/2016 VNĐ
<i>Ngắn hạn</i>		
Tạm ứng	520.338.000	1.100.880.000
Ký cược, ký quỹ	140.841.480.124	63.197.926.348
Phải thu khác	77.537.941.895	71.797.116.616
<i>BHXH, BHYT, BHTN phải thu nhân viên</i>	<i>584.131.808</i>	<i>218.913.395</i>
<i>Tạm nộp thuế TNDN truy thu theo BB thanh tra thuế của Cục Thuế TP.HCM (*)</i>	<i>71.420.413.472</i>	<i>71.420.413.472</i>
<i>Các khoản phải thu khác</i>	<i>5.533.396.615</i>	<i>157.789.749</i>
Cộng	218.899.760.019	136.095.922.964

Phải thu khác là các bên liên quan: Không có

(*) Thuế TNDN truy thu đã nộp theo quyết định số 889/QĐ-TCT ngày 23/06/2014 của Tổng Cục Thuế và quyết định 3317/QĐ-CT-XP ngày 03/07/2014 của Cục Thuế TP.HCM. Hiện nay Công ty đang trong quá trình làm việc với Cục Thuế TP.HCM, Tổng Cục thuế, Bộ Tài chính và các Cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan để thống nhất số tiền được hoàn lại theo hướng dẫn của công văn số 14041/BTC-TCT ngày 03 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính.



6. Nợ xấu

Đơn vị tính: VNĐ

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	59.791.123.414	18.105.116.924	(41.686.006.490)	60.367.558.757	20.510.159.414	(39.857.399.343)
Cộng	59.791.123.414	18.105.116.924	(41.686.006.490)	60.367.558.757	20.510.159.414	(39.857.399.343)

7. Tài sản thiếu chờ xử lý

	31/12/2016 VNĐ	01/01/2016 VNĐ
Hàng tồn kho	180.703.368	163.598.911
Cộng	180.703.368	163.598.911

8. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VNĐ

	31/12/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng	
Hàng mua đang đi đường	1.965.923.614	-		15.154.299.656	-	
Nguyên liệu, vật liệu	113.898.057.585	-		73.127.502.793	-	
Công cụ, dụng cụ	1.058.876.887	-		1.055.153.171	-	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	124.717.548.043	-		123.259.017.284	-	
Thành phẩm	183.482.308.197	-		71.617.468.926	-	
Hàng hoá	46.443.319.078	-		48.336.567.163	-	
Cộng	471.566.033.404	-		332.550.008.993	-	



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Năm 2016

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VNĐ

Nguyên giá	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Số dư đầu năm	187.370.450.967	662.128.405.509	21.286.095.358	7.741.306.937	878.476.258.771
Số tăng trong năm	1.370.000.000	162.102.449.273	6.479.915.303	-	169.952.364.576
- Mua sắm mới	-	164.369.160.215	4.213.204.361	-	168.582.364.576
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.370.000.000	-	-	-	1.370.000.000
- Phân loại lại	-	(2.266.710.942)	2.266.710.942	-	-
Số giảm trong năm	-	817.654.828	-	362.604.300	1.180.259.128
- Thanh lý, nhượng bán	-	817.654.828	-	-	817.654.828
- Giảm khác	-	-	-	362.604.300	362.604.300
Số dư cuối năm	188.690.450.967	823.413.199.954	27.766.010.661	7.378.702.637	1.047.248.364.219
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	81.365.556.176	524.615.555.924	14.659.365.437	4.556.516.200	625.196.993.737
Số tăng trong năm	22.435.768.748	54.537.599.775	4.285.303.233	455.918.332	81.714.590.088
- Khấu hao trong năm	22.435.768.748	56.220.539.818	2.602.363.190	455.918.332	81.714.590.088
- Phân loại lại	-	(1.682.940.043)	1.682.940.043	-	-
Số giảm trong năm	-	727.605.428	-	362.604.300	1.090.209.728
- Thanh lý, nhượng bán	-	727.605.428	-	-	727.605.428
- Giảm khác	-	-	-	362.604.300	362.604.300
Số dư cuối năm	103.801.324.924	578.425.550.271	18.944.668.670	4.649.830.232	705.821.374.097
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	105.954.894.791	137.512.849.585	6.626.729.921	3.184.790.737	253.279.265.034
Tại ngày cuối năm	84.889.126.043	244.987.649.683	8.821.341.991	2.728.872.405	341.426.990.122

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 466.647.272.642 đồng.

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VNĐ

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
<i>Nguyên giá</i>			
Số dư đầu năm	35.996.185.657	424.913.800	36.421.099.457
Số tăng trong năm	239.654.688.289	-	239.654.688.289
- Mua sắm mới	12.733.408.330	-	12.733.408.330
- Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	226.921.279.959	-	226.921.279.959
Số dư cuối năm	275.650.873.946	424.913.800	276.075.787.746
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>			
Số dư đầu năm	8.441.902.022	85.348.296	8.527.250.318
- Khấu hao trong năm	5.433.797.184	141.637.933	5.575.435.117
- Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	9.554.580.209	-	9.554.580.209
Số dư cuối năm	23.430.279.415	226.986.229	23.657.265.644
<i>Giá trị còn lại</i>			
Tại ngày đầu năm	27.554.283.635	339.565.504	27.893.849.139
Tại ngày cuối năm	252.220.594.531	197.927.571	252.418.522.102

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị tính: VNĐ

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	203.351.700	53.339.608	203.351.700	53.339.608
Xây dựng cơ bản dở dang	9.288.350.057	26.044.056.169	1.370.000.000	33.962.406.226
- Chi phí tư vấn triển khai CNTT và bản quyền phần mềm Oracle	9.288.350.057	4.293.113.200	-	13.581.463.257
- Nhà máy tại Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc - Bến Lức - Long An	-	21.750.942.969	1.370.000.000	20.380.942.969
Cộng	9.491.701.757	26.097.395.777	1.573.351.700	34.015.745.834

12. Chi phí trả trước

	31/12/2016 VNĐ	01/01/2016 VNĐ
<i>a) Ngắn hạn</i>	<i>3.883.235.666</i>	<i>3.814.085.178</i>
Chi phí chờ phân bổ	3.883.235.666	3.814.085.178
<i>b) Dài hạn</i>	<i>-</i>	<i>217.366.699.750</i>
Chi phí tiền thuê đất (*)	-	217.366.699.750
Cộng	3.883.235.666	221.180.784.928



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Năm 2016

13. Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính : VNĐ

	31/12/2016		Phát sinh trong kỳ		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn</i>						
Vay ngắn hạn (*)	105.992.187.000	105.992.187.000	67.562.000.000	22.670.000.000	61.100.187.000	61.100.187.000
Cộng	105.992.187.000	105.992.187.000	67.562.000.000	22.670.000.000	61.100.187.000	61.100.187.000

(*) Là khoản khách hàng ứng tiền bảo lãnh để được mua hàng trả chậm theo quy chế kiểm soát công nợ khách hàng. Công ty phải trả lãi cho khoản tiền này với lãi suất theo lãi suất tiền gửi của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam cộng thêm 10% của mức lãi suất này cùng thời điểm.

14. Phải trả người bán

Đơn vị tính : VNĐ

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>				
Công ty TNHH Nhựa và Hoá Chất TPC VINA	46.553.496.000	46.553.496.000	63.332.896.000	63.332.896.000
Công ty TNHH Hóa chất AGC Việt Nam	36.011.360.000	36.011.360.000	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	46.911.244.215	46.911.244.215	31.117.725.817	31.117.725.817
Cộng	129.476.100.215	129.476.100.215	94.450.621.817	94.450.621.817

Số không có khả năng trả: không có

15. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà Nước

Đơn vị tính : VNĐ

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2016
a) Thuế phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	1.878.014.640	106.156.746.909	107.555.618.745	479.142.803
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	39.854.108.070	39.854.108.070	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	856.487.159	856.487.159	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	42.761.241.542	133.538.242.711	127.206.014.600	49.093.469.653
Thuế thu nhập cá nhân	169.781.268	15.835.542.761	15.780.147.476	225.176.553
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	83.632.568	83.632.568	-
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	3.616.964.620	3.616.964.620	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.796.109.257	1.796.109.257	-
Cộng	44.809.037.451	301.737.834.055	296.749.082.495	49.797.789.009
b) Thuế phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	4.284.396.218		922.230.693	5.206.626.911
Cộng	4.284.396.218	-	922.230.693	5.206.626.911



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Năm 2016

16. Chi phí phải trả

	31/12/2016 VNĐ	01/01/2016 VNĐ
Ngắn hạn		
Chi phí giảm giá, hỗ trợ khách hàng	146.404.198.368	104.731.061.150
Chi phí lãi vay	4.124.634.106	4.353.918.962
Chi phí thù lao HĐQT, BKS	1.978.000.000	1.625.000.000
Chi phí khác	210.000.000	-
Cộng	152.716.832.474	110.709.980.112

17. Phải trả khác

	31/12/2016 VNĐ	01/01/2016 VNĐ
a) Ngắn hạn		
Tài sản thừa chờ giải quyết	472.476.678	286.483.125
Kinh phí công đoàn	964.746.875	313.345.670
Nhận ký quỹ, ký cược	1.190.000.000	-
Cổ tức phải trả	91.307.374.300	68.568.134.300
Các khoản phải trả, phải nộp khác	54.712.160	913.000.000
Cộng	93.989.310.013	70.080.963.095
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	167.729.100	336.362.400
Cộng	167.729.100	336.362.400

Số không có khả năng trả: không có
Phải trả khác là các bên liên quan: không có

18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2016 VNĐ	01/01/2016 VNĐ
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.863.583.711	24.588.614.173
Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	(1.180.128.834)	(862.954.559)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	683.454.877	23.725.659.614



19. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VNĐ

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	454.784.800.000	1.592.782.700	893.419.394.492	44.983.552.000	323.479.884.226	1.718.260.413.418
- Tăng (giảm) khác			(941.230.140)		941.230.140	-
- Lãi trong năm					518.900.521.899	518.900.521.899
- Phân phối lợi nhuận năm 2014					(320.143.914.082)	(320.143.914.082)
+ Chia cổ tức bằng tiền mặt					(113.696.200.000)	(113.696.200.000)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển			168.965.516.697		(168.965.516.697)	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi					(33.296.197.386)	(33.296.197.386)
+ Thường cho HĐQT và BKS					(3.999.999.999)	(3.999.999.999)
+ Thù lao cho HĐQT và BKS Công ty con					(186.000.000)	(186.000.000)
- Tạm phân phối lợi nhuận năm 2015					(74.788.366.541)	(74.788.366.541)
+ Tạm trích quỹ đầu tư phát triển			4.380.431.028		(4.380.431.028)	-
+ Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi					(2.190.215.513)	(2.190.215.513)
- Chia cổ tức năm 2015					(68.217.720.000)	(68.217.720.000)
- Giảm khác					(295.518.384)	(295.518.384)
Số dư cuối năm trước	454.784.800.000	1.592.782.700	1.065.824.112.077	44.983.552.000	448.093.837.257	2.015.279.084.034
Số dư đầu năm nay	454.784.800.000	1.592.782.700	1.065.824.112.077	44.983.552.000	448.093.837.257	2.015.279.084.034
- Lãi trong năm					627.404.483.115	627.404.483.115
- Phân phối lợi nhuận năm 2015					(444.112.155.358)	(444.112.155.358)
+ Chia cổ tức bằng tiền mặt					(204.653.160.000)	(204.653.160.000)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển			189.759.158.871		(189.759.158.871)	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi					(44.510.831.487)	(44.510.831.487)
+ Thường cho HĐQT và BKS					(5.189.005.000)	(5.189.005.000)
- Chia cổ tức năm 2016					(90.956.960.000)	(90.956.960.000)
Số dư cuối năm nay	454.784.800.000	1.592.782.700	1.255.583.270.948	44.983.552.000	540.429.205.015	2.297.373.610.663



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Năm 2016

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2016 VNĐ	%	01/01/2016 VNĐ	%
Vốn góp của Nhà nước	134.221.700.000	29,51%	134.221.700.000	29,51%
Vốn góp của các đối tượng khác	320.563.100.000	70,49%	320.563.100.000	70,49%
Cộng	454.784.800.000	100,00%	454.784.800.000	100,00%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	454.784.800.000	454.784.800.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	454.784.800.000	454.784.800.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(295.610.120.000)	(181.913.920.000)
<i>Trong đó:</i>		
+ Bằng tiền	(295.610.120.000)	(181.913.920.000)

d) Cổ phiếu

	31/12/2016 Cổ phiếu	01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	45.478.480	45.478.480
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	45.478.480	45.478.480
- Cổ phiếu phổ thông	45.478.480	45.478.480
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	45.478.480	45.478.480
- Cổ phiếu phổ thông	45.478.480	45.478.480

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại	31/12/2016	01/01/2016
+ USD	227.206,74	230.211,04
+ EUR	20.828,36	13.886,29
+ JPY	150.000,00	326.000,00
+ SGD	2.450,00	2.450,00
+ THB	41.500,00	-



VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.678.351.052.989	2.970.287.044.650
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	3.341.230.622.533	2.747.660.293.210
Doanh thu bán vật tư, hàng hóa	337.042.605.090	222.572.468.713
Doanh thu cung cấp dịch vụ	77.825.366	54.282.727
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	369.607.442.561	178.672.959.542
Trong đó:		
Chiết khấu thương mại	368.149.395.840	177.590.203.406
Hàng bán bị trả lại	1.458.046.721	1.082.756.136
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.308.743.610.428	2.791.614.085.108
Trong đó:		
Doanh thu thuần bán thành phẩm	3.005.205.339.074	2.584.957.121.687
Doanh thu thuần bán vật tư, hàng hóa	303.460.445.988	206.602.680.694
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	77.825.366	54.282.727

4. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.950.197.167.037	1.701.993.323.062
Giá vốn của vật tư, hàng hóa đã bán	297.979.292.732	199.890.281.095
Cộng	2.248.176.459.769	1.901.883.604.157

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	48.189.555.338	27.988.177.665
Cổ tức và lợi nhuận được chia	57.019.028	80.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	549.389.918	113.400.817
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	92.015.072	191.878.655
Lãi bán ngoại tệ	90.193.376	61.849.366
Cộng	48.978.172.732	28.435.306.503

6. Chi phí tài chính

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Chi phí tiền vay	3.396.589.902	4.097.860.403
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	90.125.992	571.844.691
Chiết khấu thanh toán	35.219.170.463	24.933.321.768
Lỗ bán ngoại tệ	2.801.349.833	422.422
Cộng	41.507.236.190	29.603.449.284



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Năm 2016

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	43.135.393.547	28.821.882.021
Chi phí vật liệu, bao bì	17.237.799.390	2.397.730.416
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	2.426.974.600	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.264.460.969	577.975.850
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.707.669.947	58.679.849.795
Chi phí bằng tiền khác	35.149.666.449	35.460.693.786
Cộng	166.921.964.902	125.938.131.868
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	41.065.546.442	31.226.434.012
Chi phí vật liệu quản lý	31.122.423.630	21.009.642.292
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	3.713.914
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.660.815.955	3.880.996.275
Thuế, phí và lệ phí	756.348.007	347.341.461
Chi phí dự phòng	2.887.089.787	12.032.546.077
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.615.142.428	9.013.768.536
Chi phí bằng tiền khác	28.175.005.714	18.481.035.747
Cộng	115.282.371.963	95.995.478.314

8. Thu nhập khác

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	80.313.704	266.853.329
Xử lý chênh lệch kiểm kê	-	403.377.984
Bán phế liệu	-	1.296.151.650
Các khoản khác	304.370.560	461.659.113
Cộng	384.684.264	2.428.042.076

9. Chi phí khác

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Xử lý chênh lệch kiểm kê	-	71.791.042
Truy thu và phạt vi phạm luật thuế	2.677.391.676	3.976.359.703
Các khoản khác	50.190.845	382.364.266
Cộng	2.727.582.521	4.430.515.011



10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

- Công ty mẹ: Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.
- Công ty con:

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 15% trong 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh và trong các năm tiếp theo áp dụng theo quy định hiện hành.

- Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo.
- Năm 2009 là năm tài chính đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Chi phí thuế TNDN hiện hành	133.538.242.711	168.986.287.149

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	23.285.562.402	598.315.859
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(243.357.665)	(23.362.867.470)
Cộng	23.042.204.737	(22.764.551.611)

12. Lãi trên cổ phiếu

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	627.404.483.115	518.900.521.899
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	(49.699.836.487)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	49.699.836.487
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	44.510.831.487
+ Thuởng cho HĐQT và BKS (*)	-	5.189.005.000
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	627.404.483.115	469.200.685.412
Cổ phiếu phổ thông bình quân trong năm	45.478.480	45.478.480
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.796	10.317
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (**)	13.796	10.317



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Năm 2016

(*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khen thưởng cho HĐQT, BKS từ lợi nhuận năm 2016.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được điều chỉnh hồi tố do lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông đã được điều chỉnh trích quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng cho HĐQT và BKS năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 28/04/2016.

(**) Công ty không có CP phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính năm 2016.

13. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.911.491.209.459	1.473.102.914.972
Chi phí nhân công	219.906.256.429	167.247.349.892
Chi phí khấu hao tài sản cố định	87.290.025.205	66.049.489.608
Chi phí dịch vụ mua ngoài	158.033.943.428	137.428.702.071
Chi phí khác bằng tiền	68.662.027.713	67.145.866.925
Cộng	2.445.383.462.234	1.910.974.323.468

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Thông tin về các bên liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Chi phí tiền lương, thù lao	12.338.424.518	9.834.903.821

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ khác với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VNĐ)
Công ty CP Nhựa Đà Nẵng	Công ty liên kết	Nhận cổ tức	520.000.000
Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Bình Minh Việt	Công ty liên kết	Góp vốn	53.040.000.000



3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su, do đó không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2016 VNĐ	01/01/2016 VNĐ	31/12/2016 VNĐ	01/01/2016 VNĐ
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	404.984.303.020	370.744.808.359	404.984.303.020	370.744.808.359
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	490.000.000.000	670.000.000.000	490.000.000.000	670.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	639.342.736.628	443.500.746.248	639.342.736.628	443.500.746.248
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	2.193.950.400	2.193.950.400	2.314.303.550	2.297.852.400
Cộng	1.536.520.990.048	1.486.439.505.007	1.536.641.343.198	1.486.543.407.007
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay	105.992.187.000	61.100.187.000	105.992.187.000	61.100.187.000
Phải trả người bán và phải trả khác	222.028.186.675	163.931.756.117	222.028.186.675	163.931.756.117
Chi phí phải trả	152.716.832.474	110.709.980.112	152.716.832.474	110.709.980.112
Cộng	480.737.206.149	335.741.923.229	480.737.206.149	335.741.923.229

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Năm 2016

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý :

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở giá giao dịch trên thị trường chứng khoán. Đối với các chứng khoán chưa niêm yết thì giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCoM) đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCoM), hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm 31/12/2016 đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng.

Giá trị hợp lý của các khoản vay được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự. Giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính này tương đương giá trị sổ sách do ảnh hưởng của việc chiết khấu là không đáng kể.

5. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản đảm bảo thế chấp cho đơn vị khác vào ngày 31/12/2015 và vào ngày 31/12/2016.

Công ty nắm giữ tài sản đảm bảo của đơn vị khác là sổ đỏ vào ngày 31/12/2015 và vào ngày 31/12/2016 theo biên bản thẩm định giá lần lượt là 251.467.300.000 đồng và 249.126.800.000 đồng để đảm bảo cho việc mua hàng hóa chưa phải thanh toán ngay thời điểm nhập hàng hóa.

6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

7. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.



Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm	480.737.206.149	-	480.737.206.149
Các khoản vay	105.992.187.000	-	105.992.187.000
Phải trả người bán	129.476.100.215	-	129.476.100.215
Phải trả khác	92.552.086.460	-	92.552.086.460
Chi phí phải trả	152.716.832.474	-	152.716.832.474
Số đầu năm	335.741.923.229	-	335.741.923.229
Các khoản vay	61.100.187.000	-	61.100.187.000
Phải trả người bán	94.450.621.817	-	94.450.621.817
Phải trả khác	69.481.134.300	-	69.481.134.300
Chi phí phải trả	110.709.980.112	-	110.709.980.112

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

8. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ là Đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tt)

Năm 2016

9. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

10. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính 2016, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

11. Những thông tin khác

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2016 ngày 28/04/2016 thì Công ty sẽ sáp nhập với Công ty CP Nhựa Đà Nẵng (DPC). Tuy nhiên cho đến ngày phát hành báo cáo này phương án sáp nhập vẫn chưa được thông qua.

Người lập biểu

Phùng Hữu Luận

Kế toán trưởng

Hồng Lê Việt

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hoàng Ngân

Thành phố Hồ Chí Minh ngày 10 tháng 03 năm 2017



NHỰA BÌNH MINH®





NHỰA BÌNH MINH®

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

🏢 240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, Tp. Hồ Chí Minh

☎ Tel: (84) 28 3969 0973

✉ Fax: (84) 28 3960 6814

🌐 www.binhminhplastic.com.vn